CÔNG TY TNHH MTV DƯƠNG KHANG

---------o0o------

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Của Cơ sở

"KHU DU LỊCH SINH THÁI KẾT HỢP SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO THE LUGAR AN GIANG RESORT AND SPA - GIAI ĐOẠN 1"

An Giang, tháng 10 năm 2023

CÔNG TY TNHH MTV DƯƠNG KHANG

---------o0o-------

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Của Cơ sở
"KHU DU LỊCH SINH THÁI KẾT HỢP SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO THE LUGAR AN GIANG RESORT AND SPA - GIAI ĐOẠN 1"

ĐƠN VỊ TƯ VẤN	CHỦ CƠ SỞ
CÔNG TY TNHH MTV BÁCH PHÚC KHANG	CÔNG TY TNHH MTV DƯƠNG KHANG
GIÁM ĐỐC	
Nguyễn Thị Ngọc Lan	Nguyễn Văn Lợt

An Giang, tháng 10 năm 2023

MỤC LỤC

MỤC LỤC i
DANH SÁCH BẢNG iv
DANH SÁCH HÌNH v
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT vi
CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ 1
1. Tên chủ cơ sở 1
2. Tên cơ sở 1
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở 3
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở 3
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở 3
3.3. Sản phẩm của cơ sở 4
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở 4
4.1. Nguyên liệu sử dụng của cơ sở 4
4.2. Nhiên liệu sử dụng 5
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở đầu tư 6
5.1. Các hạng mục công trình của dự án 6
5.1.1. Các hạng mục công trình chính 6
5.1.2. Các hạng mục công trình phụ trợ 7
5.1.3. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường 8
5.2. Tiến độ thực hiện 9
5.3. Nội dung thay đổi so với Kế hoạch bảo vệ môi trường đã được phê duyệt 10
CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG 12
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường 12
2. Sự phù hợp của cơ sở đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường 13
CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ 15
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải 15

1.1. Thu gom, thoát nước mưa 15
1.2. Thu gom, thoát nước thải 16
1.3. Xử lý nước thải 18
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải 24
2.1. Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông 24
2.2. Biện pháp giảm thiểu khí thải từ hệ thống XLNT 24
2.3. Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải và mùi hôi từ hoạt động nấu ăn 25
3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường 25
3.1. Chất thải rắn sinh hoạt 25
3.2. Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải 26
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại 27
5. Các công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung 27
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử ngiệm và khi cơ sở đi vào vận hành 28
6.1. Phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ 28
6.2. Phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất 28
6.3. Phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống XLNT 29
7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác *(không có)* 29
CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG 30
1. Nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với nước thải 30
1.1. Nguồn phát sinh nước thải 30
1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa 30
1.3. Dòng nước thải 30
1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải 30
1.5. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải 31
2. Nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với khí thải 31
3. Nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với tiếng ồn, độ rung 31
3.1. Nguồn phát sinh 31
3.2. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung 31
4. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở đầu tư thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại *(không có)* 32

5. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở đầu tư có nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất *(không có)* 32

CHƯƠNG V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ 33

CHƯƠNG VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ 34

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở 34

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm 34

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải 34

1.3. Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch vận hành thử nghiệm 35

2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật 36

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ 36

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải 36

3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở *(không có)* 36

4. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm 36

CHƯƠNG VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ 37

CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ 38

PHỤ LỤC BÁO CÁO 39

DANH SÁCH BẢNG

Bảng 1.1. Các hạng mục công trình của cơ sở 6
Bảng 1.2. Thống kê các nội dung thay đổi tại thời điểm báo cáo so với Kế hoạch bảo vệ môi trường đã được phê duyệt 10

Bảng 2.1. Diễn biến chất lượng nước mặt sông Tiền 13

Bảng 3.1. Thông số kỹ thuật cơ bản hệ thống thoát nước thải của cơ sở 17
Bảng 3.2. Chủng loại và mã số CTNH phát sinh tại cơ sở 27

Bảng 4.1. Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong nước thải..... 30
Bảng 4.2. Vị trí và giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn (theo mức âm tương đương), dBA 31
Bảng 4.3. Vị trí và giới hạn tối đa cho phép về độ rung 32

Bảng 6.1. Kế hoạch quan trắc nước thải giai đoạn vận hành thử nghiệm 35
Bảng 6.2. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm..... 36

DANH SÁCH HÌNH

Hình 1.1. Phạm vi và ranh giới khu đất thực hiện cơ sở 2
Hình 1.2. Sơ đồ quy trình hoạt động tại cơ sở 4

Hình 3.1: Sơ đồ thu gom nước mưa tại cơ sở 15
Hình 3.2. Rãnh thoát nước mưa tại cơ sở..... 16
Hình 3.3. Sơ đồ thu gom, thoát nước thải tại cơ sở 17
Hình 3.4. Mô hình bể tự hoại 03 ngăn 19
Hình 3.5. Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải 20

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BTNMT	Bộ Tài nguyên Môi trường
BXD	Bộ Xây dựng
BOD_5	Nhu cầu oxy sinh học
CO	Cacbon oxit
CO_2	Cacbon đioxit
COD	Nhu cầu oxy hóa học
CP	Chính phủ
CTNH	Chất thải nguy hại
CTR	Chất thải rắn
NĐ	Nghị định
MTV	Một thành viên
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
QĐ	Quyết định
QH	Quốc hội
SO_2	Lưu huỳnh đi oxit
STT	Số thứ tự
TT	Thông tư
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
UBND	Ủy ban nhân dân
XN	Xác nhận
XLNT	Xử lý nước thải

CHƯƠNG I
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở

- Tên chủ cơ sở: Công ty TNHH MTV Dương Khang

- Địa chỉ văn phòng: Ấp Long Hòa 1, xã Long Điền A, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang

- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: (Ông) Nguyễn Văn Lợt

- Chức vụ: Giám đốc

- Điện thoại: 0918 028 269

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 1600977984, đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 09 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 09 tháng 04 năm 2018. Cơ quan cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang.

2. Tên cơ sở

- Tên cơ sở: Khu du lịch sinh thái kết hợp sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao The Lugar An Giang Resort and Spa – giai đoạn 1.

- Địa điểm thực hiện cơ sở: Khu vực bãi bồi Tấn Long, xã Tấn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Tứ cận tiếp giáp của cơ sở như sau:

+ Phía Đông: giáp sông Tiền;

+ Phía Bắc: giáp đường giao thông nông thôn và đất dân cư;

+ Phía Nam: giáp sông Tiền;

+ Phía Tây: giáp sông Tiền.

- Phạm vi ranh giới và vị trí cơ sở được thể hiện trong hình sau:

(Nguồn: Google Earth, 2023)

Hình 1.1. Phạm vi và ranh giới khu đất thực hiện cơ sở

- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, các loại giấy phép môi trường thành phần:

+ Quyết định số 1434/QĐ-UBND ngày 22/7/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu du lịch sinh thái kết hợp sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao The Lugar An Giang Resort and Spa;

+ Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường số 1853/XN-UBND ngày 26/8/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới;

+ Quyết định số 801/QĐ-UBND ngày 26/5/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu du lịch sinh thái kết hợp sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao The Lugar An Giang Resort and Spa.

- Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Cơ sở "Khu du lịch sinh thái kết hợp sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao The Lugar An Giang Resort and Spa" thuộc loại hình du lịch với tổng vốn đầu tư là 237.058.148.000 đồng *(Hai trăm ba mươi bảy tỷ, không trăm năm mươi tám triệu, một trăm bốn mươi tám nghìn đồng)*, vì vậy cơ sở thuộc nhóm B theo quy định tại Phụ lục I Phân loại dự án đầu tư công kèm theo Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 và khoản 4 Điều 10 của Luật đầu tư công số 39/2019/QH14 (dự án Du lịch có tổng mức đầu tư từ 45 tỷ đến dưới 800 tỷ).

- Phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường: Cơ sở thuộc loại hình du lịch và có tổng vốn đầu tư là 237.058.148.000 đồng *(Bằng chữ: Hai trăm ba mươi bảy tỷ, không trăm năm mươi tám triệu, một trăm bốn mươi tám nghìn đồng),* vì vậy cơ sở thuộc nhóm B theo quy định về Luật đầu tư công và dự án không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Căn cứ khoản 2, mục I, phụ lục IV kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường thì cơ sở thuộc dự án đầu tư nhóm II theo quy định về pháp luật bảo vệ môi trường *(không có yếu tố nhạy cảm về môi trường)* nên dự án thuộc đối tượng phải lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường theo mẫu Phụ lục XII - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và trình UBND huyện Chợ Mới cấp giấp phép môi trường *(căn cứ khoản 2 Điều 39 và Khoản 4 Điều 41 của Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc Hội thông qua ngày 17/11/2020).*

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

- "Khu du lịch sinh thái kết hợp sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao The Lugar An Giang Resort and Spa" được đầu tư xây dựng trên tổng diện tích đất khoảng 67.212m^3. Được chia thành 02 giai đoạn:

+ Giai đoạn 1: Khu bờ Đông bến đò Tấn Long với diện tích khoảng 18.382,56m^2;

+ Giai đoạn 2: Khu bờ Tây bến đò Tấn Long với diện tích khoảng 48.829,44m^2.

- Khu du lịch đi vào hoạt động sẽ phục vụ cho khoảng 500-1.500 người (bao gồm khách du lịch và nhân viên). Tuy nhiên, hiện tại chủ cơ sở mới đầu tư xây dựng hoàn thiện giai đoạn 1, do đó báo cáo chỉ thực hiện việc đánh giá trong giai đoạn 1 với diện tích khoảng 18.382,56m^2 và quy mô khoảng 750 người (bao gồm khách du lịch và nhân viên).

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

- Loại hình hoạt động của cơ sở: Khu du lịch sinh thái kết hợp sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ phục vụ khách du lịch trong và ngoài nước, do đó quy trình hoạt động tại cơ sở được trình bày như sau:

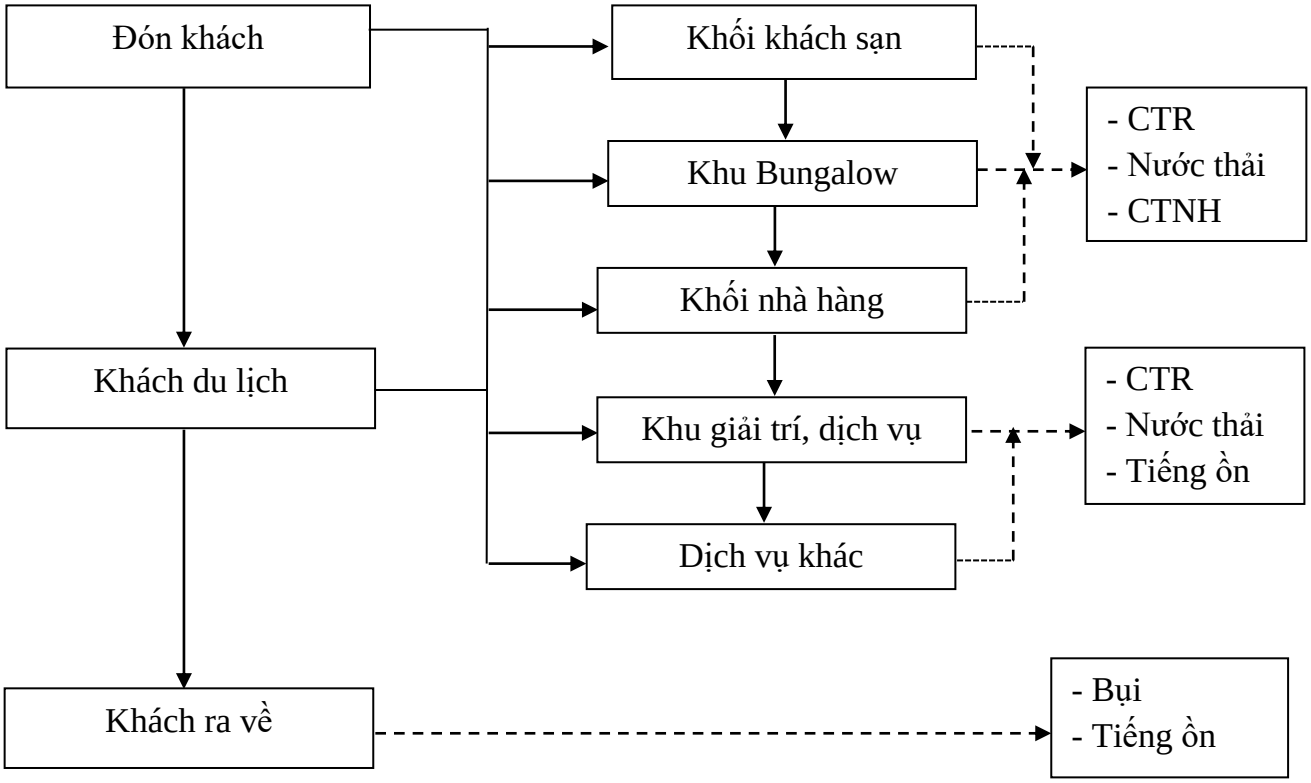

Hình 1.2. Sơ đồ quy trình hoạt động tại cơ sở

**** Thuyết minh quy trình:***

- Đón khách: Khách đi theo đoàn đến khu nghĩ dưỡng bởi các xe chuyên dụng của những đơn vị du lịch lữ hành. Khách lẻ tự đến cơ sở bởi các phương tiện như xe máy, taxi, ô tô,….Du khách đến khu nghĩ dưỡng sẽ vào quầy lễ tân để được bố trí phòng tại các bungalow hay khách sạn.

- Khách du lịch: Sẽ được phục vụ ăn uống, giải trí,…ngay tại khu du lịch. Sau đó, du khách sẽ nghỉ ngơi tại các phòng đã được đặt và bố trí sẵn. Khu du lịch không có dân cư thường trú, chỉ có dân cư ngắn hạn.

- Khách trả phòng và ra về.

3.3. Sản phẩm của cơ sở

- Sản phẩm của cơ sở là phục vụ du lịch, nghĩ dưỡng cho khách du lịch trong và ngoài nước với các loại hình như du lịch nghĩ dưỡng, du lịch sinh thái kết hợp với nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

4.1. Nguyên liệu sử dụng của cơ sở

- Do loại hình hoạt động tại cơ sở là Khu du lịch sinh thái kết hợp sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ nên nguồn nguyên liệu được sử dụng chủ yếu là các loại rau, củ quả, thịt, cá,….các loại thức uống phục vụ du khách.

- Bên cạnh đó, tại cơ sở còn sử dụng một số loại hóa chất, vật liệu, nhiên liệu phục vụ cho các hoạt động cần thiết tại cơ sở như: hóa chất dùng cho HTXLNT, nhớt dùng cho các máy móc thiết bị, dụng dịch vệ sinh phòng nghỉ,…..

4.2. Nhiên liệu sử dụng

a. Nhu cầu sử dụng điện:

- Nguồn cung cấp điện: Khi cơ sở đi vào hoạt động nguồn cung cấp điện được lấy từ mạng lưới điện quốc gia trong khu vực. Nhu cầu sử dụng điện tại cơ sở ước tính khoảng 582,78kw/ngày.

b. Nhu cầu sử dụng nước:

- Nguồn cung cấp nước: Nguồn cung cấp nước để phục vụ nhu cầu sinh hoạt tại cơ sở được lấy từ nhà máy nước sạch trong khu vực.

- Nhu cầu sử dụng nước tại cơ sở: Giai đoạn 1 cơ sở hoạt động với quy mô khoảng 750 người nhưng không có dân cư thường trú, chỉ có dân cư ngắn hạn. Khách du lịch đến cơ sở tham quan vui chơi chỉ một khoảng thời gian ngắn và sau đó ra về nên lượng nước cấp cho du khách sử dụng khá ít, ước tính lượng nước cấp khoảng 25lít/người. Vậy lượng nước cấp cho sinh hoạt tại cơ sở khoảng 18,75m^3/ngày *(750 người x 25 lít/người = 18.750 lít/ngày hay 18,75m^3/ngày).*

+ Nước cấp cho khu vực nhà hàng ước tính khoảng 9m^3/ngày.

➔ Vậy tổng nhu cầu sử dụng nước tại cơ sở **khoảng 27,75m^3/ngày** *(không bao gồm nước tưới cây, rửa đường và dự trữ phòng cháy chữa cháy).*

- Ngoài ra, tại cơ sở còn sử dụng nước cấp cho các mục đích sử dụng khác, như sau:

+ Nước tưới cây, rửa đường: Theo QCVN 01:2021/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng (nước tưới cây, rửa đường,..) bằng 8% lượng nước sinh hoạt, lượng nước cấp ước tính khoảng 1,5m^3/ngày.đêm.

+ Nước cấp dự trữ nước phòng cháy chữa cháy với lưu lượng nước cấp cho 1 đám cháy phải đảm bảo ≥ 15l/s cho một đám cháy xảy ra trong 2 giờ liền tương đương 108m^3/ngày.đêm.

c. Hóa chất sử dụng:

- Khi cơ sở đi vào hoạt động còn sử dụng thêm một số loại hóa chất để vệ sinh các phòng nghỉ, nhà vệ sinh và phục vụ cho HTXLNT.

+ Dung dịch vệ sinh các phòng nghỉ, nhà vệ sinh: Khoảng 05 lít/ngày.

+ Hóa chất khử trùng (Chlorine): Khoảng 2kg/ngày.

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở đầu tư

5.1. Các hạng mục công trình của dự án

- Khu du lịch sinh thái kết hợp sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao The Lugar An Giang Resort ang Spa – Giai đoạn 1 được đầu tư xây dựng trên diện tích khoảng 18.382,56m^2. Các hạng mục công trình được trình bày như bảng sau:

Bảng 1.1. Các hạng mục công trình của cơ sở

STT	Hạng mục công trình	Diện tích (m^2)
1	Nhà hàng coffe ven sông	647
2	Khu nhà sàn, Bungalow vip (12 căn)	1.248
3	Khu dã ngoại cấm trại sinh thái	980
4	Khu trưng bày Bonsai – gỗ lúa	495,6
5	Khu tổ hợp Game – Karaoke - Bar	234
6	Khu bãi xe và khu vui chơi	680
7	Quãng trường, đồi cây kết hợp trưng bày xe, cây xanh	1.489,5
8	Khu nông nghiệp – trồng cây lâu năm kết hợp dã ngoại	4.592,3
9	Hệ thống XLNT	100
10	Đường nội bộ, cây xanh và các công trình phụ trợ khác	7.916,16
Tổng cộng		**18.382,56**

(Nguồn: Chủ cơ sở, 2023)

5.1.1. Các hạng mục công trình chính

a. Nhà hàng coffe ven sông

- Chi tiết móng và cột đà kiềng:

+ Móng gia cố cọc BTDƯL 129x120, M140, l=6m;

+ Cao trình cọc -1.000m so với Cos+0.000;

+ Các cấu kiện BTCT đá 1x2 sử dụng bê tông cấp B15 (M.2000) có Rb=8,5Mpa; Rbt=0,75Mpa;

+ Thép sử dụng có cường độ đạt Rs=225Mpa (<Ø10); Rs = 280Mpa (≥Ø10).

- Chi tiết vì kèo thép hình:

+ Các trục đồng quy tại nút;

+ Các vì kèo và bán kèo liên kết với nhau bằng bản mã;

+ Khoảng cách 2 mép thép bằng 30mm;

+ Chiều dày bản mắt bằng 8mm;

+ Chiều dài đường hàn min Lhm=70;

+ Thép R > 2300kg/cm^2;

+ Chiều cao đường hàn Lh = 5mm.

b. Khu nhà sàn, Bungalow

- Lựa chọn loại cây khỏe mạnh, có một bộ rễ và gốc tốt, phù hợp nhất làm cột trụ của ngôi nhà. Sàn và vách nhà bằng gỗ, mái lộp bằng dừa để giảm trọng lượng của nhà.

c. Khu dã ngoại cắm trại sinh thái

- Khu vực với hình thức du lịch dã ngoại cắm trại ngoài thiên nhiên. Cơ sở bố trí một khu vực cắm trại, ngủ lều, quây quầng bên nhau, cùng vui chơi các hoạt động ngoài trời đốt lửa trại, nấu BBQ những món ăn đã chuẩn bị và sơ chế sẵn,…

d. Cây kiểng Bonsai

- Bố trí tiểu cảnh Bonsai: Cách bố trí này sẽ chọn một cây bonsai để làm điểm nhấn chính sau đó trang trí xung quanh cây bằng đá, sỏi hoặc các loài cây bụi nhỏ khác.

- Các loài cây bonsai thường được sử dụng tại Việt Nam như: Cây sung, cây sanh, cây tùng cối,….

e. Quầy Bar

- Bối trí khu vực quầy bar ven sông để pha chế các loại nước uống và thức ăn nhanh cho khách du lịch.

- Quầy bar có bố trí các loại bàn ghế cao để khách đứng xung quanh quầy và có thêm một số loại hình thức giải trí như: nhạc, bàn bi da, phi tiêu hay trực tiếp các sự kiện thể thao,….

5.1.2. Các hạng mục công trình phụ trợ

a. Khu bãi xe

- Khu vực để xe của khách du lịch đến nghĩ dưỡng và nhân viên làm việc trong cơ sở có kết cấu:

+ Nền móng: Trên nền tự nhiên rãi đá mi;

+ Mái che bằng tole.

b. Nhà bảo vệ

- Kết cấu: Nền lát vữa xi măng C100. Đan BTCT đá 1x2, mca1 200, D90. Bê tông lót đá 4x6, M100, D100.

c. Nhà vệ sinh

- Kết cấu: Tường xây gạch, hoàn thiện bả mastic, sơn nước. Mái lợp tole sóng vương mạ màu d0,45mm, xà gồ thép hình. Nền lát gạch 400x400mm. Khung BTCT toàn khối cấp độ bền B15 mác 200.

d. Cây xanh

- Cây xanh được thiết kế hợp lý để có tác dụng trang trí, chống bụi, ồn đồng thời tạo kiến trúc, cảnh quan cho cơ sở.

- Bên cạnh đó, cơ sở còn kết hợp sản xuất nông nghiệp công nghệ cao và du lịch nên diện tích cây xanh trong khu vực cơ sở khá lớn.

- Thành bó ô 1,2x1,2m bằng BTCT đá 1x2 M200 dày 10cm cao 40cm, phía dưới là lớp BT lót đá 4x6 M100 dày 10cm.

- Lựa chọn các loại cây có tán rộng, ít rụng lá. Cỏ thảm là các loại cỏ dễ trồng và nuôi dưỡng có hoa tạo cảnh quan như: Cỏ hoàng lạc, cỏ đậu phộng,….

5.1.3. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường

a. Hệ thống xử lý nước thải, thoát nước thải

- Xây dựng hệ thống thoát nước thải riêng biệt.

- Nước thải được xử lý sơ bộ tại các công trình bằng bể tự hoại trước khi thoát ra các tuyến thu gom để dẫn về khu xử lý nước thải chung tại cơ sở. Nước thải sau xử lý đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A trước khi thoát ra nguồn tiếp nhận.

- Chủ cơ sở đã đầu tư xây dựng HTXLNT công suất 30m^3/ngày.đêm để thu gom và xử lý toàn bộ lượng nước thải phát sinh tại cơ sở.

b. Hệ thống thoát nước mưa

- Phần lớn diện tích tại cơ sở (giai đoạn 1) là mặt đất không được bê tông nên nước mưa sẽ rơi xuống theo độ dốc sân nền tự thấm vào môi trường tự nhiên.

- Đối với nước mưa tại khu vực có mái che (nhà hàng, khu nhà sàn, quầy bar,….) nước mưa từ mái che rơi xuống theo các rãnh thoát nước mưa đã được bố trí sẵn tại cơ sở thoát ra ao nội đồng phía sau cơ sở.

c. Thu gom và xử lý chất thải rắn

- Để giảm thiểu ảnh hưởng từ chất thải rắn sinh hoạt thông thường chủ cơ sở bố trí các trang thiết bị, thùng rác nhằm đảm bảo phân loại chất thải rắn thông thường tại nguồn, thu gom và chuyển rác thải đã được phân loại đến đúng nơi quy định (theo quy định tại Điều 75 của Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 của Quốc hội ban hành ngày 17/11/2020), chi tiết như sau:

+ Dọc các tuyến đường trong khu vực cơ sở bố trí các thùng rác có nắp đậy loại 60 lít, khoảng cách 100m-200m/thùng;

+ Các khu vực công cộng như: đường nội bộ đi dạo, cây xanh,…cũng bố trí các thùng rác để thu gom rác loại 120 lít có nắp đậy, khoảng cách 200m-300m/thùng;

+ Tại mỗi phòng nghỉ sẽ trang bị thùng rác nhỏ loại 10 lít đặt trong phòng để khách có thể bỏ rác. Lượng rác này sẽ được nhân viên vệ sinh của khu du lịch thu gom về khu vực tập kết rác vào mỗi ngày;

+ Đối với khu vực nhà hàng, bố trí thùng chứa rác loại 120 lít (02 thùng) và các thùng rác nhỏ bố trí trong khuôn viên nhà hàng nơi phục vụ du khách. Lượng rác này cũng được thu gom xử lý vào cuối ngày.

- Bùn thải từ HTXLNT: Tổng khối lượng bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải công suất 30m^3/ngày.đêm của cơ sở, ước tính khoảng **0,1m^3/tháng**. Khi lượng bùn thải trong hệ thống xử lý nước thải vượt mức quy định (khoảng 2/3 bể phân hủy bùn), chủ cơ sở sẽ thuê đơn vị có chức năng như Công ty TNHH MTV SX TM DV Môi trường Á Châu, Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị TP.HCM…đến hút bùn và chuyển đi xử lý theo đúng quy định của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 1 năm 2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- *Chất thải nguy hại:* Chủ cơ sở bố trí kho chứa chất thải nguy hại diện tích 5m^2, kho chứa bố trí trong khu vực có mái che đảm bảo kín; mặt sàn không bị thẩm thấu và tránh nước mưa chảy tràn ra bên ngoài; bên ngoài có dán nhãn cảnh báo chất thải nguy hại. Bên trong bố trí 03 thùng có nắp đậy, dung tích 60 lít, có dán nhãn chất thải nguy hại.

5.2. Tiến độ thực hiện

Cơ sở đã hoàn thiện xây dựng các hạng mục công trình chính, công trình phụ trợ, công trình bảo vệ môi trường và đưa vào vận hành sử dụng vào tháng 01/2023.

5.3. Nội dung thay đổi so với Kế hoạch bảo vệ môi trường đã được phê duyệt

"Khu du lịch sinh thái kết hợp sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao The Lugar An Giang Resort ang Spa – Giai đoạn 1" đã được UBND huyện Chợ Mới cấp Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường số 1853/XN-UBND ngày 26/081/2020. Đến thời điểm xin cấp giấy phép, cơ sở có điều chỉnh, thay đổi một số hạng mục công trình, cụ thể được trình bày như sau:

Bảng 1.2. Thống kê các nội dung thay đổi tại thời điểm Báo cáo đề xuất cấp GPMT so với Kế hoạch bảo vệ môi trường đã được phê duyệt

STT	Hạng mục	KHBVMT đã được phê duyệt	Nội dung thay đổi
1	Nguồn tiếp nhận nước mưa	Thoát ra sông	Thoát vào ao nội đồng phía sau cơ sở
2	Nhu cầu sử dụng nước	Tổng nhu cầu cấp nước cho toàn dự án khi đi vào hoạt động là 359,79m^3/ngày	- Nhu cầu sử dụng nước tại cơ sở: + Lượng nước cấp cho sinh hoạt tại cơ sở khoảng 18,75m^3/ngày *(750 người x 25 lít/người = 18.750 lít/ngày hay 18,75m^3/ngày).* + Nước cấp cho khu vực nhà hàng ước tính khoảng 9m^3/ngày. - Vậy tổng nhu cầu sử dụng nước tại cơ sở **khoảng 27,75m^3/ngày** *(không bao gồm nước tưới cây, rửa đường và dự trữ phòng cháy chữa cháy).* - Ngoài ra, tại cơ sở còn sử dụng nước cấp cho các mục đích sử dụng khác, như sau: + Nước tưới cây, rửa đường: Theo QCVN 01:2021/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng (nước tưới cây, rửa đường,..) bằng

STT	Hạng mục	KHBVMT đã được phê duyệt	Nội dung thay đổi
			8% lượng nước sinh hoạt, lượng nước cấp ước tính khoảng 1,5m^3/ngày.đêm. + Nước cấp dự trữ nước phòng cháy chữa cháy với lưu lượng nước cấp cho 1 đám cháy phải đảm bảo ≥ 15l/s cho một đám cháy xảy ra trong 2 giờ liền tương đương 108m^3/ngày.đêm.
3	Bùn thải từ HTXLNT	Được thu gom khoảng 1 tuần/lần. Sau đó, thuê đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định	Khi lượng bùn thải trong hệ thống xử lý nước thải vượt mức quy định (khoảng 2/3 bể phân hủy bùn), chủ cơ sở sẽ thuê đơn vị có chức năng như Công ty TNHH MTV SX TM DV Môi trường Á Châu, Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị TP.HCM,…đến hút bùn và chuyển đi xử lý theo đúng quy định của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 1 năm 2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
4	Chất thải nguy hại	Chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở, chủ yếu: Giẻ lau dính các thành phần nguy hại, bóng đèn huỳnh quang, pin ắc quy, các linh kiện thiết bị điện tử,….với khối lượng khoảng 17kg/tháng.	Chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở, chủ yếu: Bóng đèn huỳnh quanh hư hỏng, bao bì cứng thải (chai lọ xịt phòng, vỏ chai hóa chất tẩy rửa), mực in, pin ắc quy thải và giẻ lau dính dầu nhớt,….với khối lượng khoảng 10kg/tháng.

(Nguồn: Chủ cơ sở, năm 2023)

CHƯƠNG II
SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

- "Khu du lịch sinh thái kết hợp sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao The Lugar An Giang Resort and Spa – Giai đoạn 1" tọa lạc tại ấp Tấn Long, xã Tấn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang có sự phù hợp với quy hoạch môi trường, phù hợp với quy hoạch chung của huyện Chợ Mới thông qua các văn bản có liên quan sau:

+ Quyết định số 4793/QĐ-UBND ngày 18/10/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới về việc công nhận kết quả trúng đấu giá khu đất bãi bồi Tấn Long, xã Tấn Mỹ, huyện Chợ Mới;

+ Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường số 1853/XN-UBND ngày 26/8/2020 của Uỷ ban nhân dân huyện Chợ Mới;

+ Quyết định số 1434/QĐ-UBND ngày 22/7/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu du lịch sinh thái kết hợp sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao The Lugar An Giang Resort and Spa;

+ Quyết định số 801/QĐ-UBND ngày 26/5/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu du lịch sinh thái kết hợp sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao The Lugar An Giang Resort and Spa;

- Loại hình hoạt động của cơ sở là Khu du lịch sinh thái kết hợp với ứng dụng công nghệ cao nhằm phục vụ du lịch, nghĩ dưỡng cho khách du lịch trong và ngoài nước với các loại hình như du lịch nghĩ dưỡng, du lịch sinh thái kết hợp với nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao nên cơ sở không thuộc các đối tượng bắt buộc phải bố trí tập trung vào khu công nghiệp, cụm công nghiệp theo Quyết định số 20/2021/QĐ-UBND ngày 20/04/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang ban hành kèm theo Quyết định số 80/2016/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Do đó, vị trí cơ sở hoàn toàn phù hợp với quy hoạch đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Tại thời điểm Cơ sở lập báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường chưa có quy hoạch bảo vệ môi trường Quốc gia, chưa có quy hoạch bảo vệ môi trường và phân vùng môi trường trên địa bàn tỉnh do vậy báo cáo không đề cập nội dung này.

2. Sự phù hợp của cơ sở đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường

- Đánh giá khả năng chịu tải nguồn tiếp nhận theo hướng dẫn tại Điều 82 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường. Và thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước sông, hồ.

- Mặt khác, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang đã ban hành Quyết định số 2945/QĐ-UBND ngày 05/12/2022 quyết định về việc phê duyệt khả năng chịu tải và giải pháp bảo vệ chất lượng nước các sông, kênh, rạch trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Nguồn phát sinh nước thải tại cơ sở chủ yếu là nước thải sinh hoạt được thu gom xử lý sơ bộ bằng hầm tự hoại 03 ngăn sau đó theo đường ống PVC Ø114 dẫn về hệ thống XLNT tại cơ sở với công suất 30m^3/ngày.đêm. Nước thải sau xử lý đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột A) sau đó thoát vào ao nội đồng phía sau cơ sở bằng đường ống PVC Ø114 (qua 01 điểm xả). Ao chứa nước thải sau xử lý tọa lạc tại ấp Tấn Long, xã Tân Mỹ, huyện Chợ Mới, An Giang. Nhằm đánh giá hiệu quả hệ thống xử lý nước thải tại cơ sở trước khi thoát ra nguồn tiếp nhận (ao nội đồng), Chủ cơ sở và đơn vị tư vấn đã phối hợp với Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ để tiến hành thu mẫu phân tích chất lượng môi trường nước thải sau xử lý, kết quả phân tích được trình bày như sau:

Bảng 2.1. Diễn biến chất lượng nước thải sau xử lý

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT, cột A
1	pH	-	6,89	5 - 9
2	BOD_5 (20^0C)	mg/l	13	30
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	39	50
4	Chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	85	500

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT, cột A
5	Sunfua (tính theo H_2S)	mg/l	KPH (MDL=0,23)	1
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	KPH (MDL=0,70)	5
7	Nitrat (NO_3- tính theo N)	mg/l	0,67	30
8	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	1,60	6
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	0,08	10
10	Phosphat (PO_4^{3-}) (tính theo P)	mg/l	0,10	5
11	Coliforms	MPN/100ml	$1,5x10^3$	3.000

(Nguồn: Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ, 2023)

Ghi chú:

- "KHP" : Không phát hiện.

- QCVN 14-MT:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt– Cột A.

Qua kết quả phân tích chất lượng nước thải sau xử lý tại cơ sở cho thấy tất cả các chỉ tiêu đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 14-MT:2008/BTNMT, cột A. Qua đó có thể thấy HTXL nước thải tại cơ sở đang hoạt động hiệu quả, trong khả năng của mình chủ cơ sở luôn cố gắng nâng cao hiệu quả xử lý nước thải, tái sử dụng nước thải, nhằm hạn chế xả thải ra ngoài môi trường, giúp giảm tải cho môi trường, nhằm không làm suy giảm chất lượng nguồn nước tiếp nhận thêm. Bên cạnh đó, với các biện pháp giảm thiểu và xử lý nước thải được áp dụng tại cơ sở, hoạt động phát sinh nước thải trong quá trình hoạt động tại cơ sở phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường nước mặt tại cơ sở.

CHƯƠNG III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

- Hệ thống thu gom nước mưa:

+ Nước mưa được đánh giá là nước sạch nên sẽ được thu gom bằng hệ thống thoát nước riêng. Ngoài ra, phần lớn diện tích giai đoạn 1 tại cơ sở là mặt đất để trồng cây xanh và phần diện tích đường giao thông, lối đi chung đều được bê tông hóa.

+ Nước mưa chảy tràn trên khu vực bê tông, mái nhà rơi xuống theo độ dốc sân nền một phần tự thấm vào môi trường xung quanh, một phần thoát vào các rãnh thu gom nước mưa đường kính 200-300 mm.

- Hệ thống thoát nước mưa:

+ Chủ cơ sở đã đầu tư xây dựng hoàn chỉnh các rãnh thoát nước mưa hoàn chỉnh, thoát riêng với nước bẩn, hoạt động theo chế độ tự chảy.

+ Biện pháp xây dựng và thu gom nước mưa bằng các rãnh thoát nước đường kính 200-300 mm và thoát ra ao nội đồng theo đường ống PVC D90 (tự chảy).

+ Sơ đồ thoát nước mưa:

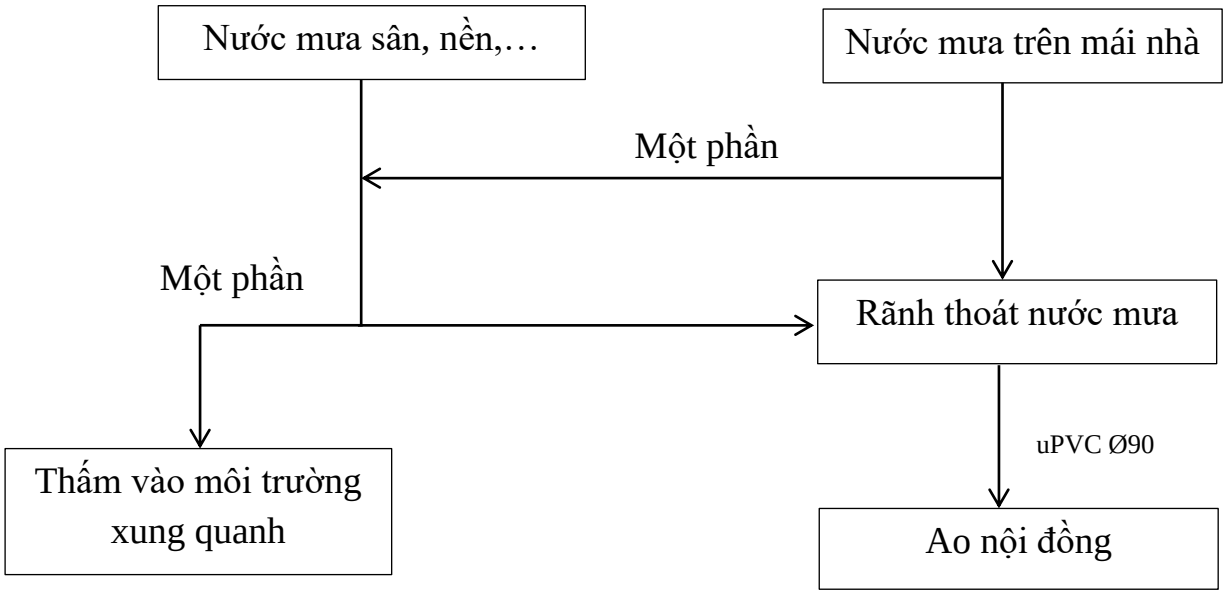

Hình 3.1: Sơ đồ thu gom nước mưa tại cơ sở

- Chủ cơ sở đã bố trí các rãnh thu gom nước mưa chạy dọc theo đường giao thông nội bộ, dọc các rãnh thu gom nước mưa có bố trí các hố gas lắng cát và song chắn rác.

- Khu vực sân bãi, đường giao thông nội bộ của cơ sở thường xuyên được làm vệ sinh sạch sẽ (quét dọn), không để rơi vãi chất thải gây ô nhiễm nước mưa.

- Sử dụng máng xối thu nước cho toàn bộ các công trình có mái che, hạn chế nước mưa chảy tràn vào khu vực kinh doanh…Các hố gas lắng bùn cặn được định kỳ nạo vét, đảm bảo nước mưa không bị ứng đọng.

- Kiểm tra hoạt động của các rãnh thoát nước mưa trong mùa mưa, nếu hoạt động chưa hiệu quả cần phải có phương án cải tạo các rảnh thoát nước mưa.

Hình 3.2. Rãnh thoát nước mưa tại cơ sở

1.2. Thu gom, thoát nước thải

- Công trình thu gom nước thải:

+ Theo quy hoạch tại cơ sở nước thải từ các hạng mục công trình, dịch vụ sẽ được thu gom đưa về hệ thống xử lý nước thải tại cơ sở để xử lý trước khi thoát ra nguồn tiếp nhận.

+ Nước thải từ các khu nhà hàng, nhà bếp… được dẫn qua lưới lượt rác và thiết bị tách dầu mỡ. Nước thải sinh hoạt tại cơ sở sẽ được thu gom, xử lý qua bể tự hoại. Sau đó, toàn bộ lượng nước thải được dẫn về HTXL nước thải tại cơ sở. Nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A sẽ thoát vào ao nội đồng theo hình thức tự chảy.

- Công trình thoát nước thải:

+ Hệ thống đường ống thu gom nước thải được thiết kế theo nguyên tắc tự chảy, đi riêng với hệ thống thoát nước mưa. Mạng lưới các tuyến ống thu gom nước thải của cơ sở sử dụng tuyến ống uPVC Ø114mm, sau đó nước thải tự chảy về HTXLNT tại cơ sở.

- Điểm xả nước thải sau xử lý:

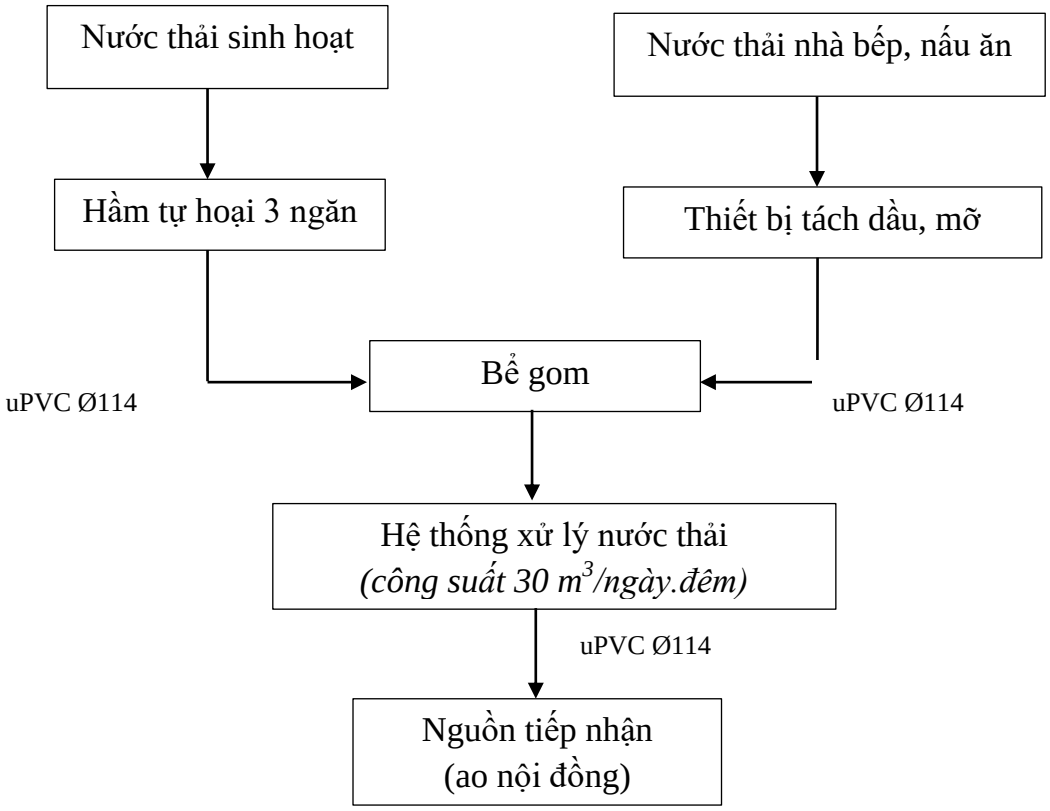

Hình 3.3. Sơ đồ thu gom, thoát nước thải tại cơ sở

- Công trình thoát nước thải: Hệ thống thu gom nước thải được thiết kế riêng và có độ dốc để nước thải có thể tự chảy theo hệ thống thu gom (ống dẫn) về hệ thống xử lý nước thải. Toàn bộ nước thải sau xử lý sẽ thoát ra ao nội đồng phía sau cơ sở (tự chảy) thông qua 01 cửa xả bằng đường ống uPVC Ø114.

- Vị trí xả nước thải vào nguồn tiếp nhận: 01 vị trí, nước thải sau xử lý thoát ra ao nội đồng phía sau cơ sở thuộc khu vực bãi bồi Tấn Long, xã Tấn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Tọa độ vị trí xả nước thải *(theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 104°45, múi chiếu 3°)* X= 0581267; Y= 1165435.

+ Chế độ xả nước thải: Thời gian xả thải 24 giờ/ngày.đêm.

+ Phương thức xả thải: Tự chảy qua 01 đường ống PVC Ø114.

+ Lưu lượng xả thải lớn nhất: 30 m^3/ngày.đêm.

- Thống kê các thông số cơ bản của hệ thống thu gom, thoát nước thải sau:

Bảng 1.1. Thông số kỹ thuật cơ bản hệ thống thoát nước thải của cơ sở

STT	Loại công trình	Kết cấu/ vật liệu	Kích thước
1	Ống thu gom nước thải	uPVC	Ø 114
2	Ống thoát nước thải sau xử lý (01 tuyến)	uPVC	Ø114
3	Hố ga thu nước thải	Xây gạch	1 x 1 x 2 m

(Nguồn: Chủ cơ sở, năm 2023)

1.3. Xử lý nước thải

- Cơ sở đã hoàn thành xây dựng HTXL nước thải công suất 30m^3/ngày.đêm vào tháng 12/2022.

+ Đơn vị thiết kế: Công ty CP Giải Pháp Môi Trường ARES.

+ Đơn vị nhà thầu thi công xây dựng: Công ty TNHH công nghệ ENDOTA.

a. Công trình xử lý nước thải sơ bộ

**** Thiết bị tách dầu, mỡ***

- Nước thải từ khu vực nhà bếp, nấu ăn được thu gom qua thiết bị tách dầu mỡ trước khi dẫn về hố gom của HTXLNT. Thiết bị tách dầu, mỡ có nhiệm vụ loại bỏ dầu mỡ, hydrocacbon trước khi tự chảy theo đường ống PVC Ø114 về hệ thống xử lý nước thải.

**** Hầm tự hoại 03 ngăn***

- Đối với nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt, vệ sinh cá nhân của nhân viên làm việc tại cơ sở và khách du lịch, với khối lượng khoảng 18,75m^3/ngày.đêm sẽ được thu gom xử lý qua hầm tự hoại 3 ngăn. Theo dự báo lưu lượng nước thải phát sinh là: 18,75 m^3/ngày, thể tích bể được tính theo công thức sau: $\mathbf{W_{ướt} = W_n + W_c}$

Với: *W_n Thể tích phần nước;W_c Thể tích phần bùn;*

$$\mathbf{W_n = t_n \times Q}$$

Với Q là lưu lượng nước thải khoảng 18.750 lít/ngày ~ 18,75 m^3/ngày và t là thời gian lưu nước trong bể. Chọn t = 24h (1 ngày.đêm)

$$\mathbf{W_n = t_n \times Q = 1 \times 18{,}75 = 18{,}75\ (m^3)}$$

$$W_c = \frac{aT(100-P_1)bc.N}{(100-P_2).1000}\ (m^3)$$

Trong đó: a: Lượng cặn trung bình tạo ra của 1 người tạo ra trong 1 ngày, a= 0,6 (l/ng.ng.đêm);

T: Thời gian giữa hai lần hút cặn, T = 180 (ngày);

P_1, P_2 Độ ẩm của cặn tươi và cặn đã lên men, P_1 = 95%, P_2= 90%;

b: Hệ số kể đến độ giảm thể tích khi lên men cặn, b= 0,7;

c: Hệ số kể đến việc để lại một phần cặn đã lên men sau mỗi lần hút, c =1,2;

N: Số người mà bể phục vụ, 10 người.

=> Wc = [0,6 x 180 x (100 – 95) x 0,7 x 1,2 x 10]/[(100 - 90) x 1000] = 0,45 m^3

Vậy thể tích của bể tự hoại là: $W_{ướt} = W_n + W_c = 18,75 + 0,45 = 19,2$ (m^3)

Như vậy, Chủ cơ sở bố trí bể tự hoại với thể tích bể là 31,32 m^3 đảm bảo thu gom và xử lý toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt từ hoạt động của cơ sở. Hoạt động bể tự hoại được mô tả trong hình sau:

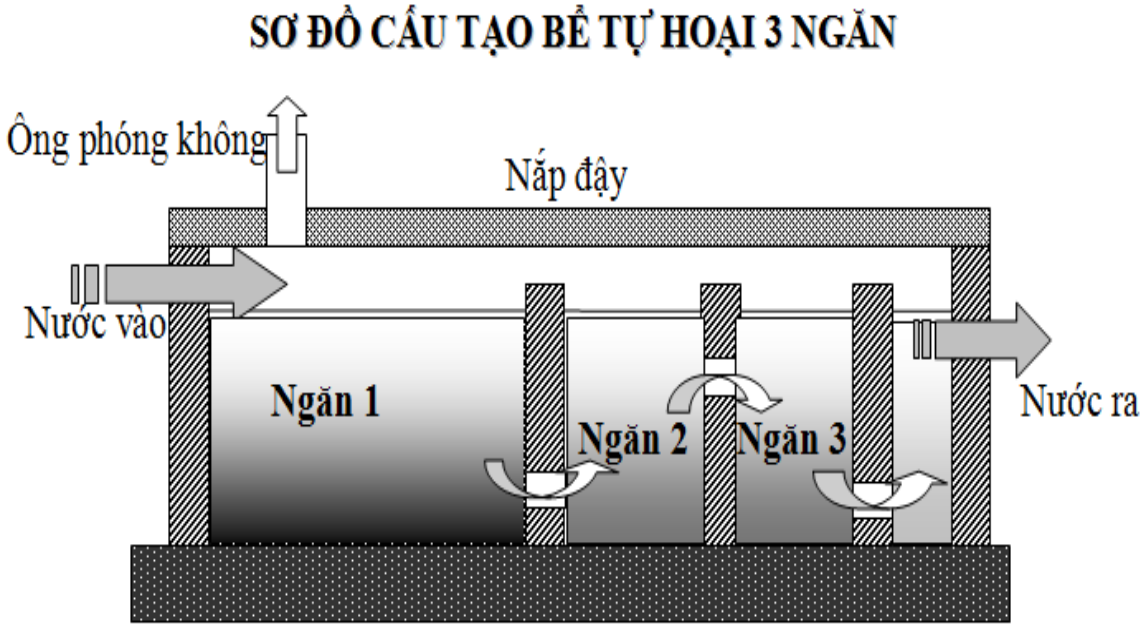

Hình 3.4. Mô hình bể tự hoại 03 ngăn

**** Thuyết minh quy trình công nghệ xử lý của bể tự hoại:***

Bể tự hoại là công trình xử lý nước thải sơ bộ đồng thời thực hiện 2 chức năng: Lắng nước thải và lên men cặn lắng.

Thời gian nước lưu trong bể từ 1 - 3 ngày nên vận tốc nước chảy trong bể rất nhỏ. Do đó trong quá trình chuyển động, các hạt cặn sẽ chịu tác dụng của trọng lực, lắng dần xuống đáy bể. Chất hữu cơ trong cặn lắng sẽ bị phân hủy nhờ hoạt động của các vi sinh vật yếm khí. Nhờ vậy, cặn sẽ lên men, mất mùi hôi và giảm thể tích. Tốc độ lên men nhanh hay chậm phụ thuộc vào nhiệt độ, độ pH của nước thải, lượng vi sinh vật có trong lớp cặn,...Nhiệt độ càng cao tốc độ lên men cặn càng nhanh. Kết quả của quá trình lên men cặn là sẽ xử lý được cặn tươi, các chất hữu cơ sẽ bị phân huỷ thành các chất đơn giản gồm H_2O, CO_2, CH_4,... Độ ẩm của cặn tươi vào bể và cặn khi lên men tương ứng là 95% và 90%.

Bùn cặn ở đáy bể được chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng đến hút định kỳ và vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định. Khoảng 20% lượng cặn đã lên men được giữ lại trong bể để tạo men cho bùn cặn tươi mới lắng, tạo điều kiện cho quá trình phân huỷ cặn.

b. Hệ thống XLNT

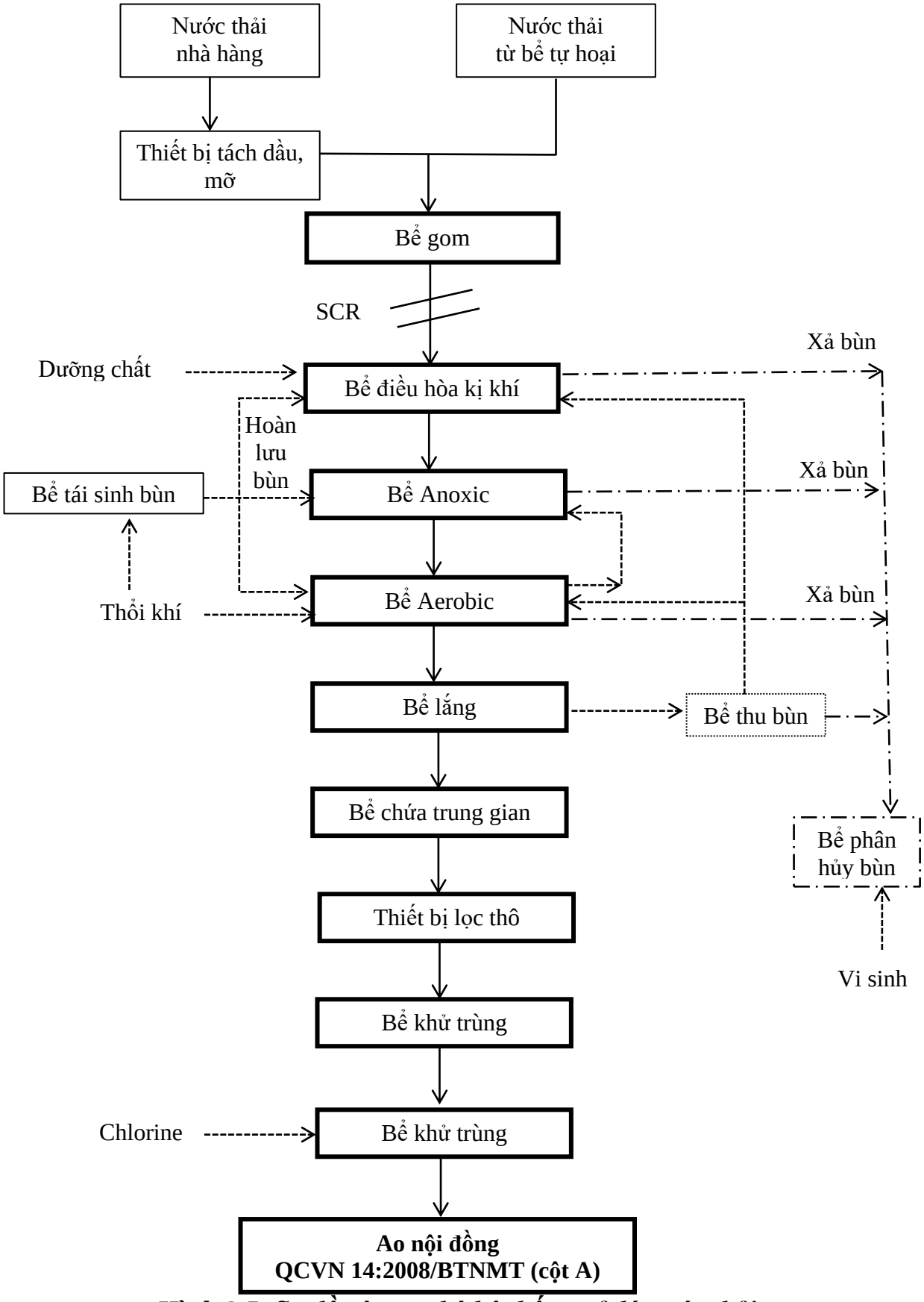

Hình 3.5. Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải

Thuyết minh sơ đồ công nghệ:

** Bể gom*

Nước thải được phân dòng và xử lý sơ bộ trước khi dẫn vào hệ thống thu gom chung. Tại đây, để bảo vệ thiết bị và hệ thống đường ống công nghệ phía sau, song chắn rác thô được lắp đặt trong hố để loại bỏ các tạp chất có kích thước lớn ra khỏi nước thải. Mục đích của bể thu gom là lắng sơ bộ và giữ lại các tạp chất có kích thước lớn trọng lượng nặng hơn nước.

** Bể điều hòa kị khí*

Bể điều hòa kị khí có chức năng điều hòa lưu lượng và nồng độ nước thải đầu vào, tránh hiện tượng quá tải vào các giờ cao điểm của trạm xử lý. Điều hòa lưu lượng là phương pháp được áp dụng để khắc phục các vấn đề sinh ra do sự dao động của lưu lượng, cải thiện hiệu quả hoạt động của các quá trình tiếp theo. Giảm kích thước và vốn đầu tư xây dựng các công trình tiếp theo. Các lợi ích của việc điều hòa lưu lượng là:

+ Quá trình xử lý sinh học được nâng cao do không bị hoặc giảm đến mức thấp nhất "shock" tải trọng, các chất ảnh hưởng đến quá trình xử lý có thể được pha loãng, pH có thể được trung hòa và ổn định ➔ giảm mùi và nồng độ ô nhiễm.

+ Chất lượng nước thải sau xử lý được cải thiện do tải trọng chất thải lên các công trình ổn định. Bơm được lắp đặt trong bể điều hòa để đưa nước lên các công trình tiếp theo.

** Bể Anoxic*

Trong bể Anoxic, NO_3^- trong nước thải sinh ra từ quá trình oxy hóa amoni trong bể Aerobic, được bơm tuần hoàn về bể Anoxic, cùng với bùn hoạt tính và nước thải đưa vào với điều kiện thiếu oxy, quá trình khử NO_3^- thành N_2 tự do được diễn ra. Hàm lượng nito tổng trong nước thải giảm xuống mức cho phép. Quá trình chuyển hóa Nito hữu cơ trong nước thải dưới dạng amoni thành nito tự do được diễn ra theo 2 bước liên quan đến 2 loại vi sinh vật tự dưỡng Nitrosomonas và Nitrobacter:

- Quá trình Nitrification: $NH_4^+ + 1.5\ O_2 \rightarrow NO_2^- + 2H^+ + H_2$

- Quá trình Denitrication: $NH_4^+ \rightarrow NO_2^- \rightarrow NO_3^- \rightarrow N_2$

Trong bể Anoxic được lắp đặt máy khuấy chìm nhằm tạo ra môi trường thiếu khí có các vi sinh vật sinh trưởng và phát triển.

** Bể Aerobic*

Bể Anoxic kết hợp với bể Aerobic là dạng nâng cấp của hệ thống bùn hoạt tính cổ điển được thiết kế đặc biệt để vừa loại các chất hữu cơ và các hợp chất chứa nitơ (tồn tại dưới dạng amoni và nitơ hữu cơ).

Oxy (không khí) được cấp vào bể aerobic bằng các máy thổi khí (airblower) và hệ thống phân phối khí có hiệu quả cao với kích thước bọt khí nhỏ hơn 10µm lượng oxy hòa tan trong nước thải tại bể Aerobic luôn được duy trì trong khoảng 2 – 3 mg/ nhằm đảm bảo cung cấp đủ lượng oxy cho sinh vật sống và tiêu thụ chất hữu cơ trong nước thải. Lượng khí cung cấp vào bể với mục đích: (1) Cung cấp oxy cho vi sinh vật hiếu khí chuyển hóa chất hữu cơ hòa tan thành nước và carbonic, nitơ hữu cơ và anmonia thành nitrat NO_3^-; (2) Xáo trộn đều nước thải và bùn hoạt tính tạo điều kiện để vi sinh vật tiếp xúc tốt với các cơ chất cần xử lý; (3) Giải phóng các khí ức chế quá trình sống của vi sinh vật. Các khí này sinh ra trong quá trình vi sinh vật phân giải các chất ô nhiễm; (4) Tác động tích cực đến quá trình sinh sản của vi sinh vật. Tải trọng chất hữu cơ của bể trong giai đoạn xử lý aerotank dao động từ 0,32 - 0.64 kgBOD/m^3.ngày.đêm.

- Quá trình oxi hóa các chất hữu cơ theo phương trình cơ bản sau:

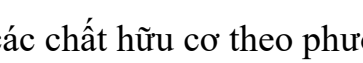

$$C_XH_YO_Z + O_2 \rightarrow CO_2 + H_2O + \Delta H$$

- Quá trình tổng hợp tế bào mới theo phương trình cơ bản sau:

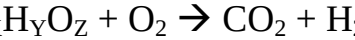

$$C_XH_YO_Z + NH_3 + O_2 \rightarrow \text{Tế bào mới} + CO_2 + H_2O + C_5H_7NO_2 - \Delta H$$

- Quá trình phân hủy nội bào theo phương trình cơ bản sau:

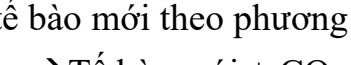

$$C_5H_7NO_2 + 5O_2 \rightarrow 5CO_2 + 2H_2O + NH3 \pm \Delta H$$

Đồng thời, trong quá trình phân hủy hiếu khí, các vi sinh vật thực hiện các quá trình chuyển hóa nitơ, chuyển nitơ từ dạng hữu cơ thành nitrate, quá trình này được gọi là quá trình nitrate hóa. Quá trình nitrate hóa được thực hiện qua các bước sau:

- Chuyển hóa Nitơ Amôniac thành Nitrite dưới tác dụng của vi khuẩn Nitrosomonas:

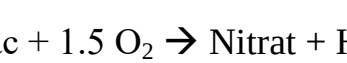

$$\text{Nitơ Anmoniac} + 1.5\ O_2 \rightarrow \text{Nitrat} + H_2O + \text{giảm độ kiềm}$$

- Chuyển hóa Nitrite thành Nitrate dưới tác dụng của vi khuẩn Nitrobacter:

$$\text{Nitrite} + 0.5\ O_2 \rightarrow \text{Nitrate}$$

- Quá trình nitrate hóa được mô tả bằng phương trình phản ứng sau:

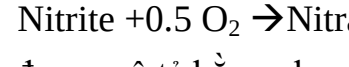

$$\text{Nitơ Ammoniac} + 2\ O_2 \rightarrow \text{Nitrate} + H_2O + \text{giảm độ kiềm}$$

Phần lớn thành phần chất hữu cơ có khả năng phân hủy sinh học (BOD) được loại bỏ trong các quá trình này.

Quá trình xử lý sinh học kết hợp với giá thể MBBR bước tiến lớn của kỹ thuật nước thải. Nhờ vậy sự trao đổi chất, nitrat hóa diễn ra nhanh nhờ vào mật độ vi sinh lớn tập trung trong giá thể di động. Lượng khí cấp cho quá trình xử lý hiếu khí đủ để giá thể lưu động vì giá thể nhẹ, xấp xỉ khối lượng riêng của nước.

Mật độ vi sinh vật xử lý trên một đơn vị thể tích cao: Mật độ vi sinh vật xử lý trên một đơn vị thể tích cao hơn so với hệ thống xử lý bằng phương pháp bùn hoạt tính lơ lửng, vì vậy tải trọng hữu cơ của bể cao hơn.

** Bể lắng*

Nước sau bể Aerobic sẽ được dẫn qua bể lắng. Bể lắng có nhiệm vụ lắng và tách bùn hoạt tính ra khỏi nước thải. Bùn sau khi lắng có hàm lượng SS = 6.000-10.000mg/l, một phần bùn sẽ được bơm tuần hoàn trở lại bể thiếu khí, bể hiếu khí để khử N và giảm sinh khối bùn đồng thời tăng cường khả năng phân hủy các chất hữu cơ của vi sinh. Phần còn lại sẽ được đưa đến bể chứa bùn.

Bể lắng được thiết kế nhằm mục đích lắng loại các chất rắn ở dạng huyền phù và lơ lửng, khử mùi hôi của nước thải nhằm nâng cao hiệu suất lắng các chất cặn trong nước thải.

** Thiết bị lọc áp lực*

Nước thải sau quá trình lắng sẽ được thu sang bể chứa. Tại đây với thiết bị phao tự động khi mực nước đầy sẽ kích bơm lọc bơm nước từ bể chứaa lên thiết bị lọc áp.

Nước thải được bơm lên thiết bị lọc áp nhằm loại bỏ phần cặn lơ lững còn sót lại trong nước mà quá trình lắng không lắng được, thông qua các lớp vật liệu lọc đa tầng: cát, sỏi. Phần nước sau lọc sẽ được thu tại bể khử trùng.

** Bể khử trùng*

Nước thải sau khi loại bỏ hết bùn hoạt tính lơ lửng trong nước thải tại bể lắng sẽ được đưa qua bể tiếp xúc khử trùng bằng hóa chất Chlorine để loại bỏ vi khuẩn. Nước sau khi được khử trùng đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A và xả ra nguồn tiếp nhận.

** Bể phân hủy bùn*

Sau một thời gian vận hành chắc chắn sẽ sinh ra bùn dư. Lượng bùn dư từ các ngăn xử lý dồn về bể lắng. Một phần sẽ được tuần hoàn về bể thiếu khí để cung cấp vi sinh cho quá trình sinh hóa, phần còn lại được đưa đến bể chứa bùn. Bùn trong bể chứa bùn sau một thời gian hoạt động sẽ đầy, lúc này sẽ định kì bổ sung vi sinh phân hủy bùn, làm giảm mật độ bùn trong bể. Sau một khoản thời gian, sẽ cần phải hút ra và xử lý đúng qui định.

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

Do đặc thù của cơ sở là Khu du lịch sinh thái kết hợp với sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, bên cạnh đó phần lớn diện tích cơ sở (giai đoạn 1) là mặt đất trồng cây xanh nên trong quá trình hoạt động không phát sinh bụi và khí thải. Tuy nhiên, quá trình tham gia giao thông của khách du lịch, nhân viên và xe vận chuyển hàng hóa khi ra vào cơ sở sẽ phát sinh lượng bụi và khí thải. Ngoài ra, tại cơ sở còn phát sinh mùi hôi từ khu vực hệ thống XLNT. Do đó, chủ cơ sở thực hiện một số biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh như sau:

2.1. Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông

- Các biện pháp nhằm giảm thiểu tác động của khí thải phát sinh từ các phương tiện giao thông tại cơ sở (xe máy, ô tô,…) đến chất lượng môi trường không khí xung quanh, chủ cơ sở thực hiện các giải pháp như sau:

+ Bố trí một cách hợp lý hệ thống cây xanh giữa các điểm trong toàn bộ khu vực cơ sở.

+ Ban hành nội quy đậu đỗ của các phương tiện giao thông và lập biển báo hướng dẫn tại các lối ra vào khu vực giữ xe tại cơ sở.

+ Thường xuyên tổ chức quét dọn, làm vệ sinh mặt đường nội bộ, cắt tỉa cây xanh xung quanh để tạo môi trường nội vi thông thoáng sạch đẹp.

+ Bê tông hoá các tuyến đường giao thông bên trong khu du lịch, thường xuyên vệ sinh các tuyến đường trong khu vực cơ sở.

+ Thường xuyên kiểm tra và bảo trì các phương tiện vận chuyển, đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt.

2.2. Biện pháp giảm thiểu khí thải từ hệ thống XLNT

- Tại khu vực hệ thống XLNT được bố trí cây xanh phân cách xung quanh để đảm bảo bụi, mùi hôi và tiếng ồn không làm ảnh hưởng đến du khách và cán bộ nhân viên.

- Thường xuyên kiểm tra bảo trì, đảm bảo hệ thống xử lý nước thải được vận hành ổn định để hạn chế mùi hôi.

- Nạo vét hệ thống cống thoát nước định kỳ tránh tình trạng không tiêu thoát nước và gây mùi hôi thối.

- Quá trình kiểm tra, hút bùn sẽ thực hiện vào những ngày ít khách qua lại để hạn chế mùi hôi,…

2.3. Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải và mùi hôi từ hoạt động nấu ăn

- Nhằm giảm thiểu bụi, khí thải và mùi hôi phát sinh từ hoạt động đun nấu, cơ sở áp dụng các biện pháp như sau:

+ Tại cơ sở sử dụng gas để phục vụ cho nhu cầu đun nấu. Việc đốt gas sẽ ít gây ra ô nhiễm cho môi trường không khí xung quanh.

+ Lắp hệ thống hút mùi cho khu vực bếp.

+ Tăng cường sử dụng các nồi nấu công nghiệp sử dụng điện như: nồi nấu phở, cơm, canh…

3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

3.1. Chất thải rắn sinh hoạt

- Khi cơ sở đi vào hoạt động phát sinh lượng chất thải rắn khá lớn. Rác thải ở đây chủ yếu là rác thải sinh hoạt của nhân viên, du khách, sinh khối thực vật như: lá, thân cây, cỏ… từ các khu vực bố trí cây xanh. Các thành phần chất thải rắn của cơ sở bao gồm:

+ Chất thải có khả năng tái chế, tái sử dụng;

+ Chất thải còn lại (chất thải thực phẩm và chất thải rắn sinh hoạt khác)

- Theo tham khảo Quy chuẩn QCVN 01:2021/BXD, thì mức phát thải mỗi người thải ra khoảng 0,8kg/người/ngày. Tuy nhiên, tại cơ sở không có dân cư thường trú, chỉ có dân cư ngắn hạn. Khách du lịch đến tham quan, vui chơi giải trí một khoảng thời gian ngắn và sau đó ra về nên lượng rác thải phát sinh không nhiều, ước tính bằng 50% định mức. Vậy khối lượng rác thải sinh hoạt phát sinh vào giời gian cao điểm nhất khoảng 300kg/ngày (*750người x 0,8 kg/ngày.đêm x 50% = 300kg/ngày).*

- Rác thải từ khu vực nhà bếp khoảng 30kg/ngày.

** Biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải sinh hoạt:*

- Để giảm thiểu ảnh hưởng từ chất thải rắn sinh hoạt thông thường chủ cơ sở bố trí các trang thiết bị, thùng rác nhằm đảm bảo phân loại chất thải rắn thông thường tại nguồn, thu gom và chuyển rác thải đã được phân loại đến đúng nơi quy định (theo quy định tại Điều 75 của Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 của Quốc hội ban hành ngày 17/11/2020), chi tiết như sau:

+ Dọc các tuyến đường trong khu vực cơ sở bố trí các thùng rác có nắp đậy loại 60 lít, khoảng cách 100m-200m/thùng;

+ Các khu vực công cộng như: đường nội bộ đi dạo, cây xanh,…cũng bố trí các thùng rác để thu gom rác loại 120 lít có nắp đậy, khoảng cách 200m-300m/thùng;

+ Tại mỗi phòng nghỉ sẽ trang bị thùng rác nhỏ loại 10 lít đặt trong phòng để khách có thể bỏ rác. Lượng rác này sẽ được nhân viên vệ sinh của khu du lịch thu gom về khu vực tập kết rác vào mỗi ngày;

+ Đối với khu vực nhà hàng, bố trí thùng chứa rác loại 120 lít (02 thùng) và các thùng rác nhỏ bố trí trong khuôn viên nhà hàng nơi phục vụ du khách. Lượng rác này cũng được thu gom xử lý vào cuối ngày.

- Thường xuyên nhắc nhở nhân viên không vứt rác bừa bãi, phải có ý thức giữ gìn vệ sinh chung.

- Rác thải sinh hoạt thông thường sau khi thu gom sẽ vận chuyển ra phía trước cơ sở giáp lộ nhựa để đơn vị thu gom rác đến thu gom và vận chuyển đi xử lý. Chủ cơ sở Hợp đồng với Xí nghiệp môi trường đô thị Chợ Mới – Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị An Giang, tiến hành thu gom và vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đi xử lý, tần suất 01 lần/ngày. Chủ cơ sở có trách nhiệm đóng các khoảng phí theo quy định.

- Đối với chất thải có khả năng tái chế, tái sử dụng như lon bia, nước ngọt, bao bì giấy,… được thu gom và định kỳ bán cho các đơn vị thu mua phế liệu trong khu vực.

3.2. Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải

- Lượng bùn thải phát sinh phụ thuộc vào nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải đầu vào và công nghệ xử lý nước thải mà chủ cơ sở sử dụng.

- Bể chứa bùn được xây dựng chung với khu hệ thống xử lý nước thải, thể tích bể chứa bùn đảm bảo lưu chứa lượng bùn phát sinh trong ít nhất 1 tuần.

- Tổng khối lượng bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải công suất 30m^3/ngày.đêm của cơ sở, ước tính khối lượng bùn phát sinh khoảng **0,1m^3/tháng**.

- Chủ cơ sở xây dựng bể phân hủy bùn thải bằng bê tông cốt thép với thể tích 9,5m^3. Trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải, bùn dư từ ngăn bơm bùn sinh học của sẽ được bơm về bể phân hủy bùn (thời gian lưu dự kiến là 04 năm).

- Khi lượng bùn thải trong hệ thống xử lý nước thải vượt mức quy định (khoảng 2/3 bể phân hủy bùn), thì sẽ tiến hành thuê đơn vị có chức năng như Công ty TNHH MTV SX TM DV Môi trường Á Châu, Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị TP.HCM,…đến hút bùn và chuyển đi xử lý theo đúng quy định của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 1 năm 2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

- Chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở, chủ yếu: Bóng đèn huỳnh quanh hư hỏng, bao bì cứng thải (chai lọ xịt phòng, vỏ chai hóa chất tẩy rửa), mực in, pin ắc quy thải và giẻ lau dính dầu nhớt,….với khối lượng khoảng 10kg/tháng. Chủ cơ sở trang bị kho chứa CTNH với diện tích khoảng 5m^2, kho được bố trí trong khu vực có mái che bằng tole xung quanh dừng tole, nền chống thấm (nền bê tông), bên ngoài có dán nhãn cảnh báo chất thải nguy hại. Bên trong bố trí 03 thùng có nắp đậy, dung tích 60 lít, có dán nhãn chất thải nguy hại.

- Chủ cơ sở sẽ hợp đồng với đơn vị chức năng đến thu gom, vận chuyển CTNH xử lý theo quy định. Đảm bảo chất thải nguy hại được thu gom và xử lý đúng theo quy định của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Bảng 3.2. Chủng loại và mã số CTNH phát sinh tại cơ sở

STT	Mã CTNH	Tên chất thải	Trạng thái
1	16 01 06	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn
2	16 01 12	Pin, ắc quy thải bỏ	Rắn
3	18 01 01	Bao bì mềm, giẻ lau thải	Rắn

(Nguồn: Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và môi trường)

5. Các công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung được chủ cơ sở thực hiện như sau:

+ Khi xe chở khách du lịch, xe chở nguyên liệu,... dừng tại bãi giữ xe tại cơ sở không được sử dụng còi xe khi không cần thiết để hạn chế gây tiếng ồn.

+ Thường xuyên kiểm tra các máy móc thiết bị để kịp thời thay thế các bộ phận bị hưu hỏng.

+ Bố trí hệ thống XLNT đặt âm dưới lòng đất để hạn chế tiếng ồn.

+ Trồng cây xanh trong khuôn viên cơ sở, đặc biệt dọc trên các tuyến đường nội bộ.

- Giảm thiểu tiếng ồn từ hệ thống XLNT:

+ Khi hệ thống XLNT đi vào hoạt động, tiếng ồn phát sinh chủ yếu từ các thiết bị như: máy thổi khí, bơm hút nước thải. Các thiết bị này được lựa chọn phù hợp và lắp đặt gọn trong nhà điều hành. Nhà điều hành được thiết kế kín, có cửa ra vào nhằm hạn chế tối đa tiếng ồn;

+ Sử dụng hệ thống bơm nhúng chìm đối với cả bơm nước thải và nước cấp.

+ Bảo trì, bảo dưỡng máy bơm theo định kỳ như hướng dẫn của nhà sản xuất;

+ Kiểm tra độ mòn chi tiết định kỳ và thường xuyên cho dầu bôi trơn hoặc thay những chi tiết hư hỏng hoặc thay thế kịp thời các máy bơm khi đã xuống cấp;

+ Không hoạt động quá công suất thiết kế.

- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNTM - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử ngiệm và khi cơ sở đi vào vận hành

6.1. Phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ

- Sự cố cháy nổ khi xảy ra có thể dẫn tới các thiệt hại lớn về kinh tế - xã hội và làm ô nhiễm cả môi trường đất, nước và không khí một cách nghiêm trọng, sự cố cháy nổ còn ảnh hưởng tới tính mạng con người. Vì vậy, công tác phòng chống cháy nổ sẽ phải thực hiện nghiêm ngặt và được kiểm tra thường xuyên. Các biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố cháy nổ, như sau:

+ Thực hiện nghiêm chỉnh các tiêu chuẩn quy phạm quy định về PCCC.

+ Thường xuyên kiểm tra hệ thống điện định kỳ, hạn chế tình trạng chập điện, dây dẫn điện bị rò rỉ,…

+ Thường xuyên kiểm tra máy móc thiết bị, không để rò rỉ nhiên liệu, hóa chất gây cháy.

+ Đặt các biển báo, biển cấm lửa, nội quy PCCC, an toàn sử dụng điện khu vực dễ nhìn thấy.

+ Huấn luyện cho cán bộ công nhân viên các biện pháp PCCC.

+ Trang bị đầy đủ các dụng cụ, trang thiết bị phòng cháy chữa cháy theo quy định.

6.2. Phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất

- Để ngăn ngừa, kiểm soát và đối phó với các rủi ro an toàn hóa chất thì các nhân viên vận hành kỹ thuật phải tuyệt đối tuân thủ các hướng dẫn an toàn của nhà sản xuất như hướng dẫn cách sử dụng và bảo quản.

- Người vận hành cũng sẽ được cung cấp các kiến thức về an toàn, công nghệ, bảo vệ sức khỏe và trình tự giải quyết các sự cố khẩn cấp và được kiểm tra kiến thức trước khi được giao nhiệm vụ. Những điều sau đây là những hướng dẫn đảm bảo an toàn hóa chất trong xử lý Chlorine:

+ Cung cấp sự hướng dẫn và giám sát thích hợp đối với những người vận hành hệ thống xử lý.

+ Trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động (mặt nạ phòng độc, kính bảo vệ mắt, ủng,...) cho công nhân vận hành HTXL trong các khu vực sử dụng và lưu trữ Chlorine.

+ Chuẩn bị các kế hoạch thoát ra khỏi khu vực có thể có sự phát thải hơi Chlorine.

+ Không cất giữ các vật liệu dễ cháy gần khu vực chứa Chlorine.

+ Lắp đặt các vòi phun nước an toàn và bồn rửa mắt gần với các thiết bị làm việc với Chlorine.

+ Trang bị tủ thuốc y tế nhằm sơ cứu kịp thời khi có sự cố xảy ra.

+ Thực hiện việc khám sức khỏe định kỳ cho công nhân viên.

6.3. Phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống XLNT

- Biện pháp khắc phục các sự cố hệ thống XLNT do hệ thống bị quá tải:

+ Có tài liệu hướng dẫn về quy trình vận hành của toàn bộ hệ thống XLNT và từng công trình đơn vị. Trong đó ngoài các số liệu về mặt kỹ thuật, còn cần chỉ rõ lưu lượng thực tế và lưu lượng thiết kế của các công trình.

+ Kiểm tra thường xuyên việc vận hành hệ thống XLNT để tránh tình trạng vi phạm quy tắc quản lý.

- Khi hệ thống gặp sự cố cần phải: Kịp thời phát hiện và tiến hành xử lý sự cố một cách nhanh chóng.

7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác *(không có)*

CHƯƠNG IV
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với nước thải

1.1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhu cầu sinh hoạt của nhân viên làm việc và du khách đến cơ sở. Lưu lượng khoảng 18,75 m^3/ngày.đêm.

- Nguồn số 02: Nước thải từ khu vực nhà hàng. Lưu lượng khoảng 9m^3/ngày.đêm.

1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa

- Lưu lượng xả thải lớn nhất đề nghị cấp phép là 30m^3/ngày.đêm.

1.3. Dòng nước thải

- Số lượng dòng nước thải đề nghị cấp phép: là 01 dòng nước thải.

1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

- Các thông số và giá trị giới hạn cho phép của nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột A (k=1), cụ thể như sau:

Bảng 4.1. Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong nước thải

Stt	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
1	pH	-	5 - 9
2	BOD_5 (20^0C)	mg/l	30
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500
5	Sunfua (tính theo H_2S)	mg/l	1
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	5
7	Nitrat (NO_3^-) (tính theo N)	mg/l	30
8	Phosphat (PO_4^{3-}) (tính theo P)	mg/l	6
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	10
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5
11	Coliforms	MPN/100ml	3.000

(Nguồn: QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột A)

1.5. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Ao nội đồng.

- Vị trí xả nước thải: 01 vị trí, nước thải sau xử lý thoát ra ao nội đồng thuộc bãi bồi Tấn Long, xã Tấn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 0581267; Y= 1165435 *(theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 104°45, múi chiếu 3°).*

+ Phương thức xả thải: Tự chảy qua 01 đường ống PVC Ø114.

+ Lưu lượng xả thải lớn nhất: 30m^3/ngày.đêm.

+ Chế độ xả nước thải: Thời gian xả thải 24 giờ/ngày.đêm.

2. Nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với khí thải

Do loại hình cơ sở là Khu du lịch sinh thái kệt hợp sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao nên khi đi vào hoạt động nguồn phát sinh bụi, khí thải chủ yếu từ các phương tiện tham gia giao thông. Tuy nhiên, mật độ phương tiện tại khu vực cơ sở tương đối thấp hoạt động ra vào không tập trung cùng thời điểm, bên cạnh đó chủ cơ sở cũng bố trí khu vực đỗ xe riêng trong khu vực cơ sở, do đó lượng khí khải phân tán và mức độ ảnh hưởng của bụi, khí thải phát sinh tại cơ sở tương đối thấp và mang tính gián đoạn. Vì vậy, báo cáo này không đề nghị cấp phép đối với khí thải.

3. Nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với tiếng ồn, độ rung

3.1. Nguồn phát sinh

- Nguồn số 01: Tiếng ồn từ quá trình hoạt động của các máy móc, thiết bị vận hành hệ thống xử lý nước cấp. Tọa độ vị trí phát sinh X= 0581 266 ; Y= 1165 432 *(theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục 104^{0}45', múi chiếu 3^0).*

3.2. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung

- Giới hạn đối với tiếng ồn, được trình bày trong bảng sau:

Bảng 4.2. Vị trí và giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn (theo mức âm tương đương), dBA

Vị trí	Thời gian áp dụng trong ngày	
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ
Khu vực thông thường	70	55

(Nguồn: QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn)

- Giới hạn đối với độ rung, được trình bày trong bảng sau:

Bảng 4.3. Vị trí và giới hạn tối đa cho phép về độ rung

Vị trí	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB	
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ
Khu vực thông thường	70	60

(Nguồn: QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung)

4. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở đầu tư thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại *(không có)*

5. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở đầu tư có nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất *(không có)*

CHƯƠNG V
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

"Khu du lịch sinh thái kết hợp sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao The Lugar An Giang Resort and Spa – giai đoạn 1" được đầu tư xây dựng các hạng mục công trình hoàn thành vào cuối năm 2022. Tuy nhiên, do tình hình diễn biến phức tạp của dịch Covid 19 nên cơ sở mới đưa vào hoạt động từ đầu năm 2023 cho đến nay. Thời gian hoạt động của cơ sở tương đối ít, vì vậy cơ sở không thực hiện quan trắc môi trường. Công ty TNHH MTV Dương Khang đang phối hợp cùng đơn vị tư vấn tiến hành lập Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở "Khu du lịch sinh thái kết hợp sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao The Lugar An Giang Resort and Spa – giai đoạn 1", sau khi cơ sở được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường. Chủ sơ sở cam kết thực hiện chương trình quan trắc môi trường định kỳ theo Giấy phép môi trường được phê duyệt và gửi về Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Chợ Mới theo đúng quy định.

CHƯƠNG VI
CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Trên cơ sở các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở và cơ sở đầu tư thuộc khoản 5, điều 21, thông tư 02/2022/TT-BTNMT về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Vì vậy, chủ cơ sở đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn đi vào vận hành, cụ thể như sau:

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

- Công trình vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải công suất $30m^3$/ngày.đêm.

- Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm dự kiến:

+ Thời gian dự kiến bắt đầu vận hành thử nghiệm: 01/03/2024.

+ Thời gian dự kiến kết thúc vận hành thử nghiệm: 01/06/2024.

- Công suất dự kiến đạt được: $30m^3$/ngày.đêm tại thời điểm kết thúc giai đoạn vận hành thử nghiệm.

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

- Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải, cụ thể như sau:

- Tần suất quan trắc:

+ Giai đoạn hiểu chỉnh hiệu quả: Chủ cơ sở tự chịu trách nhiệm việc thực hiện tổ chức lấy mẫu, đánh giá nước thải.

+ Giai đoạn vận hành ổn định: Chủ cơ sở thực hiện quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của công trình xử lý nước thải.

- Thông số phân tích: Lưu lượng thải, pH, BOD_5 (20^0C), tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng chất rắn hòa tan, Sunfua (tính theo H_2S), Amoni (tính theo N), Nitrat (NO_3^-) (tính theo N), Phosphat (PO_4^{3-}) (tính theo P), dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, tổng Coliforms.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột A (k=1).

- Kế hoạch quan trắc công trình xử lý nước thải của cơ sở, cụ thể như sau:

Bảng 6.1. Kế hoạch quan trắc nước thải giai đoạn vận hành thử nghiệm

Stt	Thời gian	Vị trí thu mẫu	Số lượng mẫu	Chỉ tiêu phân tích
1	Ngày 14/05/2024	Nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải (bể thu gom nước thải)	01 mẫu đơn	Lưu lượng thải, pH, BOD_5 (20^0C), tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng chất rắn hòa tan, Sunfua (tính theo H_2S), Amoni (tính theo N) , Nitrat (NO^{3-}) (tính theo N), Phosphat (PO_4^{3-}) (tính theo P), dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, tổng Coliforms.
		Nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải	01 mẫu đơn	
2	Ngày 15/05/2024	Nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải	01 mẫu đơn	
3	Ngày 16/05/2024	Nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải	01 mẫu đơn	

(Nguồn: Chủ cơ sở, 2023)

1.3. Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch vận hành thử nghiệm

- *Trung tâm quan trắc kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường An Giang*

+ Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường VIMCERTS 041.

+ Địa chỉ: số 822, Trần Hưng Đạo, phường Bình Khánh, TP Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- *Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng Cần Thơ*

+ Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường VIMCERTS 019.

+ Địa chỉ: Số 45, đường 3/2, quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

- *Công ty CP Dịch vụ môi trường Hải Âu*

+ Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường VIMCERTS 117.

+ Địa chỉ: Đường Tân Thới Nhất, KP 4, phường Tân Thới Nhất, quận 12, Tp. Hồ Chí Minh.

Các đơn vị dự kiến phối hợp thực hiện sẽ tùy vào thời điểm thực tế khi tiến hành vận hành thử nghiệm, chủ cơ sở lựa chọn đơn vị phù hợp thực hiện quan trắc trong giai đoạn vận hành thử nghiệm theo kế hoạch đề xuất trong báo cáo.

2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

- Căn cứ điều 97, điều 98 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường thì dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc môi trường định kỳ.

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

- Căn cứ điều 97, điều 98 và phụ lục XXVIII của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường thì cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục.

3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở

- Chủ cơ sở đề xuất chương trình quan trắc nước thải định kỳ của hệ thống xử lý nước thải công suất 30m^3/ngày.đêm, chi tiết như sau:

+ Vị trí giám sát: Nước thải sau HTXL 01 mẫu (Ký hiệu: NT);

+ Tần suất giám sát: 01 năm/lần;

+ Thông số giám sát: pH, BOD_5 (20^{0}C), tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng chất rắn hòa tan, Sunfua (tính theo H_2S), Amoni (tính theo N) , Nitrat (NO_3^-) (tính theo N), Phosphat (PO_4^{3-}) (tính theo P), dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, tổng Coliforms;

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột A.

4. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Kinh phí thực hiện chương trình quan trắc nước thải định kỳ hằng năm của công trình xử lý nước thải, được ước tính như sau:

Bảng 6.2. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

(Đơn giá: đồng)

STT	Nội dung quan trắc	SL	Đơn giá	Thành tiền
I	**Chi phí thu mẫu**			**2.000.000**
1	Quan trắc nước thải sau hệ thống xử lý nước thải (01 đợt/năm)	01	2.000.000	2.000.000
II	**Chi phí khác**			**2.500.000**
1	Nhân công thu mẫu	02	500.000	1.000.000
2	Phương tiện thu mẫu	01	1.500.000	1.500.000
Tổng cộng				**4.500.000**

Ghi chú: *Kính phí thực hiện chưa bao gồm thuế VAT và có thể điều chỉnh theo tình hình thực tế tại thời điểm thực hiện quan trắc.*

CHƯƠNG VII

KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

"Khu du lịch sinh thái kết hợp sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao The Lugar An Giang Resort and Spa– giai đoạn 1" bắt đầu hoạt động vào tháng 01/2023 cho đến nay. Hoạt động của cơ sở trước thời điểm lập báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường không bị thanh tra kiểm tra và không có vi phạm về bảo vệ môi trường. Chủ cơ sở nghiêm túc chấp hành các quy định của pháp luật bảo vệ môi trường và thu gom, xử lý các chất thải đảm bảo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường theo quy định.

Chủ cơ sở tích cực hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tiến hành các hoạt động giám sát kiểm tra việc thực hiện các nội dung, biện pháp bảo vệ môi trường của cơ sở, cung cấp đầy đủ các thông tin, số liệu liên quan khi được yêu cầu.

CHƯƠNG VIII
CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Công ty TNHH MTV Dương Khang cam kết về tính chính xác, trung thực về các nội dung được nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

Cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.

Thực hiện vận hành thử hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải và công tác giám sát môi trường định kỳ theo đúng quy định.

Khi có sự cố xảy ra chúng tôi sẽ trình báo ngay với các cơ quan quản lý môi trường địa phương để xử lý kịp thời các nguồn ô nhiễm. Cam kết về đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp xảy ra rủi ro, sự cố môi trường do quá trình thực hiện cơ sở.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1. VĂN BẢN PHÁP LÝ

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Dương Khang mã số doanh nghiệp 1600977984 đăng ký lần đầu ngày 19/9/2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 09/04/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang – Phòng đăng ký kinh doanh cấp;

2. Quyết định số 4793/QĐ-UBND của UBND huyện Chợ Mới ngày 18/10/2018 Về việc công nhận kết quả trúng đấu giá khu đất bãi bồi Tấn Long, xã Tấn Mỹ, huyện Chợ Mới;

3. Hợp đồng thuế đất số 42/HĐ.TĐ ngày 10/12/2021;

4. Quyết định 1434/QĐ-UBND ngày 22/7/2020 của UBND huyện Chợ Mới Về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu du lịch sinh thái kết hợp sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao The Lugar An Giang Resort and Spa;

5. Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường số 1853/XN-UBND ngày 26/8/2020 của UBND huyện Chợ Mới;

6. Quyết định số 801/QĐ-UBND ngày 26/5/2021 của UBND huyện Chợ Mới Về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu du lịch sinh thái kết hợp sản xuất nông nghiệp ứng dụng cong nghệ cao The Lugar An Giang Resort and Spa;

7. Báo cáo kết quả thẩm tra số 03/BCTT-TTTK ngày 16/12/2021 của Công ty TNHH XD Thành Văn về việc thông báo kết quả thẩm tra Thiết kế bản vẽ thi công – dự toán Dự án: Khu du lịch sinh thái kết hợp sản xuất nông nghiệp ứng dụng cong nghệ cao The Lugar An Giang Resort and Spa tại xã Tấn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang

8. Quyết định số 56/QĐ-DK ngày 28/12/2021 của Công ty TNHH MTV Dương Khang Về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công – dự án Dự án: Khu du lịch sinh thái kết hợp sản xuất nông nghiệp ứng dụng cong nghệ cao The Lugar An Giang Resort and Spa tại xã Tấn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang;

9. Giấy phép xây dựng số 04/GPXD ngày 11/01/2022 của UBND huyện Chợ Mới ngày 25/01/2022 được phép xây dựng công trình dân dụng dự án Khu du lịch sinh thái kết hợp sản xuất nông nghiệp ứng dụng cong nghệ cao The Lugar An Giang Resort and Spa;

10. Kết quả thử nghiệm mẫu nước thải (sau hệ thống xử lý).

PHỤ LỤC 2. BẢN VẼ

1. Họa đồ vị trí khu đất
2. Bản đồ mặt bằng tổng thể
3. Bản đồ quy hoạch giao thông
4. Bản vẽ mặt bằng mái nhà hàng
5. Bản vẽ mặt bằng sàn nhà hàng
6. Bản vẽ mặt bằng trệt nhà trưng bày gỗ
7. Bản vẽ mặt bằng trệt Bulgalow vip
8. Bản vẽ mặt bằng cấp thoát nước và nhà vệ sinh Bulgalow vip
9. Bản vẽ mặt bằng thoát nước
10. Bản vẽ dây chuyền hệ thống xử lý nước thải
11. Bản vẽ mặt bằng hệ thống xử lý nước thải
12. Sơ đồ giám sát môi trường giai đoạn hoạt động

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH AN GIANG
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Mã số doanh nghiệp: 1600977984

Đăng ký lần đầu: ngày 19 tháng 09 năm 2008

Đăng ký thay đổi lần thứ: 8, ngày 09 tháng 04 năm 2018

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯƠNG KHANG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: DƯƠNG KHANG CO.,LTD

2. Địa chỉ trụ sở chính

Ấp Long Hòa 1, Xã Long Điền A, Huyện Chợ Mới, Tỉnh An Giang, Việt Nam

Điện thoại: *0296.3883859-0918.028269* Fax: *0296.3883859*

Email: Website:

3. Vốn điều lệ 50.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Họ và tên: NGUYỄN VĂN NGHỈ Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: *1979* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *351246480*

Ngày cấp: *02/10/2008* Nơi cấp: *Công An tỉnh An Giang*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Ấp Long Hoà 1, Xã Long Điền A, Huyện Chợ Mới, Tỉnh An Giang, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Ấp Long Hoà 1, Xã Long Điền A, Huyện Chợ Mới, Tỉnh An Giang, Việt Nam*

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGUYỄN VĂN LỢT Giới tính: *Nam*

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: *15/12/1986* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *351664075*

Ngày cấp: *23/10/2017* Nơi cấp: *Công An tỉnh An Giang*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Ấp Long Bình, Xã Long Điền A, Huyện Chợ Mới, Tỉnh An Giang, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Ấp Long Bình, Xã Long Điền A, Huyện Chợ Mới, Tỉnh An Giang, Việt Nam*

KT. TRƯỞNG PHÒNG

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ T. AN GIANG

Nguyễn Văn Dũng

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH AN GIANG
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

An Giang, ngày 09 tháng 04 năm 2018

Số:

4026/18

GIẤY XÁC NHẬN

Về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

Phòng Đăng ký kinh doanh: *Tỉnh An Giang*
Địa chỉ trụ sở: *Số 3 Lê Triệu Kiết, Phường Mỹ Bình, Thành phố Long Xuyên , Tỉnh An Giang, Việt Nam*
Điện thoại: *02963854692* Fax: *02963.853380*
Email: *dkkd.sokhdt@angiang.gov.vn* Website: *sokhdt.angiang.gov.vn*

Xác nhận:

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯƠNG KHANG
Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: 1600977984
Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:
Đã thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.

Thông tin của doanh nghiệp đã được cập nhật vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp như sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét Chi tiết: Khai thác cát sông	0810
2	Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: San lấp mặt bằng	4312
3	Xây dựng nhà các loại Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng	4100
4	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi	4390
5	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Mua bán nông sản	4620
6	Bán buôn gạo Chi tiết: Mua bán lương thực	4631
7	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Thi công xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật	4290
8	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933

STT	Tên ngành	Mã ngành
9	Vận tải hàng hóa đường thuỷ nội địa Chi tiết: Vận tải hàng hoá đường sông	5022
10	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông	4210(Chính)
11	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí Chi tiết: Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước	4322
12	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
13	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Khai thác và quản lý thu phí đò, chợ Chi tiết: Đầu tư kinh doanh cầu, phà theo hình thức BOT và thu phí qua cầu, phà	8299
14	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng	4663

Nơi nhận:
-CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯƠNG KHANG. Địa chỉ:Ấp Long Hòa 1, Xã Long Điền A, Huyện Chợ Mới, Tỉnh An Giang, Việt Nam
-.....;
- Lưu: Nguyễn Văn Dũng.....

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ T. AN GIANG

Nguyễn Văn Dũng

ỦY BAN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 4793 /QĐ-UBND	*Chợ Mới, ngày 18 tháng 10 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận kết quả trúng đấu giá khu đất bãi bồi Tấn Long, xã Tấn Mỹ, huyện Chợ Mới

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 14/2015/TTLT-BTNMT-BTP ngày 04/4/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường – Bộ Tư pháp quy định việc tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc thuê đất;

Căn cứ Quyết định số 31/2016/QĐ-UBND ngày 30/6/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất áp dụng trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 3856/QĐ-UBND ngày 25/6/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới về việc phê duyệt Phương án đấu giá khu đất bãi bồi Tấn Long, xã Tấn Mỹ, huyện Chợ Mới;

Căn cứ Quyết định số 3857/QĐ-UBND ngày 25/6/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới về việc đấu giá khu đất bãi bồi Tấn Long, xã Tấn Mỹ, huyện Chợ Mới;

Căn cứ Quyết định số 2112/QĐ-UBND ngày 30/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt giá khởi điểm cho thuê khu đất bãi bồi tại ấp Tấn Long, xã Tấn Mỹ, huyện Chợ Mới;

Xét đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1221/TTr-TNMT ngày 17/10/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả trúng đấu giá khu đất bãi bồi Tấn Long, xã Tấn Mỹ, huyện Chợ Mới, cụ thể như sau:

1. Vị trí, diện tích, loại đất, hình thức, thời hạn sử dụng đất:

a) Vị trí: ấp Tấn Long, xã Tấn Mỹ, huyện Chợ Mới.

b) Diện tích: 56.033 m^2 theo bản trích đo địa chính tỷ lệ 1:5000 do Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Chợ Mới lập ngày 5/6/2018.

c) Loại đất khai thác: Dự án khu du lịch sinh thái kết hợp sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao với cơ cấu sử dụng đất gồm:

- Đất thương mại – dịch vụ: 29.193 m^2.

- Đất trồng cây lâu năm: 11.800 m^2.

- Đất nông nghiệp khác: 7.806 m^2.

- Đất nuôi trồng thủy sản: 4.434 m^2.

- Đất bãi thải, xử lý chất thải: 2.800 m^2.

d) Hình thức: cho thuê đất thu tiền hàng năm.

đ) Thời hạn sử dụng đất: 50 năm.

2. Tên, địa chỉ của người trúng đấu giá:

a) Tổ chức trúng đấu giá: Công ty TNHH Một Thành Viên Dương Khang.

b) Địa chỉ: ấp Long Hòa 1, xã Long Điền A, huyện Chợ Mới, An Giang.

c) Do ông: Nguyễn Văn Lợt – Giám đốc làm đại diện.

d) CMND số: 351664075, ngày cấp: 23/10/2017, nơi cấp: CA An Giang.

3. Số tiền trúng đấu giá, phương thức, địa điểm, thời gian nộp tiền:

a) Số tiền trúng đấu giá: 47.520.000 đồng/năm *(Bằng chữ: bốn mươi bảy triệu, năm trăm hai mươi ngàn đồng trên một năm)*.

b) Phương thức nộp tiền trúng đấu giá: nộp bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

c) Địa điểm nộp tiền trúng đấu giá: Kho bạc nhà nước huyện Chợ Mới, đường Nguyễn Huệ, thị trấn Chợ Mới, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

d) Thời hạn nộp tiền trúng đấu giá: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký Thông báo tiền thuê đất của cơ quan thuế.

Điều 2. Giao Chi cục thuế huyện Chợ Mới chịu trách nhiệm thông báo nộp tiền thuê đất; giao Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với cơ quan đơn vị liên quan và UBND xã Tấn Mỹ bàn giao đất trên thực địa cho người trúng đấu giá, hướng dẫn lập thủ tục cấp Giấy chứng nhận cho người trúng đấu giá theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn Phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, Trưởng Phòng Tài chính – Kế hoạch, Chi cục trưởng Chi cục thuế huyện, Chủ tịch UBND xã Tấn Mỹ, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và tổ chức, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- UBND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND huyện;
- Các Sở TN&MT, TC;
- Phòng TN&MT, TC-KH, Trung tâm DVĐGTS;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu VT.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI TỈNH AN GIANG

Nguyễn Hồng Viễn

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:..42../HĐ.TĐ	*An Giang, ngày..10...tháng..12...năm 2021*

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên số 1600977984 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp cho Công ty TNHH Một thành viên Dương Khang ngày 19 tháng 9 năm 2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 09 tháng 4 năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 4793/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới về việc công nhận kết quả trúng đấu giá khu đất bãi bồi Tấn Long;

Căn cứ Thông báo số 3938/TB-CT ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Cục Thuế tỉnh An Giang về đơn giá thuê đất.

Hôm nay, ngày ..10.. tháng ..12.. năm 2021 tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang, chúng tôi gồm:

I. Bên cho thuê đất là Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang

Do ông: **Nguyễn Việt Trí - Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường** làm đại diện.

II. Bên thuê đất là:

- Tên doanh nghiệp: **Công ty TNHH Một thành viên Dương Khang.**

- Địa chỉ trụ sở chính: Ấp Long Hòa 1, xã Long Điền A, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, Việt Nam.

- Do ông: **Nguyễn Văn Lợt - Giám đốc** làm đại diện.

- Số tài khoản: 99997738 tại Ngân hàng TMCP Á Châu – CN An Giang

III. Hai Bên thỏa thuận ký hợp đồng thuê đất với các điều, khoản sau:

Điều 1. Bên cho thuê đất cho Bên thuê đất thuê khu đất như sau:

1. Diện tích đất thuê: **56.033 m²** *(Năm mươi sáu nghìn không trăm ba mươi ba mét vuông).*

Tại xã Tấn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

2. Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo Bản trích đo địa chính tỷ lệ 1/2000 do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh lập ngày 16 tháng 9 năm 2021.

3. Thời hạn thuê đất: 50 năm (*Năm mươi năm*), kể từ ngày 18 tháng 10 năm 2018 đến ngày 18 tháng 10 năm 2068.

4. Mục đích sử dụng đất thuê:

- Đất thương mại, dịch vụ: diện tích 29.193 m².
- Đất trồng cây lâu năm: diện tích 11.800 m².
- Đất nông nghiệp khác: diện tích 7.806 m².
- Đất nuôi trồng thủy sản: diện tích 4.434 m².
- Đất bãi thải, xử lý chất thải: diện tích 2.800 m².

Điều 2. Bên thuê đất có trách nhiệm trả tiền thuê đất theo quy định sau:

1. Đơn giá thuê đất:

- Đất thương mại, dịch vụ: diện tích 29.193 m², đơn giá 1.112 đồng/m²/năm.
- Đất trồng cây lâu năm: diện tích 11.800 m², đơn giá 529 đồng/m²/năm.
- Đất nông nghiệp khác: diện tích 7.806 m², đơn giá 529 đồng/m²/năm.
- Đất nuôi trồng thủy sản: diện tích 4.434 m², đơn giá 454 đồng/m²/năm.
- Đất bãi thải, xử lý chất thải: diện tích 2.800 m², đơn giá 953 đồng/m²/năm.

2. Tiền thuê đất được tính từ ngày 18 tháng 10 năm 2018.

3. Phương thức nộp tiền thuê đất: Trả tiền thuê đất hàng năm.

4. Nơi nộp tiền thuê đất: Nộp tại Kho bạc nhà nước An Giang số 02 đường Nguyễn Đăng Sơn - phường Mỹ Bình - TP Long Xuyên - tỉnh An Giang.

5. Việc cho thuê đất không làm mất quyền của Nhà nước là đại diện chủ sở hữu đất đai và mọi tài nguyên nằm trong lòng đất.

Điều 3. Việc sử dụng đất trên khu đất thuê phải phù hợp với mục đích sử dụng đất đã ghi trong Điều 1 của Hợp đồng này và Quyết định số 4793/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các Bên:

1. Bên cho thuê đất bảo đảm việc sử dụng đất của Bên thuê đất trong thời gian thực hiện hợp đồng, không được chuyển giao quyền sử dụng khu đất trên cho bên thứ ba, chấp hành quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Bên thuê đất có các quyền và nghĩa vụ theo quy định Điều 175 Luật Đất đai 2013.

Trường hợp Bên thuê đất bị thay đổi do chia tách, sáp nhập, chuyển đổi doanh nghiệp, bán tài sản gắn liền với đất thuê thì tổ chức, cá nhân được hình thành hợp pháp sau khi Bên thuê đất bị thay đổi sẽ thực hiện tiếp quyền và nghĩa vụ của Bên thuê đất trong thời gian còn lại của Hợp đồng này.

3. Trong thời hạn hợp đồng còn hiệu lực thi hành, nếu Bên thuê đất trả lại toàn bộ hoặc một phần khu đất thuê trước thời hạn thì phải thông báo cho Bên cho thuê đất biết trước ít nhất là 06 tháng. Bên cho thuê đất trả lời cho Bên thuê đất trong thời gian 03 tháng, kể từ ngày nhận được đề nghị của Bên thuê đất. Thời điểm kết thúc hợp đồng tính đến ngày bàn giao mặt bằng.

Điều 5. Hợp đồng thuê đất chấm dứt trong các trường hợp sau:

1. Hết thời hạn thuê đất mà không được gia hạn thuê tiếp;

2. Do đề nghị của một bên hoặc các bên tham gia hợp đồng và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho thuê đất đó chấp thuận;

3. Bên thuê đất bị phá sản hoặc bị phát mại tài sản hoặc giải thể;

4. Bên thuê đất bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 6. Việc giải quyết tài sản gắn liền với đất sau khi kết thúc Hợp đồng này được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Hai Bên cam kết thực hiện đúng quy định của Hợp đồng này, nếu Bên nào không thực hiện thì phải bồi thường cho việc vi phạm hợp đồng gây ra theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 01 bản và gửi đến cơ quan thuế, Kho bạc Nhà nước nơi thu tiền thuê đất.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Bên thuê đất	Bên cho thuê đất
Giám đốc	**Giám đốc**
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯƠNG KHANG	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
Nguyễn Văn Lợt	Nguyễn Việt Trí

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 4434/QĐ-UBND	*Chợ Mới, ngày 22 tháng 7 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500
Khu du lịch sinh thái kết hợp sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao
The Lugar An Giang Resort and Spa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương được Quốc hội thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12, ngày 17/06/2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 17/04/2010 của Chính phủ về Lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/06/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Công văn số 213/VPUBND-KTN ngày 16/01/2018 của UBND tỉnh An Giang về việc đầu tư Dự án Khu du lịch sinh thái Dương Khang tại khu đất bãi bồi Tấn Long, xã Tấn Mỹ, huyện Chợ Mới;

Căn cứ Quyết định số 4793/QĐ-UBND ngày 18/10/2018 của UBND huyện Chợ Mới V/v Công nhận kết quả trúng đấu giá khu đất bãi bồi Tấn Long, xã Tấn Mỹ, huyện Chợ Mới;

Căn cứ Công văn số 652/UBND-ĐTXD ngày 26/04/2018 của UBND huyện Chợ Mới về việc mở mới bến khách ngang sông nối liền ấp Long Thuận, xã Long Điền A qua ấp Tấn Long, xã Tấn Mỹ;

Căn cứ Công văn số 1357/SXD-QH ngày 04/5/2020 của Sở Xây dựng tỉnh An Giang về việc ý kiến nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu du lịch sinh

thái kết hợp sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao The Lugar An Giang Resort and Spa;

Xét đề nghị của Phòng Kinh tế - Hạ tầng tại Tờ trình số 301/TTr-KTHT ngày 15/7/2020 về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu du lịch sinh thái kết hợp sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao The Lugar An Giang Resort and Spa,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu du lịch sinh thái kết hợp sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao The Lugar An Giang Resort and Spa với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên đồ án: Khu du lịch sinh thái kết hợp sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao The Lugar An Giang Resort and Spa.

2. Mục tiêu quy hoạch:

- Cụ thể hóa các chiến lượt phát triển kinh tế - xã hội của huyện Chợ Mới và xã Tấn Mỹ, trong đó ưu tiên phát triển du lịch góp phần phát triển vào hệ thống các khu du lịch tỉnh An Giang.

- Cụ thể hóa một phần Đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Tấn Mỹ.

- Xác định cụ thể quy mô sử dụng đất các khu chức năng bố trí trong khu vực quy hoạch, làm cơ sở pháp lý cho công tác lập dự án đầu tư xây dựng Khu du lịch sinh thái kết hợp sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan đảm bảo hài hòa với cảnh quan tự nhiên và các công trình kiến trúc hiện hữu xung quanh.

3. Phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch:

3.1. Vị trí: Khu vực dự kiến lập quy hoạch chi tiết tọa lạc tại khu vực bãi bồi Tấn Long, xã Tấn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Có tứ cận như sau:

+ Phía Bắc: giáp đất dân cư và đường giao thông nông thôn.

+ Phía Đông, phía Tây, phía Nam: giáp sông tiền;

3.2. Quy mô nghiên cứu:

Tổng diện tích khu đất lập quy hoạch khoảng 67.212 m^2, có diện tích khoảng 67.212m^2, trong đó: 56.033m^2 theo Quyết định số 4793/QĐ-UBND ngày 18/10/2018 của UBND huyện Chợ Mới và khu bến bãi mở rộng khoảng 2.635 m^2.

3.3. Dự báo quy mô dân số:

Dân số dự kiến (không bố trí dân cư, chỉ có khách du lịch và nhân viên phục vụ) khoảng 500 - 1.500 người.

4. Sản phẩm của quy hoạch:

4.1. Báo cáo thuyết minh:

- Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt đồ án.
- Thuyết minh nội dung đồ án.
- Dự thảo quy định quản lý xây dựng theo đồ án quy hoạch xây dựng.
- Dự thảo quyết định phê duyệt đồ án quy hoạch.
- Các văn bản pháp lý có liên quan.

4.2. Thành phần các bản vẽ:

Danh mục hồ sơ cụ thể như sau:

TT	Thành phần hồ sơ	Tỷ lệ bản vẽ
1	Sơ đồ vị trí và giới hạn khu đất	1/2.000-1/5.000
2	Bản đồ hiện trạng kiến trúc cảnh quan, hạ tầng xã hội và đánh giá đất xây dựng	1/500
3	Các bản đồ hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật	1/500
4	Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất	1/500
5	Sơ đồ tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan	1/500
6	Bản đồ chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng và hành lang bảo vệ các tuyến hạ tầng kỹ thuật	1/500
7	Các bản đồ quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật và môi trường	1/500
a	*Chuẩn bị kỹ thuật đất XD*	*1/500*
b	*Cấp nước*	*1/500*
c	*Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn*	*1/500*
d	*Cấp điện về chiếu sáng công cộng*	*1/500*
e	*Thông tin liên lạc*	*1/500*
8	Bản đồ tổng hợp đường dây, đường ống kỹ thuật	1/500
9	Bản đồ đánh giá môi trường chiến lược	1/500
10	Bản vẽ xác định các khu vực xây dựng công trình ngầm (nếu có)	
11	Hồ sơ thiết kế khu chức năng đặc thù	
12	Thuyết minh, các văn bản pháp lý, tờ trình phê duyệt	
a	*Thuyết minh (kèm theo bảng biểu, văn bản pháp lý và các bản vẽ khổ A3)*	
b	*Dự thảo Quyết định, Tờ trình xin phê duyệt, các văn bản pháp lý có liên*	

	quan	
13	Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chi tiết đô thị	

4.3. Số lượng hồ sơ:

Số lượng hồ sơ thống nhất là 09 bộ bản vẽ in màu, 09 tập thuyết minh tổng hợp, 01 đĩa CD ghi toàn bộ hồ sơ quy hoạch theo danh mục; các văn bản dự thảo thực hiện 01 bộ.

5. Nguồn kinh phí thực hiện: Do Công ty TNHH Một thành viên Dương Khang thực hiện.

6. Tiến độ thực hiện:

Thời hạn hoàn thành đồ án: 210 - 240 ngày (07 - 08 tháng) kể từ khi có đầy đủ cơ sở pháp lý theo quy định.

7. Tổ chức thực hiện:

- Cơ quan thỏa thuận quy hoạch: Sở Xây dựng An Giang;
- Cơ quan phê duyệt: UBND huyện Chợ Mới;
- Cơ quan thẩm định: Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện Chợ Mới;
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Một thành viên Dương Khang.
- Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư xây dựng thương mại SHD.

8. Những nội dung khác cần lưu ý:

8.1. Về căn cứ pháp lý: Đề nghị đơn vị tư vấn bổ sung các văn bản như:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ xây dựng hướng dẫn nội dung về Thiết kế đô thị;
- Thông tư số 16/2013/TT-BXD ngày 16/10/2013 của Bộ xây dựng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung Thiết kế đô thị;
- Quyết định số 801/2012/QĐ-TTg ngày 27/06/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh An Giang đến năm 2020;
- Quyết định số 1273/QĐ-UBND ngày 26/4/2017 của UBND tỉnh An Giang về việc phê duyệt "Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Chợ Mới đến năm 2025, định hướng đến năm 2030";

- Tại mục 4, thay Quy chuẩn Việt Nam số QCVN: 01/2008/BXD về quy hoạch xây dựng thành Quy chuẩn Việt Nam số QCVN: 01/2019/BXD về quy hoạch xây dựng.

8.2. Về nội dung: Đề nghị đơn vị tư vấn lưu ý như sau:

8.2.1. Phân khu chức năng:

Xác định chức năng cụ thể của từng lô đất theo từng loại hình lưu trú, thương mại – dịch vụ; công trình vui chơi giải trí; công trình công cộng; các hạng mục công viên cây xanh và khuôn viên,... các khu chức năng dự kiến bối trí gồm có:

- Đất xây dựng công trình theo Quyết định trúng đấu giá khu đất gồm: công trình thương mại – dịch vụ, nông nghiệp khác (ứng dụng công nghệ cao), nuôi trồng thủy sản,...

- Đất giao thông nội bộ, đất trồng cây lâu năm, xây dựng các công trình công cộng, thương mại – dịch vụ, các công trình phục vụ nhu cầu hàng ngày của người dân trong khu vực quy hoạch.

- Đất xây dựng các công trình dịch vụ công cộng như: Quảng trường, bến phà, cầu cảng,... phù hợp với quy mô của đồ án quy hoạch.

- Đất cây xanh bao gồm: vườn hoa trong từng khu dịch vụ, cây xanh dọc các trục giao thông.

8.2.2. Định hướng hạ tầng kỹ thuật:

a) San nền và thoát nước mưa:

- *San nền:* Xác định cao độ xây dựng phù hợp với quy hoạch chung đã được phê duyệt (lưu ý tham khảo Công văn số 1673/SXD-CCGĐ ngày 07/7/2017 của Sở Xây dựng tỉnh An Giang về việc quy định các nguyên tắc xác định cao trình thiết kế công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh An Giang) để có cơ sở thiết kế cho phù hợp.

- *Thoát nước mặt:* đề xuất các giải pháp và phân lưu vực tiêu thoát nước chính; hướng thoát nước, vị trí, quy mô các công trình tiêu thoát nước tại các khu vực.

b) Giao thông:

- Trên cơ sở định hướng phát triển giao thông theo đồ án quy hoạch nông thôn mới xã Tấn Mỹ đã phê duyệt, nghiên cứu quy hoạch mạng lưới giao thông nội bộ phù hợp, các điểm đấu nối vào các tuyến đường chính đô thị phải đảm bảo an toàn, thông suốt, gắn kết với các khu vực lân cận.

- Đề xuất các giải pháp quy hoạch giao thông đối ngoại có liên quan đến khu vực thiết kế, giao thông đô thị (đến từng công trình); mặt cắt, chỉ giới đường đỏ và chỉ giới xây dựng của các tuyến đường (đến đường nội bộ).

- Xác định vị trí, quy mô bến, bãi đỗ xe và hệ thống công trình ngầm, tuy-nen kỹ thuật....

c) Cấp điện:

- Sử dụng điện lưới quốc gia tại khu vực quy hoạch.

- Xác định nhu cầu sử dụng điện, vị trí, quy mô các trạm điện phân phối, mạng lưới đường dây trung thế, các trạm hạ thế và hệ thống chiếu sáng trong khu vực quy hoạch.

- Xây dựng mạng lưới cấp điện, cấp điện cho công trình thương mại dịch vụ và các công trình công cộng.

c) Cấp nước:

- Nguồn nước: sử dụng nguồn nước nhà máy nước trong khu vực quy hoạch.

- Xác định nhu cầu, vị trí, quy mô mạng lưới đường ống cấp nước; cấp nước chữa cháy và các thông số kỹ thuật.

8.2.3. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

a) Thoát nước thải:

- Bố trí mạng lưới thoát nước thải riêng với hệ thống thoát nước mưa;

- Khu vực quy hoạch phải bố trí trạm thu gom để xử lý nước thải đảm bảo các yêu cầu vệ sinh môi trường trong giai đoạn hiện tại và thuận tiện đấu nối đưa về khu xử lý nước thải theo quy định.

b) Rác thải: Thu gom hàng ngày, đưa về nhà máy xử lý rác theo quy định.

8.2.4. Thông tin liên lạc:

- Chỉ tiêu sử dụng cho thương mại dịch vụ và công trình công cộng ≥ 2 thuê bao/công trình.

- Sử dụng tổng đài Bưu điện trong khu vực quy hoạch, đấu nối tuyến hiện hữu dẫn vào khu quy hoạch.

9. Đánh giá môi trường chiến lược:

- Đánh giá hiện trạng môi trường về điều kiện địa hình; các vấn đề xã hội, văn hoá, cảnh quan thiên nhiên,...

- Phân tích, dự báo những tác động tích cực và tiêu cực ảnh hưởng đến môi trường; đề xuất hệ thống các tiêu chí bảo vệ môi trường để đưa ra các giải pháp quy hoạch không gian, kiến trúc và hạ tầng kỹ thuật tối ưu cho khu vực quy hoạch;

- Đề ra các giải pháp cụ thể giảm thiểu, khắc phục tác động đến môi trường khi triển khai thực hiện quy hoạch;

- Lập kế hoạch giám sát môi trường về kỹ thuật, quản lý và quan trắc môi trường.

10. Thiết kế khu vực quy hoạch:

- Xác định các công trình điểm nhấn, đề xuất tổ chức không gian cho các khu chức năng, các trục không gian chính, quảng trường lớn, không gian cây xanh, mặt nước trong khu quy hoạch.

- Xác định tầng cao tối đa của công trình xây dựng thuộc các khu chức năng và toàn khu vực.

- Quy định cụ thể cao độ nền, cao độ các tầng công trình, hình thức kiến trúc các công trình về hình khối, màu sắc và các yêu cầu về vật liệu xây dựng công trình.

- Xác định chỉ giới xây dựng cho từng công trình.

11. Các nội dung khác:

- Theo phương án phân khu chức năng dự kiến khu quy hoạch có bố trí một số hạng mục cặp bờ và lấn ra ngoài Sông Tiền như: cụm bunglow; cầu cảng, trung tâm đón tiếp du khách; bến phà mở rộng; quán trường sự kiện; nhà hàng, cà phê ven sông; khu vui chơi dưới nước,...Do đó, đề nghị chủ đầu tư và đơn vị tư vấn lấy ý kiến bằng văn bản Chi Cục Đường thủy nội địa phía Nam trước khi trình cơ quan thẩm quyền phê duyệt.

- Chủ đầu tư xác định thời gian và giải pháp thực hiện. Xác định các công trình, hạng mục ưu tiên đầu tư phù hợp với nguồn lực của Công ty, đề xuất các giải pháp thực hiện quy hoạch, kế hoạch thực hiện theo các giai đoạn.

Điều 2. Công ty TNHH Một thành viên Dương Khang có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện các bước kế tiếp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành và các nội dung tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND-UBND huyện, Trưởng Phòng Kinh tế - Hạ tầng, Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND xã Tấn Mỹ, Công ty TNHH Một thành viên Dương Khang và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hồng Viễn

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- P. KT-HT;
- P.TN-MT;
- UBND xã Tấn Mỹ;
- Lưu: VT.

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1853/XN-UBND	*Chợ Mới, ngày 26 tháng 8 năm 2020*

BẢN SAO

GIẤY XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ KẾ HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI XÁC NHẬN

Công ty TNHH Một thành viên Dương Khang đã đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án "Khu du lịch sinh thái kết hợp sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao The Lugar An Giang Resort and Spa - giai đoạn 1" ngày 17 tháng 8 năm 2020 do ông Nguyễn Văn Lợt - Giám đốc Công ty là người đại diện theo pháp luật. Hoạt động với quy mô (diện tích) 67.212 m^2. Địa điểm thực hiện dự án tại khu vực bãi bồi Tấn Long, xã Tấn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Công ty TNHH Một thành viên Dương Khang có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau đây:

1. Tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, công trình, các biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất trong bản kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký.

2. Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký và thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định tại Điều 33 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014.

3. Tổ chức thực hiện các công trình quản lý, xử lý chất thải theo nội dung kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký và các công trình quản lý, xử lý chất thải phải hoàn thành trước khi đi vào hoạt động.

4. Báo cáo kết quả hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường và thực hiện quan trắc chất thải định kỳ với tần suất 06 tháng/01 lần gửi về Phòng Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, giám sát; bảo đảm nước thải, khí thải phải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải theo quy định hiện hành; thực hiện quản lý chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện các quy định khác có liên quan đến hoạt động tại cơ sở *(lập thủ tục có liên quan về quyền sử dụng dụng đất, mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai;...).*

Giấy xác nhận đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường là căn cứ để cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường của dự án, cơ sở./.

Nơi nhận:
- Chủ cơ sở;
- UBND xã Tấn Mỹ;
- Lưu: VT, TNMT.

KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số: 1223 Quyển 01
Ngày 20 tháng 6 năm 2022
CHỦ TỊCH

Vũ Minh Thao

Tôn Hoàng Chiến

ỦY BAN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 801 /QĐ-UBND	*Chợ Mới, ngày 26 tháng 5 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500
Khu du lịch sinh thái kết hợp sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao
The Lugar An Giang Resort and Spa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương được Quốc hội thông qua ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/202020/QH14 có hiệu lực ngày ngày 01/01/2021;

Căn cứ Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 về sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Văn bản hợp nhất Luật xây dựng số 10/VBHN-VPQH ngày 04/7/2019 của Văn phòng Quốc hội;

Căn cứ Văn bản hợp nhất Luật Quy hoạch đô thị số 11/VBHN-VPQH ngày 04/7/2019 của Văn phòng Quốc hội;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 06/VBHN-BXD ngày 22/11/2019 của Bộ Xây dựng về lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015 một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định phân khu một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/05/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 38/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về Quản lý không gian kiến trúc, cảnh quan đô thị;

Căn cứ Thông tư 01/2011/TT-BXD ngày 27/01/20011 của Bộ Xây dựng hướng dẫn đánh giá môi trường chiến lược trong đồ án quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT–BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây Dựng về việc Quy định hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước mặt (QCVN 08: 2008/BTNMT);

Căn cứ Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước ngầm (QCVN 09: 2008/BTNMT);

Căn cứ Quyết định số 4793/QĐ-UBND ngày 18/10/2018 của UBND huyện Chợ Mới về việc Công nhận kết quả trúng đấu giá khu đất bãi bồi Tấn Long, xã Tấn Mỹ, huyện Chợ Mới;

Căn cứ Quyết định số 1434/QĐ-UBND ngày 22/7/2020 của UBND huyện Chợ Mới Về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu du lịch sinh thái kết hợp sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao The Lugar An Giang Resort and Spa.

Căn cứ Công văn số 213/VPUBND-KTN ngày 16/01/2018 của Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang về việc đầu tư Dự án Khu du lịch sinh thái Dương Khang tại khu đất bãi bồi Tấn Long, xã Tấn Mỹ, huyện Chợ Mới;

Căn cứ Căn cứ Công văn số 652/UBND-ĐTXD ngày 26/04/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới về việc Mở mới bến khách ngang sông nối liền ấp Long Thuận, xã Long Điền A qua ấp Tấn Long, xã Tấn Mỹ;

Căn cứ Công văn số 1878/CĐTNĐ-QLKCHT ngày 11/9/2020 của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam về việc vị trí xây dựng Khu du lịch sinh thái kết hợp sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao The Lugar An Giang Resort and Spa;

Căn cứ Công văn số 1299/CCĐTNĐPN-QLHT ngày 13/10/2020 của Chi Cục đường thủy nội địa phía Nam về việc có ý kiến về giao thông thủy đối với Khu du lịch sinh thái kết hợp sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao The Lugar An Giang Resort and Spa;

Căn cứ Công văn số 1800/SGTVT-QLCLCTGT ngày 01/10/2020 của Sở Giao thông Vận tải về việc về góp ý quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu du lịch sinh thái kết hợp sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao The Lugar An Giang Resort and Spa;

Căn cứ Công văn số 2984/STNMT-MT ngày 01/10/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc ý kiến quy hoạch chi tiết Khu du lịch sinh thái kết hợp sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao The Lugar An Giang Resort and Spa;

Căn cứ Công văn số 1975/SVHTTDL-QLDL ngày 28/8/2020 của Sở Văn hóa thể thao và Du lịch về việc góp ý quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu du lịch sinh thái kết hợp sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao The Lugar An Giang Resort and Spa;

Căn cứ Công văn số 1356/SXD-QH ngày 12/5/2021 của Sở Xây dựng tỉnh An Giang về việc thỏa thuận quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu du lịch sinh thái kết hợp sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao The Lugar An Giang Resort and Spa xã Tấn Mỹ, huyện Chợ Mới;

Xét đề nghị của Phòng Kinh tế - Hạ tầng tại Tờ trình số 243/TTr-KTHT ngày 25/5/2021 về việc thẩm định Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu du lịch sinh thái kết hợp sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao The Lugar An Giang Resort and Spa,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu du lịch sinh thái kết hợp sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao The Lugar An Giang Resort and Spa với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên công trình: Khu du lịch sinh thái kết hợp sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao The Lugar An Giang Resort and Spa.

2. Pham vi ranh giới: Khu vực lập quy hoạch chi tiết tọa lạc tại khu vực bãi bồi Tấn Long, xã Tấn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Có tứ cận như sau:

+ Phía Bắc: giáp đất dân cư và đường giao thông nông thôn.

+ Phía Đông, phía Tây, phía Nam: giáp Sông tiền;

3. Tính chất:

- Là Khu du lịch sinh thái kết hợp sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao - The Lugar An Giang Resort and Spa theo Quyết định số 4793/QĐ-UBND ngày 18/10/2018 của UBND huyện Chợ Mới về việc Công nhận kết quả trúng đấu giá khu đất bãi bồi Tấn Long, xã Tấn Mỹ, huyện Chợ Mới.

- Cụ thể hóa các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của huyện Chợ Mới và xã Tấn Mỹ, trong đó ưu tiên phát triển du lịch góp phần phát triển vào hệ thống các khu du lịch tỉnh An Giang.

- Cụ thể hóa một phần Đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Tấn Mỹ.

- Xác định cụ thể quy mô sử dụng đất các khu chức năng bố trí trong khu vực quy hoạch, làm cơ sở pháp lý cho công tác lập dự án đầu tư xây dựng Khu du lịch sinh thái kết hợp sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan đảm bảo hài hòa với cảnh quan tự nhiên và các công trình kiến trúc hiện hữu xung quanh.

4. Quy mô đất đai:

- Tổng diện tích khu đất lập quy hoạch 67.212 m^2 (khoảng 6,72 ha). Trong đó: 56.033m^2 do Công ty TNHH Một thành viên Dương Khang trúng đấu giá theo Quyết định số 4793/QĐ-UBND ngày 18/10/2018 của UBND huyện Chợ Mới; Khu du lịch giai đoạn mở rộng khoảng 2.635 m^2; Khu bến bãi: 7.500,0 m^2 - 8.500,0 m^2.

- Dân số: 1.500 người;

BẢNG CÂN BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT

Stt	Loại đất	Diện tích (m^2)	Tỷ lệ (%)
A	**Đất khu du lịch sinh thái kết hợp sản xuất nông nghiệp**	**56.668,00**	**87,30**
1	Đất công trình quản lý điều hành	3.229,30	4,80
2	Đất công trình dịch vụ	13.084,20	19,50
3	Đất công trình lưu trú ngắn hạn	11.414,90	17,00
4	Khu canh tác nông nghiệp	10.853,60	16,10
	- Khu nông nghiệp trình diễn công nghệ cao	*2.154,70*	
	- Mô hình nông nghiệp sinh thái kết hợp dã ngoại	*4.106,60*	
	- Đất nông nghiệp trồng cây ăn trái	*4.592,30*	
5	Đất giao thông	9.451,50	14,10
	- Đất giao thông trục chính	*5.670,90*	
	- Đất giao thông đường dạo, sàn gỗ	*3.780,60*	
6	Đất mặt nước cảnh quan	1.511,10	2,20
7	Đất cây xanh cảnh quan	1.482,50	2,20
8	Đất nuôi trồng thủy sản	6.840,90	10,20
9	Đất hạ tầng kỹ thuật	800,00	1,20
	- Khu kỹ thuật	*500,00*	
	- Khu xử lý nước thải ngầm và thu gom chất thải rắn	*300,00*	
B	**Bến phà mở rộng**	**8.544,00**	**12,70**
1	Đường dẫn	7.018,00	10,40
2	Bến phà	1.526,00	2,30
	Tổng cộng	**67.212,00**	**100,00**

5. Quy hoạch không gian kiến trúc, cảnh quan:

- Tạo ra sự hài hoà giữa không gian khu vực thiết kế và không gian xung quanh, đồng thời tạo môi trường du lịch sinh thái xanh cho dân cư.

- Khai thác hiệu quả về vị trí cũng như cảnh quan khu vực cho tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan sông nước, chú trọng các không gian mở của hệ thống cây xanh mặt nước và khu vực các điểm nhấn kiến trúc.

- Định hướng tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan được tổ chức thành 03 phân khu chính: Khu nghỉ dưỡng, khu bến đò Tấn Long mở rộng, khu vui chơi giải trí công cộng.

a) Khu nghỉ dưỡng:

- Là khu chức năng đặt về phía Tây khu quy hoạch, tận dụng 02 mặt tiếp giáp sông với điều kiện tự nhiên và cảnh quan tốt nhất tổ chức các hoạt động nghỉ dưỡng chất lượng cao.

- Các chức năng công trình bố trí chính tại phân khu:

+ Bên thuyền du lịch và trung tâm đón tiếp, điều hành: vị trí tại điểm đầu khu nghỉ dưỡng, kết hợp với bến thuyền du lịch. Chức năng là nơi đón tiếp khách du lịch, phân bổ khách về cụm phòng nghỉ, tổ chức các tour du lịch trong ngày và quản lý vận hành chung toàn khu.

+ Khu nhà hàng, trung tâm hội nghị: tổ chức các hoạt động hội nghị và phục vụ ăn uống quy mô lớn.

+ Khu hồ bơi, spa: tổ chức các hoạt động trị liệu, thể dục thể thao, giải trí với hướng nhìn ra sông không giới hạn.

+ Cụm Bungalow nghỉ dưỡng cao cấp.

+ Các hạn mục công trình phụ khác như nhà vệ sinh, kho dụng cụ thiết bị....

b) Bến đò Tấn Long mở rộng:

- Vị trí tại bến đò hiện hữu, trung tâm khu đất.

- Bến đò được nâng cấp về quy mô cũng như kiến trúc cảnh quan nhằm phù hợp với tổng thể khu du lịch.

c) Khu vui chơi giải trí công cộng:

- Khu chức năng đặt về phía đông khu quy hoạch.

- Là khu chức năng bố trí các công trình, h0ạt động vui chơi giải trí phục vụ nhân dân địa phương, khách du lịch trong và ngoại tỉnh, khách nghỉ dưỡng.

+ Khu trưng bày sản phẩm gỗ mỹ nghệ và xe cổ.

+ Khu trưng bày hoa kiểng và đường dạo.

+ Khu vui chơi giải trí (games, karaoke...).

+ Khu nhà hàng.

+ Quãng trường kết hợp thác nước.

+ Khu vui chơi dưới nước.

+ Khu Nghỉ lưu trú.

6. Hệ thống giao thông:

- Đường xuống bến phà lộ giới 26m (6-10-10).

- Giao thông đi bộ cho khách đến tham quan du lịch, nên chỉ sử dụng đường đan bê tông xi năng, vẫn đảm bảo theo quy định, có độ rộng từ 6 – 15 m.

7. Hạ tầng kỹ thuật:

- Thực hiện theo Quy chuẩn Việt Nam số 07/2016/BXD của Bộ Xây dựng về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - các công trình hạ tầng kỹ thuật và Thông tư số 22/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng.

- Các chỉ tiêu quy hoạch hạ tầng như sau:

Stt	Nội dung	Chỉ tiêu quy hoạch
1	Tiêu chuẩn phụ tải điện	
	- Văn phòng, cơ quan hành chính	30 W/m^2 sàn
	- Cấp điện công trình công cộng (đô thị loại IV)	40% phụ tải điện sinh hoạt
2	Tiêu chuẩn cấp nước	
	- Nước khu khách sạn, nghĩ dưỡng	≥ 200 lít/người-ngđ
	- Nước cho công trình công cộng	≥ 2 lít/m^2 sàn-ngđ
	- Nước tưới vườn hoa, công viên	≥ 3,0 lít/m^2-ngđ
	- Nước rửa đường	0,5 lít/m^2-ngđ
3	Tỷ lệ thu gom nước thải	≥ 80% lượng nước cấp sinh hoạt
	Tỷ lệ thu gom rác thải rắn	1,3 kg/người-ngđ

7.1. San nền:

Cao trình san lấp +3.82 đảm bảo theo quy định về cao độ thiết kế cho các công trình xây dựng trong địa bàn tỉnh An Giang được Uỷ ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định 56/2020/QĐ-UBND ngày 23/12/2020

7.2. Hệ thống cấp nước:

Nguồn nước được lấy từ mạng lưới đường ống cấp nước hiện hữu trong khu vực; mạng lưới đường ống cấp nước cho khu vực sử dụng bằng ống PVC đảm bảo theo quy định.

7.3. Hệ thống thoát nước:

* Hệ thống thoát nước mặt: Hệ thống thoát nước mưa trong khu du lịch chảy tràng tự nhiên ra các mương công cộng xung quanh khu vực.

* Hệ thống thoát nước thải:

- Thoát nước bẩn sinh hoạt tỷ lệ thu gom ≥ 80% nước cấp.

- Chọn giải pháp thoát nước riêng. Nước thải gom qua các tuyến cống dẫn về khu xử lý đạt chỉ tiêu trước khi thải ra sông, kênh, rạch.

7.4. Hệ thống điện:

Xây dựng mới hệ thống điện trung hạ thế phân phối cấp điện phục vụ trong khu vực và khách du lịch đảm bảo theo quy định của ngành điện lực.

7.5. Thông tin liên lạc:

Sử dụng Trạm viễn thông trong khu vực. Hệ thống viễn thông được đầu tư tương đối hoàn chỉnh, có khả năng kết nối đồng bộ với mạng viễn thông quốc gia.

7.6. Vệ sinh môi trường:

Tổng lượng rác thải khu du lịch khoảng 650kg/ngày-đêm (tiêu chuẩn 1,3kg/người/ngày-đêm) được thu gom đưa về nhà máy xử lý chất thải rắn tập trung.

8. Đánh giá môi trường chiến lược:

Các biện pháp giảm thiểu tác động đến môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng và đưa dự án vào sử dụng cơ bản như sau:

- Tổ chức thi công hợp lý, phải có biện pháp kỹ thuật, quản lý tránh ách tắc giao thông, rò rỉ xăng dầu, trong quá trình thi công xây dựng,…

- Giảm thiểu tác động có hại tới môi trường không khí, giảm thiểu tác động có hại của rác thải.

- Công trình xây dựng trong khu du lịch phải xây dựng trạm xử lý nước thải và hầm phân tự hoại đạt tiêu chuẩn theo quy định để xử lý nước thải cục bộ trước khi thoát ra hệ thống thoát nước chung.

- Lập kế hoạch bảo vệ môi trường trình cấp thẩm quyền phê duyệt trước khi triển khai thực hiện dự án.

9. Thành phần hồ sơ:

- Thành phần và nội dung hồ sơ quy hoạch được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một

số nội dung về quy hoạch xây và thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù.

TT	Ký hiệu	Tên sản phẩm	Tỷ lệ
1	QH-01	Sơ đồ vị trí giới hạn khu đất	1/10.000
2	QH-02	Bản đồ hiện trạng tổng hợp kiến trúc cảnh quan	1/500
3	QH-03	Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất	1/500
4	QH-04	Sơ đồ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan	1/500
5	QH-05	Bản đồ quy hoạch giao thông	1/500
6	QH-06	Bản đồ quy hoạch cao độ nền	1/500
7	QH-07	Bản đồ quy hoạch chất thải rắn	1/500

10. Một số nội dung cần lưu ý:

- Theo bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất có bố trí một số hạng mục cặp bờ và lấn ra ngoài sông Tiền như: cụm bungalow; bến phà mở rộng; trung tâm đón tiếp du khách; quảng trường sự kiện; nhà hàng, cà phê ven sông; khu vui chơi giải trí;.... Do đó, đề nghị Công ty TNHH Một thành viên Dương Khang thực hiện công tác quản lý đất đai, môi trường; an toàn dòng chảy bờ sông; quản lý kè, quản lý quản lý đường sông cũng như bến thủy nội địa; ... đảm bảo thực hiện đúng theo quy định hiện hành.

- Công ty TNHH Một thành viên Dương Khang làm việc với Chi Cục đường thủy nội địa phía Nam để được hướng dẫn các thủ tục có liên quan đến phương án đảm bảo an toàn giao thông phục vụ thi công công trình và trong quá trình khai thác, sử dụng.

- Khu vực vùng nước hoạt động bến du lịch, bến phà phải được cấp có thẩm quyền cho phép hoạt động và trong quá trình hoạt động phải thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

- Trường hợp luồng đường thủy nội địa trên sông Tiền qua khu vực thay đổi, phạm vi vùng nước ảnh hưởng đến luồng và hành lang luồng đường thủy nội địa Công ty TNHH Một thành viên Dương Khang phải lập hồ sơ trình Cục Đường thủy nội địa Việt Nam xem xét có ý kiến về các nội dung có liên quan đến giao thông đường thủy qua khu vực.

- Lập bản Quy định (điều lệ) quản lý xây dựng kèm theo phương án Tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 trình UBND huyện Chợ Mới (thông qua Phòng Kinh tế - Hạ tầng thẩm định trước khi phê duyệt) để làm cơ sở cấp phép xây dựng và quản lý đầu tư xây dựng.

- Tùy tính chất và loại hình của dự án mà chủ đầu tư phải thực hiện các thủ tục như: thẩm định thiết kế, môi trường, PCCC... và xin phép xây dựng trước khi khởi công xây dựng các hạng mục công trình.

- Ngoài các vấn đề nêu trên, Công ty TNHH Một thành viên Dương Khang phải thực hiện theo các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Công ty TNHH Một thành viên Dương Khang có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện các bước kế tiếp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành và các nội dung tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Giao Công ty TNHH Một thành viên Dương Khang phối hợp với Phòng Kinh tế - Hạ tầng và UBND xã Tấn Mỹ:

1. Tổ chức công bố Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu du lịch sinh thái kết hợp sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao The Lugar An Giang Resort and Spa để các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan biết thực hiện.

2. Chỉ đạo việc thực hiện Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu du lịch sinh thái kết hợp sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao The Lugar An Giang Resort and Spa, Phối hợp với các Ban, ngành theo đúng quy hoạch và pháp luật.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND-UBND huyện, Trưởng phòng Kinh tế - Hạ tầng, Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND xã Tấn Mỹ, Công ty TNHH Một thành viên Dương Khang, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- LĐ UBND;
- LĐVP;
- P. KT-HT;
- UBND xã Tấn Mỹ;
- Lưu: VT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI T. AN GIANG

Nguyễn Hồng Viễn

CÔNG TY TNHH TV XD THÀNH VĂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 03/BCTT-TTTK *V/v thông báo kết quả thẩm tra Thiết kế bản vẽ thi công – dự toán Dự Án: Khu Du lịch Sinh thái kết hợp sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao The Lugar An Giang Resort And Spa tại xã Tấn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang*	*Long Xuyên, ngày 16 tháng 12 năm 2021*

BÁO CÁO KẾT QUẢ THẨM TRA

Kính gửi: Công ty TNHH MTV Dương Khang

- Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/08/2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;
- Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội về ban hành Luật Đầu tư công;
- Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội về ban hành Luật Xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;
- Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính về việc quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước;
- Căn cứ Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Căn cứ Thông tư số 09/2019/TT-BXD ngày 26 tháng 12 năm 2019 ; hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng áp dụng trên cơ sở Nghị định 68/2019/NĐ-CP.
- Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Quyết định 2179/QĐ-UBND ngày 14/09/2020; Hướng dẫn xác định đơn giá nhân công tạm thời trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng theo Quy định tại Nghị định số 68/2019/NĐ-CP của Chính phủ;

- Căn cứ Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công – dự toán Dự án: Khu Du lịch Sinh thái kết hợp sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao - The Lugar An Giang Resort And Spa, tại xã Tấn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang do Công ty TNHH tư vấn khảo sát thiết kế Việt Phát lập;

- Thực hiện theo Hợp đồng tư vấn thẩm tra số 03/KQTT-2021 giữa Công ty TNHH MTV Dương Khang và Công ty TNHH TV XD Thành Văn về việc thẩm tra Thiết kế bản vẽ thi công – dự toán Dự Án: Khu Du lịch Sinh thái kết hợp sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao - The Lugar An Giang Resort And Spa, tại ấp Tấn Long, xã Tấn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Sau khi xem xét, Công ty TNHH TV XD Thành Văn thông báo kết quả thẩm tra thiết kế cơ sở lập tổng mức đầu tư dự án như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TRÌNH

- Tên Dự Án: Khu Du lịch Sinh thái kết hợp sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao - The Lugar An Giang Resort And Spa.
- Loại, công trình: Dân dụng.
- Chủ đầu tư: Công Ty TNHH MTV Dương Khang
- Nguồn vốn đầu tư: Chủ sỡ hữu và vốn vay ngân hàng thương mại;
- Thời gian thực hiện: 2021;
- Địa điểm xây dựng: xã Tấn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.
- Nhà thầu lập Thiết kế bản vẽ thi công – dự toán: Công ty TNHH tư vấn khảo sát thiết kế Việt Phát lập;
- Nhà thầu khảo sát xây dựng: Công ty TNHH tư vấn khảo sát thiết kế Việt Phát lập;

II. NỘI DUNG HỒ SƠ TRÌNH THẨM TRA

1. Danh mục hồ sơ trình thẩm định.

- Tập báo cáo TKCS tập A4;
- Bản vẽ thiết kế cơ sở tập A3;
- Tập nhiệm vụ khảo sát tập A4;
- Tập phương án khảo sát tập A4;
- Tập báo cáo kết quả khảo sát địa hình tập A4;

2. Các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng:

Theo hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công – dự toán trình thẩm tra và chỉ dẫn được nêu trong hồ sơ thiết kế..

3. Giải pháp thiết kế chủ yếu về: Kiến trúc, nền, móng, kết cấu, hệ thống kỹ thuật công trình, phòng chống cháy, nổ và các nội dung khác.

3.1. Quy mô, công suất thiết kế:

1. Nhà ngắm trên cây 1,2,3:

* Kết cấu:

- Móng bêtông cốt thép M300 trên hệ cọc BTDUL 15x15cm. L=3m, 9cây/m2.
- Khung sàn bằng gỗ lủa.

- Hệ kết cấu mái: Hệ vì kèo, cầu phong, lito gổ.
- Mái lợp lá dừa nước..

2. Nhà ngắm trên cây 4,5,6,7,8,9,10,11:

* Kết cấu:

- Móng bêtông cốt thép M300 trên hệ cọc BTDUL 30x30cm. L=11m,
- Khung sàn bằng gỗ lủa.
- Hệ kết cấu mái: Hệ vì kèo, cầu phong, lito gổ.
- Mái lợp lá dừa nước..

3. Nhà mát trên sông:

* Kết cấu:

- Móng bêtông cốt thép M300 trên hệ cọc BTDUL 30x30cm. L=11.7m,
- Khung sàn bằng gỗ lủa.
- Hệ kết cấu mái: Hệ vì kèo, cầu phong, lito gổ.
- Mái lợp lá dừa nước..

4. Nhà mát trên sông 1, 2:

* Kết cấu:

- Móng bêtông cốt thép M300 trên hệ cọc BTDUL 30x30cm. L=11.7m,
- Khung sàn bằng gỗ lủa.
- Hệ kết cấu mái: Hệ vì kèo, cầu phong, lito gổ.
- Mái lợp lá dừa nước.

5. Nhà mát nghỉ chân:

* Kết cấu:

- Móng bêtông cốt thép M300 trên hệ cọc BTDUL BTDUL 15x15cm. L=3m, 9cây/m2.
- Khung sàn bằng gỗ lủa.
- Hệ kết cấu mái: Hệ vì kèo, cầu phong, lito gổ.
- Mái lợp lá dừa nước.

6. Nhà trưng bày gỗ:

* Kết cấu:

- Móng bêtông cốt thép M300 trên hệ cọc BTDUL 15x15cm. L=3m, 9cây/m2.
- Khung sàn bằng gỗ lủa.
- Hệ kết cấu mái: Hệ vì kèo, cầu phong, lito gổ.
- Mái lợp lá dừa nước..

7. Khách sạn:

* Kết cấu:

- Móng bêtông cốt thép M300 trên hệ cọc BTDUL 15x15cm. L=3m, 9cây/m2.
- Khung sàn bằng BTCT đá 1x2 M250.
- Hệ kết cấu mái: Hệ vì kèo bằng thép hình.
- Xây tường bằng gạch

- Mái lợp ngói.

8. Khu Spa:

* Kết cấu:

- Móng bêtông cốt thép M300 trên hệ cọc BTDUL 15x15cm. L=3m, 9cây/m2.
- Khung sàn bằng gỗ lủa.
- Hệ kết cấu mái: Hệ vì kèo, cầu phong, lito gổ.
- Mái lợp lá dừa nước..

9. Bungalow tiêu chuẩn:

* Kết cấu:

- Móng bêtông cốt thép M300 trên hệ cọc BTDUL 15x15cm. L=3m, 9cây/m2.
- Khung sàn bằng gỗ lủa.
- Hệ kết cấu mái: Hệ vì kèo, cầu phong, lito gổ.
- Mái lợp lá dừa nước..

10. Bungalow Vip:

* Kết cấu:

- Móng bêtông cốt thép M300 trên hệ cọc BTDUL 15x15cm. L=3m, 9cây/m2.
- Khung sàn bằng gỗ lủa.
- Hệ kết cấu mái: Hệ vì kèo, cầu phong, lito gổ.
- Mái lợp lá dừa nước..

11. Nhà hàng:

* Kết cấu:

- Móng bêtông cốt thép M300 trên hệ cọc BTDUL 30x30cm. L=11.7m - Sàn bằng BTCT đá 1x2 M250.
- Khung, cột bằng gỗ lủa.
- Hệ kết cấu mái: Hệ vì kèo, cầu phong, lito gổ.
- Mái lợp lá dừa nước..

12. Khu trung tâm:

* Kết cấu:

- Móng bêtông cốt thép M300 trên hệ cọc BTDUL 15x15cm. L=3m, 9cây/m2.
- Khung sàn bằng BTCT đá 1x2 M250.
- Hệ kết cấu mái: Hệ vì kèo bằng thép hình.
- Xây tường bằng gạch
- Mái lợp ngói.

13. Đường giao thông:

* Kết cấu:

- Xoa mặt đường BT
- Mặt đường BTCT dày 10cm, thép fi 8@120.
- Trải tấm nylon
- Móng cấp phối 0x4 dày 30cm

- Trải vải địa kỹ thuật
- Cát nền đầm chặt

14. San Lấp:

- Đắp đất đắp đê bao
- Bơm cát san lấp mặt bằng
- Lắp đặt ống nhựa, bịt đầu bằng vải địa.

3.2 Giải pháp mặt bằng:

- Bố cục mặt bằng hài hòa, công năng đa dạng phục vụ đầy đủ chức năng.

3.3 Loại và Cấp công trình:

- Loại công trình: Dân dụng cấp III.

III. NHẬN XÉT VỀ CHẤT LƯỢNG HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ THẨM TRA

- Sau khi nhận được hồ sơ của Công Ty TNHH MTV Dương Khang, qua xem xét Công ty TNHH TV XD Thành Văn báo cáo về chất lượng hồ sơ đề nghị thẩm tra như sau:

1. Quy cách và danh Mục hồ sơ thực hiện thẩm tra: Hồ sơ trình thẩm tra đáp ứng yêu cầu.

2. Nhận xét, đánh giá về các nội dung thiết kế xây dựng theo quy định tại Điều 80 Luật Xây dựng 2014.

- Nội dung thiết kế phù hợp và tuân thủ theo qui định.

3. Nhận xét, đánh giá về dự toán xây dựng, cụ thể:

a) Phương pháp lập dự toán được lựa chọn so với quy định hiện hành; đạt yêu cầu

b) Các cơ sở để xác định các Khoản Mục chi phí;

c) Về đơn giá áp dụng cho công trình; Hồ sơ dự toán áp dụng đúng các định mức, đơn giá, chế độ, chính sách và các khoản mục chi phí theo qui định hiện hành. Tuy nhiên có điều chỉnh một số loại vật tư và cự ly vận chuyển vật tư (đề nghị xem trong bảng tổng hợp vật tư và bảng chiết tính chi phí vật tư, khảo sát…)

d) Chi phí xây dựng hợp lý, Giải pháp thiết kế và sử dụng vật liệu, trang thiết bị phù hợp với công năng sử dụng của công trình bảo đảm Tiết kiệm chi phí đầu tư xây dựng công trình.

4. Kết luận của đơn vị thẩm tra về việc đủ Điều kiện hay chưa đủ Điều kiện để thực hiện thẩm tra.

- Đơn vị thiết kế đủ điều kiện thực hiện công tác tư vấn khảo sát, thiết kế thiết kế cơ sở và lập tổng mước đầu tư xây dựng công trình so với yêu cầu của hợp đồng và quy định của pháp luật

VI. KẾT QUẢ THẨM TRA THIẾT KẾ

1. Sự phù hợp của thiết kế xây dựng bước sau so với thiết kế xây dựng bước trước:

a) Thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công so với thiết kế cơ sở; đạt yêu cầu

b) Thiết kế bản vẽ thi công so với nhiệm vụ thiết kế trong trường hợp thiết kế một bước. Hồ sơ tư vấn thiết kế lập phù hợp với nhiệm vụ thiết kế đã được chủ đầu tư phê

duyệt. Tuy nhiên đơn vị tư vấn cần điều chỉnh và bổ sung thêm mặt cắt tại các vị trí dầm…

2. Sự tuân thủ các tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật; quy định của pháp luật về sử dụng vật liệu xây dựng cho công trình:

- Về sự tuân thủ các tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật: Hồ sơ tư vấn thiết kế lập áp dụng cơ bản đủ các qui chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật khảo sát và thiết kế, thi công và nghiệm thu hiện hành.

- Về sử dụng vật liệu cho công trình theo quy định của pháp luật: Hồ sơ đáp ứng yêu cầu về sử dụng vật liệu tại địa phương cho công trình.

3. Đánh giá sự phù hợp các giải pháp thiết kế công trình với công năng sử dụng của công trình, mức độ an toàn công trình và bảo đảm an toàn của công trình lân cận:

- Đánh giá sự phù hợp của từng giải pháp thiết kế với công năng sử dụng công trình. Đạt yêu cầu

- Đánh giá, kết luận khả năng chịu lực của kết cấu công trình, giải pháp thiết kế đảm bảo an toàn cho công trình lân cận. Giải pháp thiết kế nền đường phù hợp với công năng sử dụng của công trình.

5. Sự hợp lý của việc lựa chọn dây chuyền và thiết bị công nghệ đối với thiết kế công trình có yêu cầu về công nghệ (nếu có).

6. Sự tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ: Đạt yêu cầu

7. Yêu cầu hoàn thiện hồ sơ (nếu có).

VI. KẾT QUẢ THẨM TRA DỰ TOÁN

1. Nguyên tắc thẩm tra:

a) Về sự phù hợp giữa khối lượng chủ yếu của dự toán với khối lượng thiết kế;

b) Về tính đúng đắn, hợp lý của việc áp dụng, vận dụng đơn giá xây dựng công trình, định mức chi phí tỷ lệ, dự toán chi phí tư vấn và dự toán các Khoản Mục chi phí khác trong dự toán công trình;

c) Về giá trị dự toán công trình.

2. Giá trị dự toán xây dựng sau thẩm tra

- Dựa vào các căn cứ và nguyên tắc nêu trên thì giá trị dự toán sau thẩm tra như sau:

STT	Nội dung chi phí	Giá trị đề nghị thẩm tra	Giá trị sau thẩm tra	Tăng, giảm (+;-)
1	Chi phí xây dựng	215.978.927.381	215.768.766.000	-210.161.381
2	Chi phí quản lý dự án	3.889.780.483	3.885.995.476	-3.785.007
3	Chi phí tư vấn ĐTXD	4.054.930.982	4.053.195.234	-1.735.748
4	Chi phí khác	2.060.389.542	2.059.593.031	-796.511
5	Chi phí dự phòng	11.301.422.044	11.290.598.111	-10.823.933
	Tổng cộng	**237.285.450.000**	**237.058.148.000**	**-227.302.000**

(có phụ lục chi Tiết kèm theo)

- Nguyên nhân tăng, giảm: Điều chỉnh đơn giá khảo sát, mã hiệu, định mức, giá một số loại vật tư và cự ly vận chuyển vật tư

3. Yêu cầu hoàn thiện hồ sơ (nếu có).

VII. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

- Hồ sơ công trình: hồ sơ thiết kế cơ sở cơ bản đáp ứng theo quy định Đủ điều kiện trình phê duyệt.

2. Kiến nghị:

- Trước và trong quá trình triển khai thi công cần phải kiểm tra, xem xét lại mức độ biến đổi địa hình. Nếu có thay đổi lớn, bất thường thì kịp thời báo cho các bên liên quan để xử lý kịp thời.

- Đề nghị chủ đầu tư xem xét yêu cầu đơn vị Tư vấn thiết kế chỉnh sửa, bổ sung theo các góp ý trên đây để hoàn thiện hồ sơ Trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Trên đây là báo cáo thẩm tra đã được đơn vị tư vấn thực hiện theo đúng quy trình hiện hành, Kính trình chủ đầu tư xem xét phê duyệt để các đơn vị liên quan triển khai các bước tiếp theo ./.

CÁN BỘ THẨM TRA THIẾT KẾ	CHỦ TRÌ THẨM TRA THIẾT KẾ, DỰ TOÁN
KTS. Võ Thanh Sơn CC TKCT Số: HCM-00008073	**KS. Hồ Thanh Bình** CC KSĐG Hạng II Số: 076-00115

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG THÀNH VĂN

KS. NGUYỄN THÀNH NGHIÊM

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VP

CÔNG TY TNHH MTV DƯƠNG KHANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 56 /QĐ-DK	*Chợ Mới, ngày 28 tháng 12 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công – dự toán

Dự án: Khu Du lịch Sinh thái kết hợp sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao The Lugar An Giang Resort And Spa tại xã Tấn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯƠNG KHANG

Căn cứ Quyết định số 01/QĐ-Cty ngày 20 tháng 9 năm 2008 về việc thành lập Công ty TNHH MTV Dương Khang;

Căn cứ Luật Xây dựng 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 đã sửa đổi, bổ sung một số điều theo luật 03/2016/QH14; Luật 35/2018/QH14; Luật 40/2019/Qh14;

Căn cứ Luật Xây dựng 62/2020/QH14 ngày 01 tháng 01 năm 2021;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 9 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số nội dung về Quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 16/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn xác định chi phí quản lý và tư vấn đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 3768/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh An Giang Về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển du lịch ba xã Cù Lao Giêng, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang giai đoạn đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 4793/QĐ-UBND ngày 18/10/2018 của UBND huyện Chợ Mới về việc công nhận kết quả trúng đấu giá khu đất bãi bồi Tấn Long, xã Tấn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 801/QĐ-UBND ngày 26/5/2021 của UBND huyện Chợ Mới về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu Du lịch Sinh thái kết hợp sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao The Lugar An Giang Resort And Spa tại xã Tấn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang;

Căn cứ Báo cáo số 03/TT-TK và 03/TT-DT ngày 16/12/2021 của Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Thành Văn về việc thông báo kết quả thẩm tra Thiết kế bản vẽ thi công – dự toán dự án Khu Du lịch Sinh thái kết hợp sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao The Lugar An Giang Resort And Spa tại xã Tấn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt thiết kế Thiết kế bản vẽ thi công – dự toán dự án Khu Du lịch Sinh thái kết hợp sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao The Lugar An Giang Resort And Spa tại xã Tấn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang do Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Thành Văn thẩm tra, với nội dung chủ yếu như sau:

***1. Tên công trình*:** Khu Du lịch Sinh thái kết hợp sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao The Lugar An Giang Resort And Spa.

2. Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV Dương Khang.

3. Địa điểm xây dựng: xã Tấn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang

***4. Sự cần thiết và mục tiêu đầu tư*:**

- Cụ thể hóa các định hướng phát triển du lịch khu vực huyện Chợ Mới nói riêng và đóng góp vào hệ thống các khu du lịch tỉnh An Giang nói chung.

- Xác định chức năng sử dụng đất, các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật, tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan đảm bảo hài hòa với cảnh quan tự nhiên và các công trình kiến trúc hiện hữu xung quanh.

5. Sự phù hợp với quy hoạch: Vị trí xây dựng phù hợp theo Quyết định số 3768/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh An Giang Về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển du lịch ba xã Cù Lao Giêng, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang giai đoạn đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

6. Loại cấp công trình: Dân dụng, cấp III.

7. Quy mô công trình:

7.1. Nhà ngắm trên cây 1,2,3:

* Kết cấu:

- Móng bêtông cốt thép M300 trên hệ cọc BTDUL 15x15cm. L=3m, 9cây/m2.

- Khung sàn bằng gỗ lủa.

- Hệ kết cấu mái: Hệ vì kèo, cầu phong, lito gổ.

- Mái lợp lá dừa nước..

7.2. Nhà ngắm trên cây 4,5,6,7,8,9,10,11:

* Kết cấu:

- Móng bêtông cốt thép M300 trên hệ cọc BTDUL 30x30cm. L=11m,

- Khung sàn bằng gỗ lủa.

- Hệ kết cấu mái: Hệ vì kèo, cầu phong, lito gổ.

- Mái lợp lá dừa nước..

7.3. Nhà mát trên sông:

* Kết cấu:

- Móng bêtông cốt thép M300 trên hệ cọc BTDUL 30x30cm. L=11.7m,

- Khung sàn bằng gỗ lủa.

- Hệ kết cấu mái: Hệ vì kèo, cầu phong, lito gổ.

- Mái lợp lá dừa nước..

7.4. Nhà mát trên sông 1, 2:

* Kết cấu:

- Móng bêtông cốt thép M300 trên hệ cọc BTDUL 30x30cm. L=11.7m,

- Khung sàn bằng gỗ lủa.

- Hệ kết cấu mái: Hệ vì kèo, cầu phong, lito gổ.

- Mái lợp lá dừa nước.

7.5. Nhà mát nghỉ chân:

* Kết cấu:

- Móng bêtông cốt thép M300 trên hệ cọc BTDUL BTDUL 15x15cm. L=3m, 9cây/m2.

- Khung sàn bằng gỗ lủa.

- Hệ kết cấu mái: Hệ vì kèo, cầu phong, lito gổ.

- Mái lợp lá dừa nước.

7.6. Nhà trưng bày gỗ:

* Kết cấu:

- Móng bêtông cốt thép M300 trên hệ cọc BTDUL 15x15cm. L=3m, 9cây/m2.

- Khung sàn bằng gỗ lủa.

- Hệ kết cấu mái: Hệ vì kèo, cầu phong, lito gổ.

- Mái lợp lá dừa nước..

7.7. Khu Spa:

* Kết cấu:

- Móng bêtông cốt thép M300 trên hệ cọc BTDUL 15x15cm. L=3m, 9cây/m2.

- Khung sàn bằng gỗ lủa.

- Hệ kết cấu mái: Hệ vì kèo, cầu phong, lito gổ.

- Mái lợp lá dừa nước..

7.8. Bungalow tiêu chuẩn:

* Kết cấu:

- Móng bêtông cốt thép M300 trên hệ cọc BTDUL 15x15cm. L=3m, 9cây/m2.

- Khung sàn bằng gỗ lủa.

- Hệ kết cấu mái: Hệ vì kèo, cầu phong, lito gổ.

- Mái lợp lá dừa nước..

7.9. Bungalow Vip:

* Kết cấu:

- Móng bêtông cốt thép M300 trên hệ cọc BTDUL 15x15cm. L=3m, 9cây/m2.

- Khung sàn bằng gỗ lủa.

- Hệ kết cấu mái: Hệ vì kèo, cầu phong, lito gổ.

- Mái lợp lá dừa nước..

7.10. Nhà hàng:

* Kết cấu:

- Móng bêtông cốt thép M300 trên hệ cọc BTDUL 30x30cm. L=11.7m

- Sàn bằng BTCT đá 1x2 M250.

- Khung, cột bằng gỗ lủa.

- Hệ kết cấu mái: Hệ vì kèo, cầu phong, lito gổ.

- Mái lợp lá dừa nước..

7.11. Khu trung tâm:

* Kết cấu:

- Móng bêtông cốt thép M300 trên hệ cọc BTDUL 15x15cm. L=3m, 9cây/m2.
- Khung sàn bằng BTCT đá 1x2 M250.
- Hệ kết cấu mái: Hệ vì kèo bằng thép hình.
- Xây tường bằng gạch
- Mái lợp ngói.

7.12. Đường giao thông:

* Kết cấu:

- Xoa mặt đường BT
- Mặt đường BTCT dày 10cm, thép fi 8@120.
- Trải tấm nylon
- Móng cấp phối 0x4 dày 30cm
- Trải vải địa kỹ thuật
- Cát nền đầm chặt

7.13. San Lấp:

- Đắp đất đắp đê bao
- Bơm cát san lấp mặt bằng
- Lắp đặt ống nhựa, bịt đầu bằng vải địa.

8. Hình thức đầu tư: Đầu tư xây dựng mới.

9. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng: Thực hiện theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công – dự toán do Công ty TNHH tư vấn khảo sát thiết kế Việt Phát lập.

10. Tác động môi trường: Thực hiện đúng theo các quy định hiện hành.

11. Phương án xây dựng: Thực hiện theo hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công – dự toán do Công ty TNHH tư vấn khảo sát thiết kế Việt Phát lập.

12. Tổng mức đầu tư: **237.058.148.000 đồng.** (*Bằng chữ: Hai trăm ba mươi bảy tỷ, không trăm năm tám triệu, một trăm bốn mươi tám nghìn đồng*

- Chi phí xây dựng	:	215.768.766.000	đồng
- Chi phí quản lý dự án	:	3.885.995.476	đồng
- Chi phí tư vấn ĐTXD	:	4.053.195.234	đồng
- Chi phí khác	:	2.059.593.031	đồng

- Chi phí dự phòng : 11.290.598.111 đồng

13. Nguồn vốn đầu tư: Vốn Doanh nghiệp và vốn vay Ngân hàng.

14. Hình thức quản lý – điều hành dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý và điều hành dự án.

15. Thời gian thực hiện: Năm 2021.

16. Phương thức tổ chức thực hiện đầu tư: Theo quy định hiện hành.

17. Tổ chức tư vấn lập thiết kế cơ sở: Công ty TNHH tư vấn khảo sát thiết kế Việt Phát lập.

18. Điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức tư vấn, năng lực hành nghề của cá nhân lập dự án: Phù hợp theo quy định.

19. Chủ nhiệm lập báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: KTS. Võ Hoàng Vũ.

20. Đánh giá tổng thể về hiệu quả kinh tế - xã hội:

- Cụ thể hóa các định hướng phát triển du lịch khu vực huyện Chợ Mới nói riêng và đóng góp vào hệ thống các khu du lịch tỉnh An Giang nói chung.

- Xác định chức năng sử dụng đất, các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật, tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan đảm bảo hài hòa với cảnh quan tự nhiên và các công trình kiến trúc hiện hữu xung quanh.

Điều 2. Chủ đầu tư có trách nhiệm triển khai thực hiện lập thiết kế bản vẽ thi công theo nội dung dự án đầu tư (thiết kế cơ sở) xây dựng công trình quy định tại Điều 1 của Quyết định này; đồng thời tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước về Quản lý Đầu tư xây dựng, Luật đấu thầu và các văn bản khác có liên quan.

Điều 3. Văn phòng Công ty TNHH Một thành viên Dương Khang các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Ban Giám đốc;
- Lưu: ĐT, VT.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Lợt

ỦY BAN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Chợ Mới, ngày 11 tháng 01 năm 2022

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: 04 /GPXD

1. Cấp cho Công ty TNHH MTV Dương Khang.

- Địa chỉ: ấp Long Hòa 1, xã Long Điền A, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

2. Được phép xây dựng công trình: Dân dụng dự án Khu Du lịch Sinh thái kết hợp sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao-The Lugar An Giang Resort And Spa.

- Theo bản vẽ xin phép xây dựng.

- Do Công ty TNHH Tư vấn khảo sát thiết kế Việt Phát lập.

- Đơn vị thẩm tra, thẩm định thiết kế bản vẽ thi công – dự toán dự án: Công ty TNHH TV XD Thành Văn tại Báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ thiết kế số 03/BCTT-TTTK ngày 16/12/2021; Công ty TNHH MTV Dương Khang thẩm định và phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công – dự toán dự án tại Quyết định số 56/QĐ-DK ngày 28/12/2021.

- Vị trí xây dựng: theo bản đồ trích do địa chính do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh An Giang lập ngày 16/9/2021, tổng diện tích khu đất là 56.033,0 m^2 tại xã Tấn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Gồm các nội dung sau đây:

2.1. Nhà ngắm trên cây 1:

- Cost ±0.000 nền xây dựng = + 4,520m hệ cao độ Quốc gia.

- DTXD: 57,5 m^2.

- Tổng diện tích sàn: 57,5 m^2.

- Chiều cao công trình: +7,30m; số tầng: 01.

2.2. Nhà ngắm trên cây 2:

- Cost ±0.000 nền xây dựng = + 4,520m hệ cao độ Quốc gia.

- DTXD: 70,2 m^2.

- Tổng diện tích sàn: 70,2 m^2.

- Chiều cao công trình: +7,30m; số tầng: 01.

2.3. Nhà ngắm trên cây 3:

- Cost ±0.000 nền xây dựng = 4,520m hệ cao độ Quốc gia.

- DTXD: 130,0 m^2.
- Tổng diện tích sàn: 130,0 m^2
- Chiều cao công trình: +7,30m; số tầng: 01.

2.4. Nhà ngắm trên cây 4:

- Cost ±0.000 nền xây dựng = 4,520m hệ cao độ Quốc gia.
- DTXD: 14,0 m^2.
- Tổng diện tích sàn: 28,0 m^2.
- Chiều cao công trình: +7,15m; số tầng: 02.

2.5. Nhà ngắm trên cây 5:

- Cost ±0.000 nền xây dựng = 4,520m hệ cao độ Quốc gia.
- DTXD: 24,0 m^2.
- Tổng diện tích sàn: 48,0 m^2.
- Chiều cao công trình: +8,10m; số tầng: 02.

2.6. Nhà ngắm trên cây 6:

- Cost ±0.000 nền xây dựng = 4,520m hệ cao độ Quốc gia.
- DTXD: 16,0 m^2.
- Tổng diện tích sàn: 32,0 m^2.
- Chiều cao công trình: +7,85m; số tầng: 02.

2.7. Nhà ngắm trên cây 7:

- Cost ±0.000 nền xây dựng = 4,520m hệ cao độ Quốc gia.
- DTXD: 22,1 m^2.
- Tổng diện tích sàn: 22,1 m^2.
- Chiều cao công trình: +6,55m; số tầng: 01.

2.8. Nhà ngắm trên cây 8:

- Cost ±0.000 nền xây dựng = 4,520m hệ cao độ Quốc gia.
- DTXD: 27,0 m^2.
- Tổng diện tích sàn: 27,0 m^2.
- Chiều cao công trình: +8,35m; số tầng: 01.

2.9. Nhà ngắm trên cây 9:

- Cost ±0.000 nền xây dựng = 4,520m hệ cao độ Quốc gia.
- DTXD: 13,0 m^2.
- Tổng diện tích sàn: 13,0 m^2.

- Chiều cao công trình: +5,65m; số tầng: 01.

2.10. Nhà ngắm trên cây 10:

- Cost ±0.000 nền xây dựng = 4,520m hệ cao độ Quốc gia.
- DTXD: 16,0 m^2.
- Tổng diện tích sàn: 48,0 m^2. (SL: 03 cái)
- Chiều cao công trình: +7,05m; số tầng: 01.

2.11. Nhà ngắm trên cây 11:

- Cost ±0.000 nền xây dựng = 4,520m hệ cao độ Quốc gia.
- DTXD: 19,4 m^2.
- Tổng diện tích sàn: 19,4 m^2.
- Chiều cao công trình: +6,10m; số tầng: 01.

2.12. Nhà mát trên sông:

- Cost ±0.000 nền xây dựng = 4,520m hệ cao độ Quốc gia.
- DTXD: 12,2 m^2.
- Tổng diện tích sàn: 24,4 m^2. (SL: 02 cái)
- Chiều cao công trình: +6,5m; số tầng: 01.

2.13. Nhà mát trên cây 1:

- Cost ±0.000 nền xây dựng = 4,520m hệ cao độ Quốc gia.
- DTXD: 41,0 m^2.
- Tổng diện tích sàn: 41,0 m^2.
- Chiều cao công trình: +9,20m; số tầng: 01.

2.14. Nhà mát trên cây 2:

- Cost ±0.000 nền xây dựng = 4,520m hệ cao độ Quốc gia.
- DTXD: 106,0 m^2.
- Tổng diện tích sàn: 106,0 m^2.
- Chiều cao công trình: +8,68m; số tầng: 01.

2.15. Nhà mát nghỉ chân:

- Cost ±0.000 nền xây dựng = 4,520m hệ cao độ Quốc gia.
- DTXD: 8,0 m^2.
- Tổng diện tích sàn: 184,0 m^2. (SL: 23 cái)
- Chiều cao công trình: +3,00m; số tầng: 01.

2.16. Nhà chưng bày gỗ:

- Cost ±0.000 nền xây dựng = 4,520m hệ cao độ Quốc gia.
- DTXD: 343,0 m^2.
- Tổng diện tích sàn: 343,0 m^2.
- Chiều cao công trình: +6,45m; số tầng: 01.

2.17. Khu spa:

- Cost ±0.000 nền xây dựng = 4,520m hệ cao độ Quốc gia.
- DTXD: 56,0 m^2.
- Tổng diện tích sàn: 336,0 m^2. (SL: 06 cái)
- Chiều cao công trình: +6,10m; số tầng: 01.

2.18. Bulgalow standard:

- Cost ±0.000 nền xây dựng = 4,520m hệ cao độ Quốc gia.
- DTXD: 75,0 m^2.
- Tổng diện tích sàn: 1.200,0 m^2. (SL: 16 cái)
- Chiều cao công trình: +6,60m; số tầng: 01.

2.19. Bulgalow Vip:

- Cost ±0.000 nền xây dựng = 4,520m hệ cao độ Quốc gia.
- DTXD: 104,0 m^2.
- Tổng diện tích sàn: 3.952,0 m^2. (SL: 38 cái)
- Chiều cao công trình: +6,60m; số tầng: 01.

2.20. Nhà hàng:

- Cost ±0.000 nền xây dựng = 4,520m hệ cao độ Quốc gia.
- DTXD: 647,0 m^2.
- Tổng diện tích sàn: 647,0 m^2.
- Chiều cao công trình: +8,20m; số tầng: 01.

2.21. Khu trung tâm:

- Cost ±0.000 nền xây dựng = 4,520m hệ cao độ Quốc gia.
- DTXD (trục 1-11): 367,0 m^2; trục (12-20): 899,0 m^2.
- Tổng diện tích sàn: 1.266,0 m^2.
- Chiều cao công trình: +8,00m; số tầng: 01.

2.22. Hệ thống giao thông:

- Diện tích xây dựng: 5.670,90m^2.
- Cao trình thiết kế tim đường: +4,520m hệ cao độ Quốc gia.

- Độ dốc ngang mặt đường: 2%.

- Mặt đường bê tông xi măng M300, đá 1x2, trãi tấm Nylon chống mất nước bêtông, móng đường bằng cấp phối đá dăm 0x4 loại 1, dày 30cm, trải vải địa kỹ thuật nền đường.

- Giao thông đi bộ cho khách tham quan du lịch có độ rộng đường từ 6-15m.

2.23. San lấp:

- Diện tích xây dựng: 57.338,35 m^2.

- Cao trình san lấp: +4,520m (so với hệ cao độ Quốc gia).

3. Giấy tờ về quyền sử dụng đất:

- Sở Tài nguyên và Môi trường An Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CT23453 ngày 10/12/2021.

- Sở Tài nguyên và Môi trường An Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CT23452 ngày 10/12/2021.

- Sở Tài nguyên và Môi trường An Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CT23451 ngày 10/12/2021.

- Sở Tài nguyên và Môi trường An Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CT23450 ngày 10/12/2021.

- Sở Tài nguyên và Môi trường An Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CT23449 ngày 10/12/2021.

- Sở Tài nguyên và Môi trường An Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CT23448 ngày 10/12/2021.

- Sở Tài nguyên và Môi trường An Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CT23447 ngày 10/12/2021.

- Sở Tài nguyên và Môi trường An Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CT23446 ngày 10/12/2021.

- Sở Tài nguyên và Môi trường An Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CT23445 ngày 10/12/2021.

- Sở Tài nguyên và Môi trường An Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CT23444 ngày 10/12/2021.

- Sở Tài nguyên và Môi trường An Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CT23443 ngày 10/12/2021.

- Sở Tài nguyên và Môi trường An Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CT23442 ngày 10/12/2021.

- Sở Tài nguyên và Môi trường An Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CT23441 ngày 10/12/2021.

- Sở Tài nguyên và Môi trường An Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CT23440 ngày 10/12/2021.

- Sở Tài nguyên và Môi trường An Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CT23439 ngày 10/12/2021.

- Sở Tài nguyên và Môi trường An Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CT23438 ngày 10/12/2021.

- Sở Tài nguyên và Môi trường An Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CT23437 ngày 10/12/2021.

- Sở Tài nguyên và Môi trường An Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CT23436 ngày 10/12/2021.

4. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng./.

Nơi nhận:
- Công ty TNHH MTV Dương Khang;
- P.KT-HT;
- Lưu: VT.

KT. **CHỦ TỊCH**
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI T. AN GIANG

Đoàn Thanh Lộc

TRUNG TÂM KỸ THUẬT
TC ĐL CL CẦN THƠ

BIÊN BẢN QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Số :...1076.....
Trang :...1/1...

1. Nơi Y/C lấy mẫu, thử nghiệm: **CÔNG TY TNHH MTV BÁCH PHÚC KHANG**
2. Địa chỉ: Số 573, ấp Nhơn An, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang
3. Mục đích lấy mẫu: ☑ YC khách hàng; ☐ Chương trình GS
4. Phương pháp lấy mẫu và bảo quản: Hướng dẫn quan trắc 5.7
5. Chỉ tiêu, phương pháp thử nghiệm: Xem phiếu YCTN số: ...1076.....
6. Thời gian và địa điểm lấy mẫu: Từ ..10...h...30.. đến ..10....h...45.. ngày ..30.../...06.../2023 tại Khu du lịch sinh thái kết hợp sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao The Lugar An Giang Resort and Spa – giai đoạn 1 - Ấp Tấn Long, xã Tấn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.
7. Thiết bị quan trắc: ☐ Máy ồn Rion NL21, 42, ☐ Máy thu bụi HI-Q, ☐ Máy thu mẫu khí SKC, ☐ Máy Extech SD700, ☐ Testo 340, 350, ☐ Tecora G4, ☐ GPS Garmin, Máy đo HandyLap ☐ 100 ☐ 200, ☐ Máy đo DO-HQ40D, ☐ Máy đo độ đục, ☐ Máy đo độ rung, ☐ Thiết bị đo lưu tốc, ☑ Dụng cụ thu mẫu nước, ☐ Dụng cụ thu mẫu đất, ☐ TB khác .....
8. Điều kiện lấy mẫu: + Đặc điểm thời tiết: Trời nắng ☑; Trời mưa ☐; Nước lớn ☐; Nước ròng ☐; Đặc điểm khác: .....
+ Điều kiện sản xuất: Hoạt động bình thường ☑; Ngừng hoạt động ☐; Điều kiện khác:.....

STT	Tên mẫu/Kí hiệu	Vị trí thu mẫu	Tọa độ địa lý	Độ ồn	Vận tốc nước	H (m)	D (m)	Áp suất	Nhiệt độ	Độ ẩm	Độ rung	TDS	pH	DO	Độ đục	EC	Độ mặn	ORP	Ánh sáng	Tốc độ gió
1	Nước thải 3733	Nước thải sau xử lý của HTXLNT	0581267 1165435						28,0 28,0 28,0			80 86 89	6,89 6,89 6,89							
2																				
3																				
	.....	....	....																	

9. Lưu lượng, thời gian thu mẫu: ☐ *SO_2: 1L/p; 30 phút;* ☐ *NO_2: 0,5L/p; 30 phút;* ☐ *NH_3: 0,5L/p; 30 phút;* ☐ *H_2S: 1L/p; 40 phút;* ☐ *HF: 1L/p; 20 phút;* ☐ *VOC,C_nH_m: 0,2L/p; 25 phút;* ☐ *Cl_2: 1L/p; 30 phút;;* ☐ Bụi chì: 100L/p; 20 phút; ☐ *CH_3SH, Napthalene*: 0,2L/p; 50 phút; ☐ *H_2SO_4, H_3PO_4: 1,5L/p; 20 phút;* ☐ *HCl, HBr, HNO_3:2L/p; 20 phút;* ☐ *Xyanua: 1L/p; 2 giờ;* ☐ *Acetaldehyde: 0,05L/p; 20 phút;* ☐ *Cloroform: 0,2L/p; 20 phút;* ☐ *Asen: 2L/p; 4 giờ;* ☐ *Thủy ngân: 0,2L/p; 20 phút;* ☐ *Kim loại: 2L/p;20 phút:* ☐ *Phenol: 0,1L/p; 20 phút;* ☐ *O_3:3L/p;30p*

	Quan trắc viên	Trưởng nhóm quan trắc	Đại diện cơ sở	.....	.....
Chữ ký	.....	.....	.....	.....	.....
Họ và tên	.....	.....	Nguyễn Văn Tâm	.....	.....
Chức vụ:	.....	Trần Nguyễn Gia Bảo	.....	.....	.....

TRUNG TÂM KỸ THUẬT
TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
CANTHO TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY

Địa chỉ: 45 đường 3/2 - TP. Cần Thơ
Add: No 45 - 3/2 Street Cantho City
Tel: 0292.3830353 - Fax: 0292.3833976
Email: catech@cantho.gov.vn
Website: catech.vn

Số:3733/MT/1076/0623

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT
(Phòng thử nghiệm được chỉ định)[1]

Ngày: 14/07/2023
Trang: 1/2

1. Tên mẫu và ký hiệu : Nước thải (nước thải sau xử lý của HTXLNT)
Tọa độ: 0581267/1165435
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu (khoảng 2,2 lít)
3. Ngày nhận mẫu : 30/06/2023
4. Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh
5. Ngày thử nghiệm : Từ 30/06/2023 đến 12/07/2023
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : **CÔNG TY TNHH MTV BÁCH PHÚC KHANG**
Số 573, ấp Nhơn An, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang
7. Lưu mẫu : Không ☑ Có ☐ Đến ngày: .....
8. Lấy mẫu,TN tại hiện trường : Xem Biên bản quan trắc môi trường số 1076
   - Lấy mẫu theo: Hướng dẫn quan trắc 5.7
   - Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
   - Thời gian và địa điểm: Từ 10h30 - 10h45 ngày 30/06/2023 tại Khu du lịch sinh thái kết hợp sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao The Lugar An Giang Resort and Spa – giai đoạn 1 - Ấp Tấn Long, xã Tấn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.
9. Kết quả thử nghiệm :

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
1	pH	-	TCVN 6492:2011	6,89 (tại 28,0°C)
2	Hàm lượng BOD_5 (ở 20°C)	mg/L	SMEWW 5210D:2017	13
3	Hàm lượng tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	SMEWW 2540D:2017	39,00
4	Hàm lượng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	HD 5.6-QT-56	85
5	Hàm lượng Sunfua (tính theo H_2S)	mg/L	SMEWW 4500-S^{2-}.B&D:2017	KPH (MDL = 0,23)
6	Hàm lượng Amoni (NH_4^+) (tính theo N)	mg/L	TCVN 5988:1995	KPH (MDL = 0,70)
7	Hàm lượng Nitrat (NO_3^-) (tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-NO_3^-.E:2017	0,67
8	Hàm lượng Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	1,60

Ghi chú: [1] được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định theo Quyết định số 2376/QĐ-BTNMT ngày 26 tháng 10 năm 2020 (Vimcerts 019); - KPH: không phát hiện; - MDL: giới hạn phát hiện; - Xem tiếp KQTN trang 2/2.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HÓA SINH

Phạm Văn Tú

KT **GIÁM ĐỐC**
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

Nguyễn Khánh Ngọc

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gởi đến.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Tên mẫu, nơi gởi được ghi theo yêu cầu của khách hàng
Name of sample and client are reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.

TRUNG TÂM KỸ THUẬT
TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
CANTHO TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY

Địa chỉ: 45 đường 3/2 - TP. Cần Thơ
Add: No 45 - 3/2 Street Cantho City
Tel: 0292.3830353 - Fax: 0292.3833976
Email: catech@cantho.gov.vn
Website: catech.vn

Số:3733/MT/1076/0623

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT
(Phòng thử nghiệm được chỉ định)(1)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6622-1:2009	0,08
10	Hàm lượng Phosphat (PO_4^{3-}) (tính theo P)	mg/L	SMEWW 4500-P.E:2017	0,10
11	Tổng Coliforms	MPN/100mL	TCVN 6187-2:1996	$1,5 \times 10^3$

CATECH

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gởi đến.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Tên mẫu, nơi gởi được ghi theo yêu cầu của khách hàng
Name of sample and client are reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.

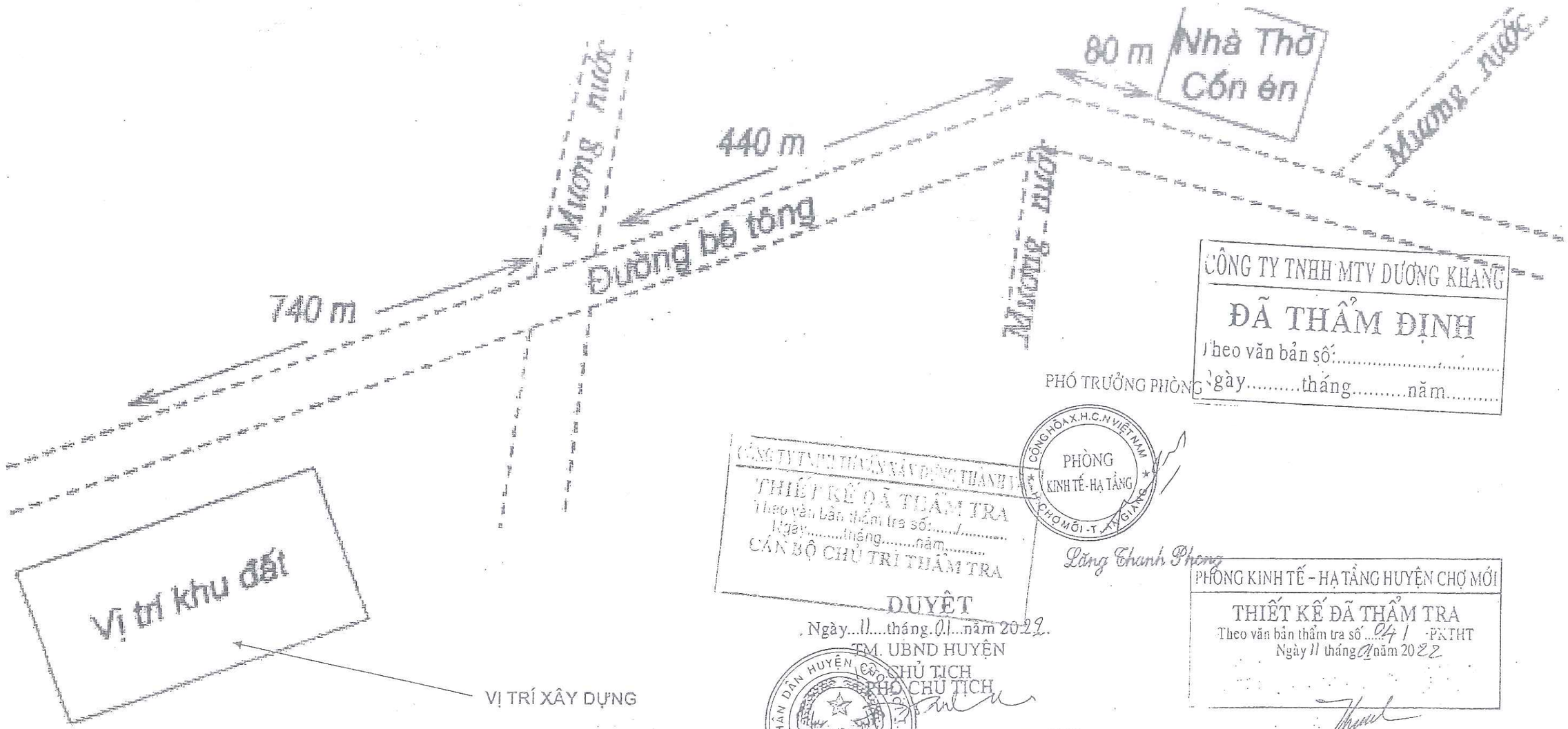

CÔNG TY TNHH MTV DƯƠNG KHANG
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:.....
Ngày.....tháng.....năm.....

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

CÔNG TY TNHH THẨM TRA XÂY DỰNG THÀNH TÍN
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số:...../.....
Ngày.....tháng.....năm.....
CÁN BỘ CHỦ TRÌ THẨM TRA

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
PHÒNG KINH TẾ-HẠ TẦNG
CHỢ MỚI - T. AN GIANG

Lăng Thanh Phong

PHÒNG KINH TẾ – HẠ TẦNG HUYỆN CHỢ MỚI
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số ...04 / -PKTHT
Ngày 11 tháng 01 năm 2022

Phạm Thị Hồng Tuyến

DUYỆT
Ngày...11...tháng.01...năm 2022.
TM. UBND HUYỆN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI T. AN GIANG

Đoàn Thanh Lộc

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KHẢO SÁT THIẾT KẾ VIỆT PHÁT DỰ ÁN: KHU DU LỊCH SINH THÁI KẾT HỢP SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO - THE LUGAR AN GIANG RESORT AND SPA ĐỊA CHỈ: XÃ TÂN MỸ - H. CHỢ MỚI - T. AN GIANG	CHỦ TRÌ	THIẾT KẾ	GĐT CÔNG TY TNHH MTV DƯƠNG KHANG	HẠNG MỤC:	BẢN VẼ THIẾT KẾ KỸ THUẬT THI CÔNG	BẢN VẼ
	KS. VÕ THANH THIỆN	KTS. VÕ HOÀNG VŨ	KS. TRẦN PHÚ QUỐC	TÊN BẢN VẼ: HỌA ĐỒ VỊ TRÍ	HOÀN THÀNH: ...../..../2021	

QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500

KHU DU LỊCH SINH THÁI KẾT HỢP SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO

THE LUGAR AN GIANG RESORT AND SPA

BẢN ĐỒ MẶT BẰNG TỔNG THỂ

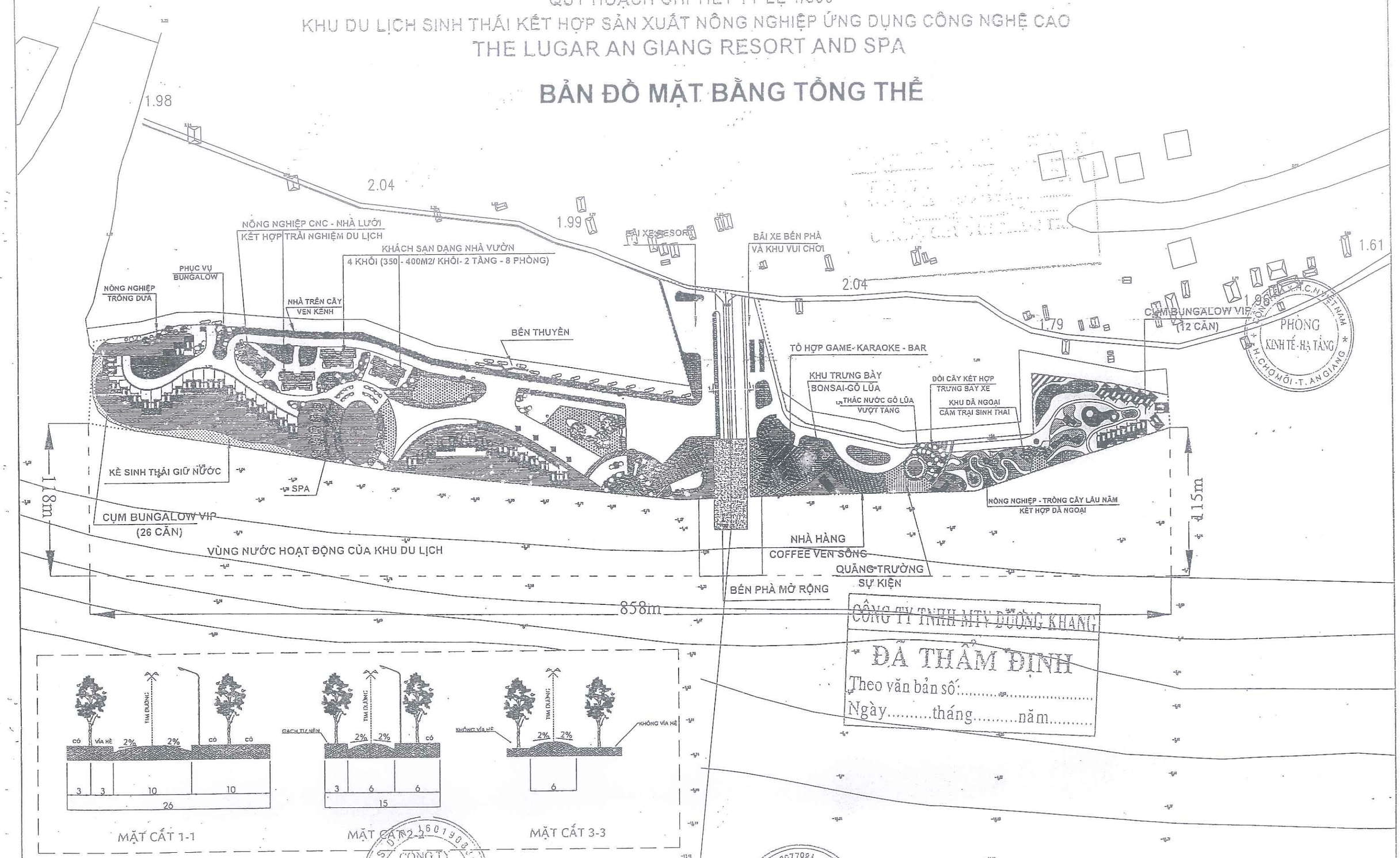

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KHẢO SÁT THIẾT KẾ VIỆT PHÁT	GIÁM ĐỐC	CHỦ TRÌ	THIẾT KẾ	CĐT: CTY TNHH MTV DƯƠNG KHANG GIÁM ĐỐC	HẠNG MỤC:	BẢN VẼ THIẾT KẾ CƠ SỞ	BẢN VẼ
DỰ ÁN: KHU DU LỊCH SINH THÁI KẾT HỢP SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO - THE LUGAR AN GIANG RESORT AND SPA ĐỊA CHỈ: XÃ TẤN MỸ - H. CHỢ MỚI - T. AN GIANG	KTS. VÕ THÀNH TIỀN	KTS. VÕ HOÀNG VŨ		NGUYỄN VĂN LỢI	TÊN BẢN VẼ: BẢN ĐỒ MẶT BẰNG TỔNG THỂ	HOÀN THÀNH: ...../..../2021	

QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500

KHU DU LỊCH SINH THÁI KẾT HỢP SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO

THE LUGAR AN GIANG RESORT AND SPA

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH GIAO THÔNG

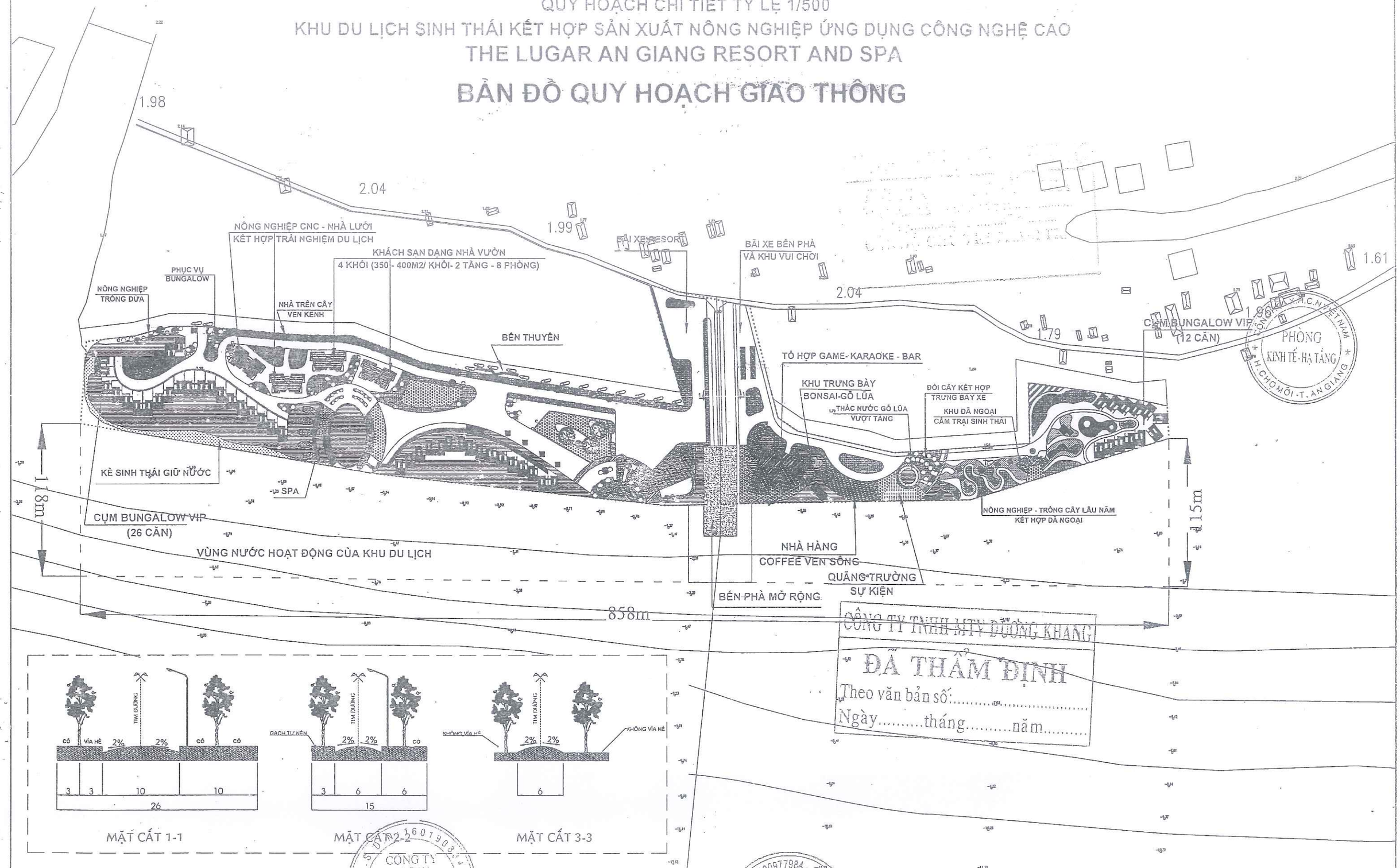

CÔNG TY TNHH MTV DƯƠNG KHANG

ĐÃ THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:.....

Ngày.....tháng.....năm.....

PHÒNG KINH TẾ - HẠ TẦNG H. CHỢ MỚI - T. AN GIANG

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KHẢO SÁT THIẾT KẾ VIỆT PHÁT DỰ ÁN: KHU DU LỊCH SINH THÁI KẾT HỢP SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO - THE LUGAR AN GIANG RESORT AND SPA ĐỊA CHỈ: XÃ TẤN MỸ - H. CHỢ MỚI - T. AN GIANG	GIÁM ĐỐC KS. VÕ THANH THIỆN	CHỦ TRÌ KTS. VÕ HOÀNG VŨ	THIẾT KẾ KS. TRẦN PHÚ QUỐC	CĐT: CTY TNHH MTV DƯƠNG KHANG GIÁM ĐỐC NGUYỄN VĂN LỰT	HẠNG MỤC: TÊN BẢN VẼ: BẢN ĐỒ BỐ TRÍ GIAO THÔNG	BẢN VẼ THIẾT KẾ CƠ SỞ HOÀN THÀNH: ...../..../2021	BẢN VẼ

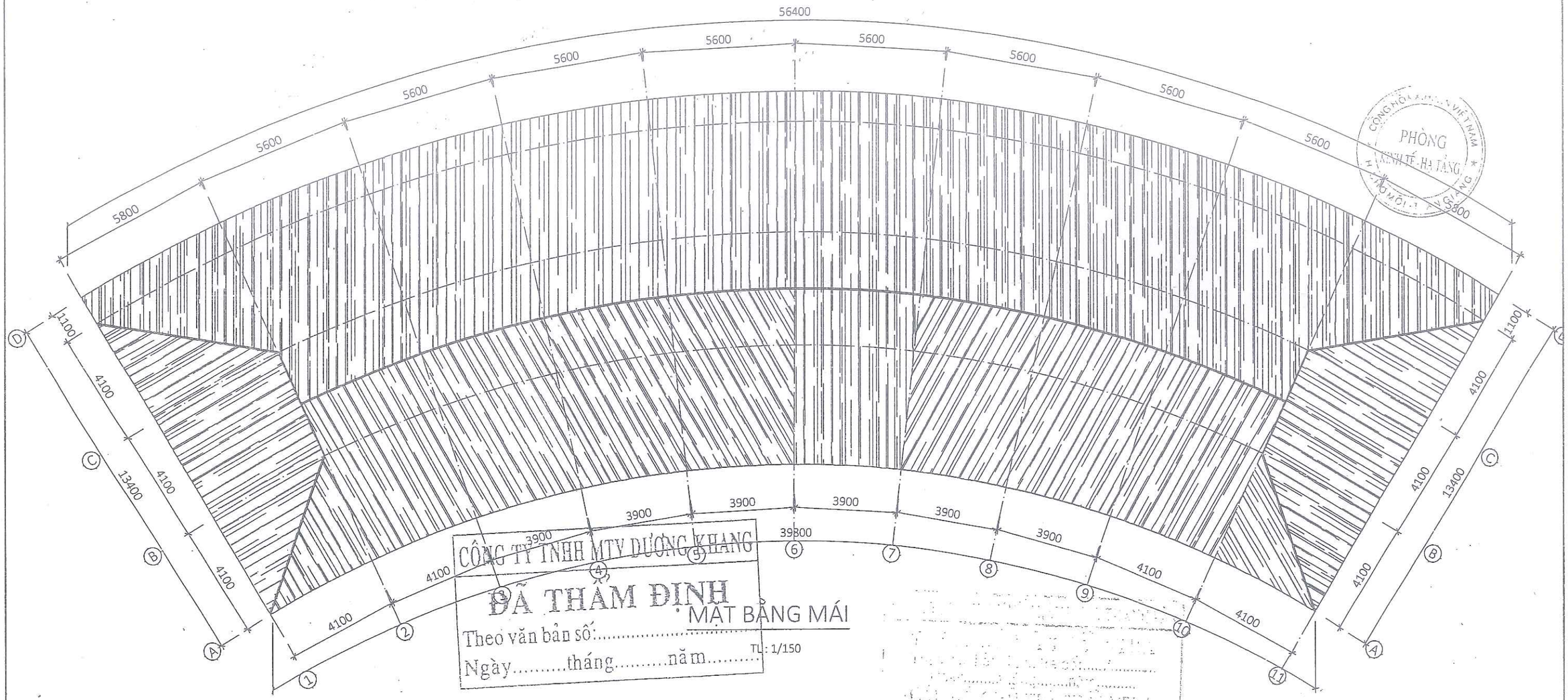

CÔNG TY TNHH MTV DƯƠNG KHANG
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:.....
Ngày.....tháng.....năm.....

MẶT BẰNG MÁI

TL: 1/150

S SÀN
- NỀN LÁT GẠCH CERAMIC 600X600
- LÁNG VỮA XM M.75, D.30
- NỀN BTCT (XEM BVKC)

M MÁI
- MÁI LỢP LÁ DỪA NƯỚC
- XÀ GỒ GỖ 50x100
- KÈO GỖ 60x120

COS: ± 0.00 = 4.520 (CĐQG)

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KHẢO SÁT THIẾT KẾ VIỆT PHÁT	GIÁM ĐỐC	CHỦ TRÌ	THIẾT KẾ	CGĐ CTY TNHH MTV DƯƠNG KHANG GIÁM ĐỐC	HẠNG MỤC: NHÀ HÀNG	BẢN VẼ THIẾT KẾ KỸ THUẬT THI CÔNG	BẢN VẼ
DỰ ÁN: KHU DU LỊCH SINH THÁI KẾT HỢP SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO - THE LUGAR AN GIANG RESORT AND SPA	KS. VÕ THANH THIỆN	KTS. VÕ HOÀNG VŨ	KS. TRẦN PHÚ QUỐI	NGUYỄN VĂN LỢT	TÊN BẢN VẼ: - MẶT BẰNG MÁI	HOÀN THÀNH: ...../..../2021	02 / 10
ĐỊA CHỈ: XÃ TẤN MỸ - H. CHỢ MỚI - T. AN GIANG							

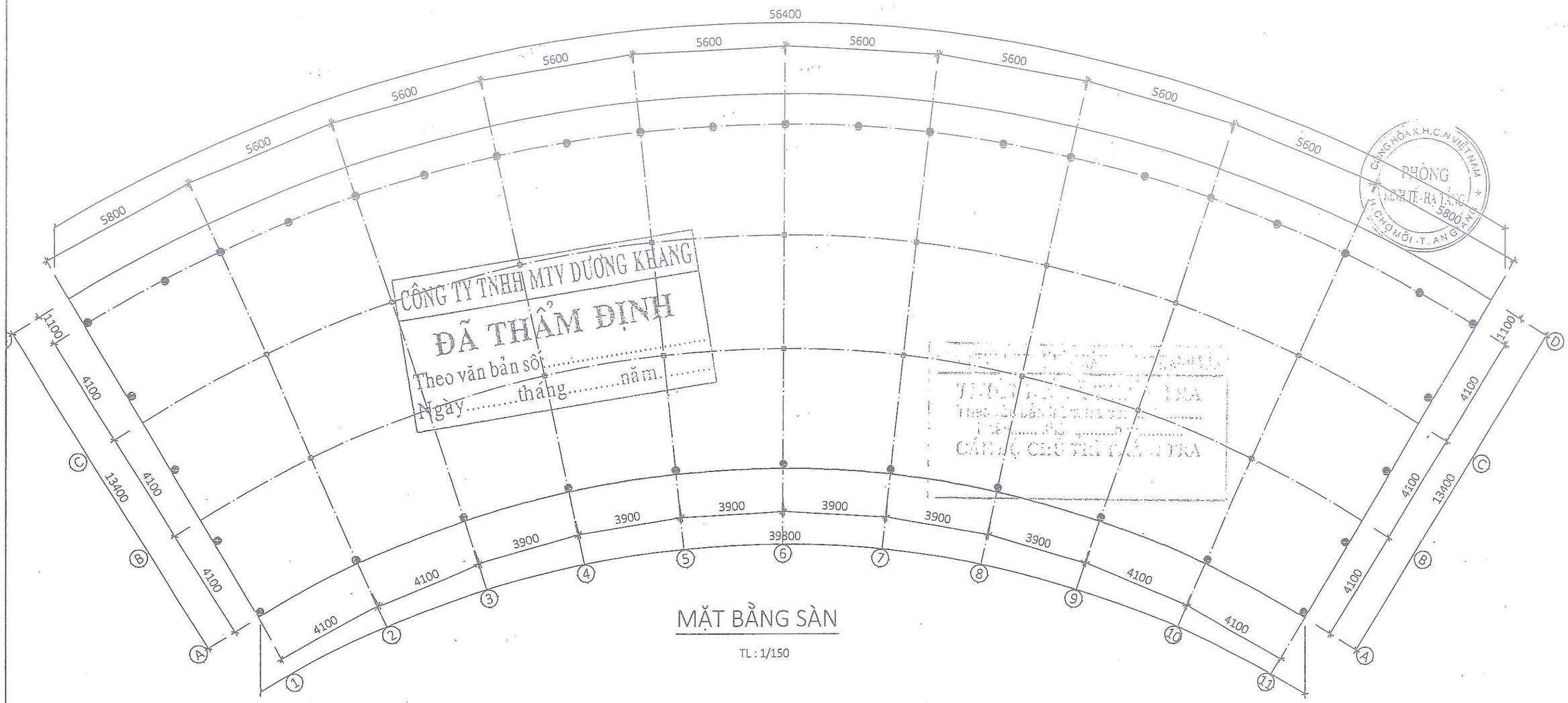

CÔNG TY TNHH MTV DƯƠNG KHANG
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số.....
Ngày.....tháng.....năm.....

CÔNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
PHÒNG KINH TẾ - HẠ TẦNG
H. CHỢ MỚI - T. AN GIANG

MẶT BẰNG SÀN

TL : 1/150

S SÀN
- NỀN LÁT GẠCH CERAMIC 600X600
- LÁNG VỮA XM M.75, D.30
- NỀN BTCT (XEM BVKC)

M MÁI
- MÁI LỢP LÁ DỪA NƯỚC
- XÀ GỒ GỖ 50x100
- KÈO GỖ 60x120

COS: ± 0.00 = 4.520 (CĐQG)

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KHẢO SÁT THIẾT KẾ VIỆT PHÁT	GIÁM ĐỐC	CHỦ TRÌ	THIẾT KẾ	CDT: CTY TNHH MTV DƯƠNG KHANG	HẠNG MỤC: NHÀ HÀNG	BẢN VẼ THIẾT KẾ KỸ THUẬT THI CÔNG	BẢN VẼ
DỰ ÁN: KHU DU LỊCH SINH THÁI KẾT HỢP SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO - THE LUGAR AN GIANG RESORT AND SPA				GIÁM ĐỐC	TÊN BẢN VẼ: - MẶT BẰNG SÀN		01
ĐỊA CHỈ: XÃ TẤN MỸ - H. CHỢ MỚI - T. AN GIANG	KS. VÕ THANH THIỆN	KTS. VÕ HOÀNG VŨ	KS. TRẦN PHÚ QUỐI	NGUYỄN VĂN LỢT		HOÀN THÀNH: ...../..../2021	10

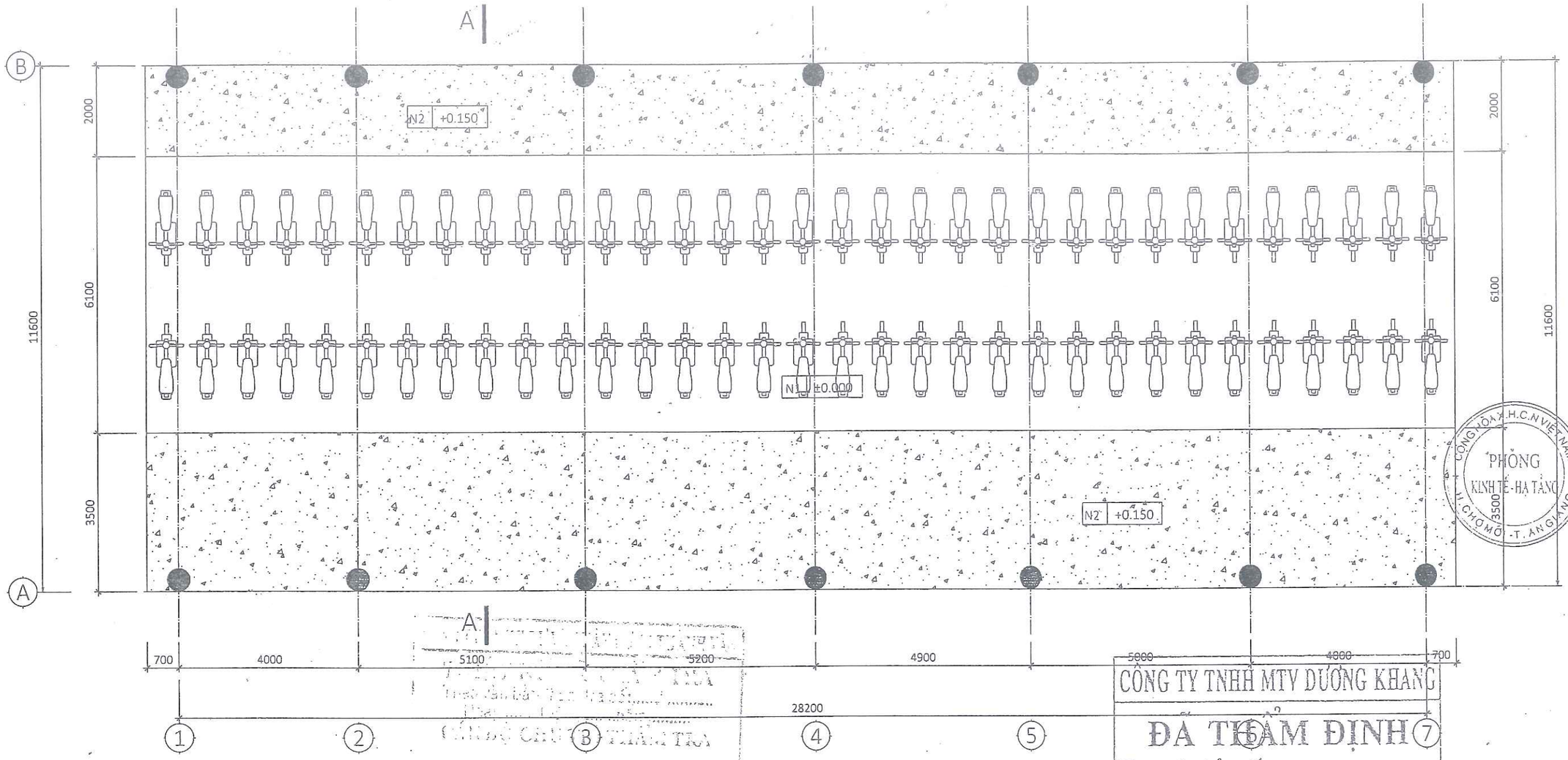

MẶT BẰNG TRỆT

TL : 1/100

CÔNG TY TNHH MTV DƯƠNG KHANG

ĐÃ THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:.....

Ngày.....tháng.....năm.....

COS: ± 0.00 = 4.520 (CĐQG)

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KHẢO SÁT THIẾT KẾ VIỆT PHÁT	GIÁM ĐỐC	CHỦ TRÌ	THIẾT KẾ	CĐT: CTY TNHH MTV DƯƠNG KHANG	HẠNG MỤC: NHÀ TRƯNG BÀY GỖ	BẢN VẼ THIẾT KẾ KỸ THUẬT THI CÔNG	BẢN VẼ
DỰ ÁN: KHU DU LỊCH SINH THÁI KẾT HỢP SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO - THE LUGAR AN GIANG RESORT AND SPA				GIÁM ĐỐC	TÊN BẢN VẼ: - MẶT BẰNG TRỆT		01
ĐỊA CHỈ: XÃ TẤN MỸ - H. CHỢ MỚI - T. AN GIANG	KS. VÕ THANH THIỆN	KTS. VÕ HOÀNG VŨ	KS. TRẦN PHÚ QUỐI	NGUYỄN VĂN LỰT		HOÀN THÀNH: ...../..../2021	08

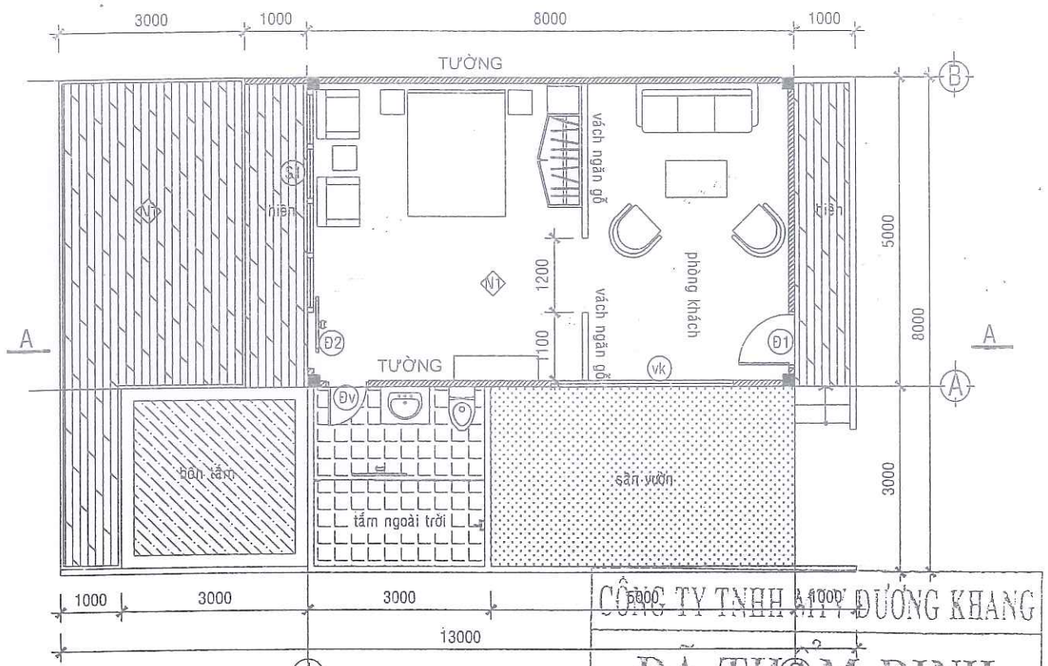

MẶT BẰNG TRỆT TL: 1/100

PHÒNG VIP

CÔNG TY TNHH MTV DƯƠNG KHANG

ĐÃ THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:.....

Ngày.....tháng.....năm.....

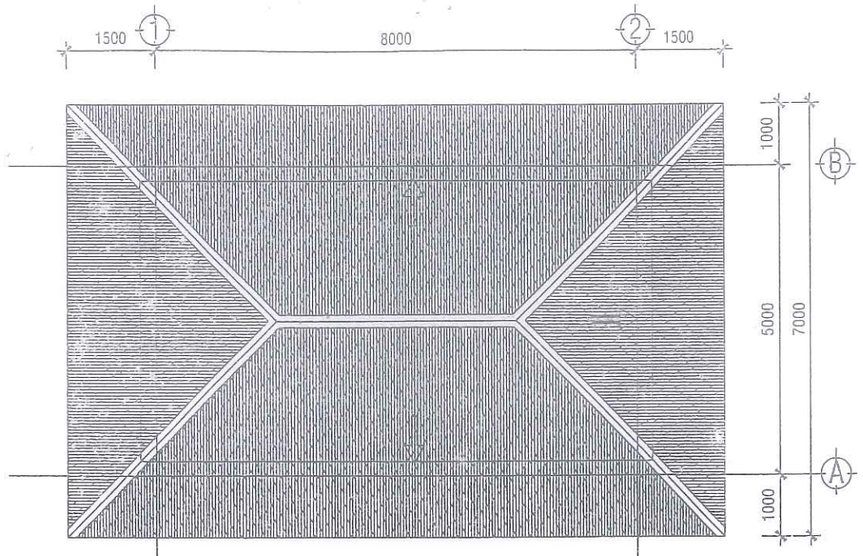

MẶT BẰNG MÁI TL: 1/100

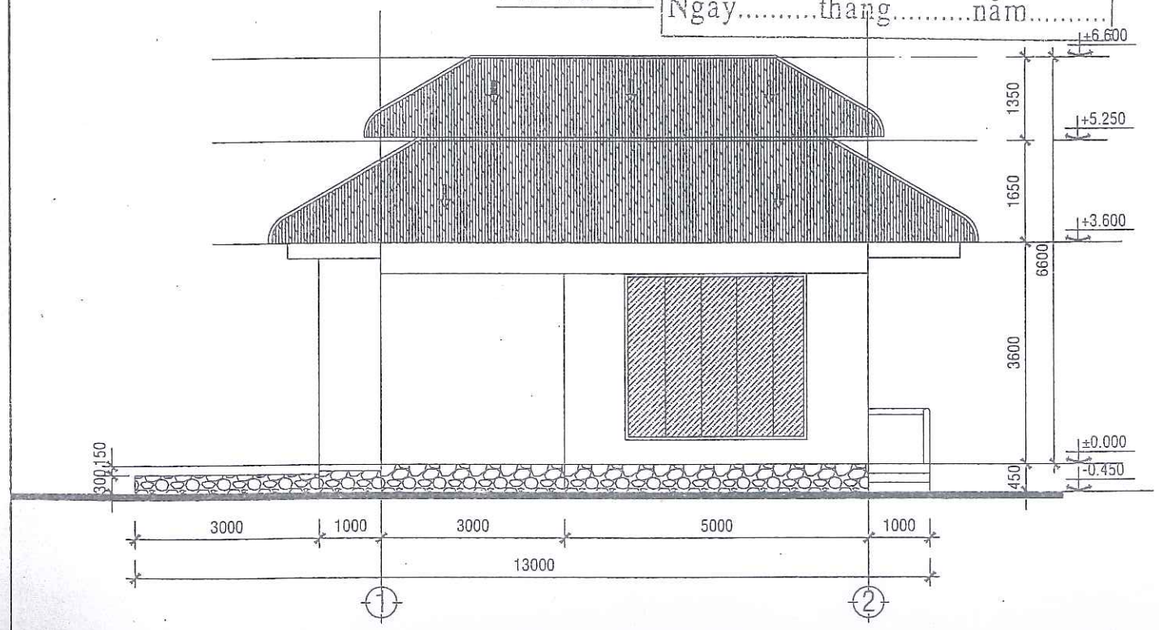

MẶT ĐỨNG CHÍNH TL: 1/100

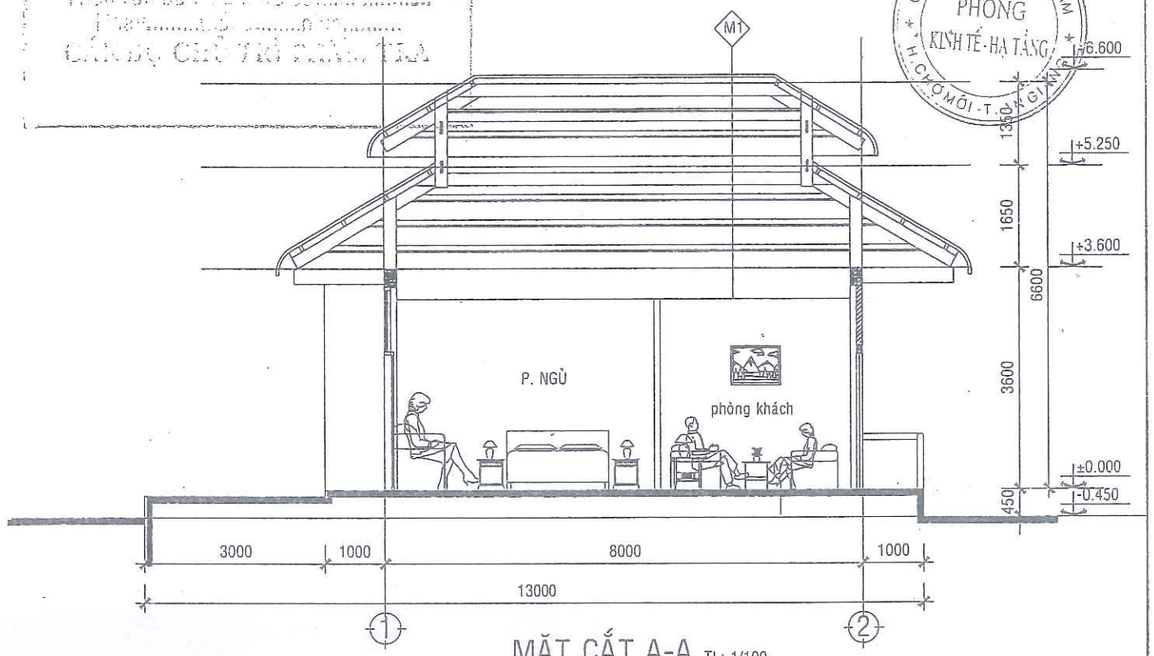

MẶT CẮT A-A TL: 1/100

CÔNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
PHÒNG KINH TẾ - HẠ TẦNG
H. CHỢ MỚI - T. AN GIANG

COS: ± 0.00 = 4.520 (CĐQG)

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KHẢO SÁT THIẾT KẾ VIỆT PHÁT DỰ ÁN: KHU DU LỊCH SINH THÁI KẾT HỢP SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO - THE LUGAR AN GIANG RESORT AND SPA ĐỊA CHỈ: XÃ TÂN MỸ - H. CHỢ MỚI - T. AN GIANG	GIÁM ĐỐC KS. VÕ THANH THIỆN	CHỦ TRÌ KTS. VÕ HOÀNG VŨ	THIẾT KẾ KS. TRẦN PHÚ QUỐI	CÔNG TY TNHH MTV DƯƠNG KHANG GIÁM ĐỐC NGUYỄN VĂN LỢT	HẠNG MỤC: BULGALOW VIP TÊN BẢN VẼ: - MẶT BẰNG TRỆT; MÁI - MẶT ĐỨNG TRỤC 1-2	BẢN VẼ THIẾT KẾ KỸ THUẬT THI CÔNG HOÀN THÀNH: ...../..../2021	BẢN VẼ 01 04

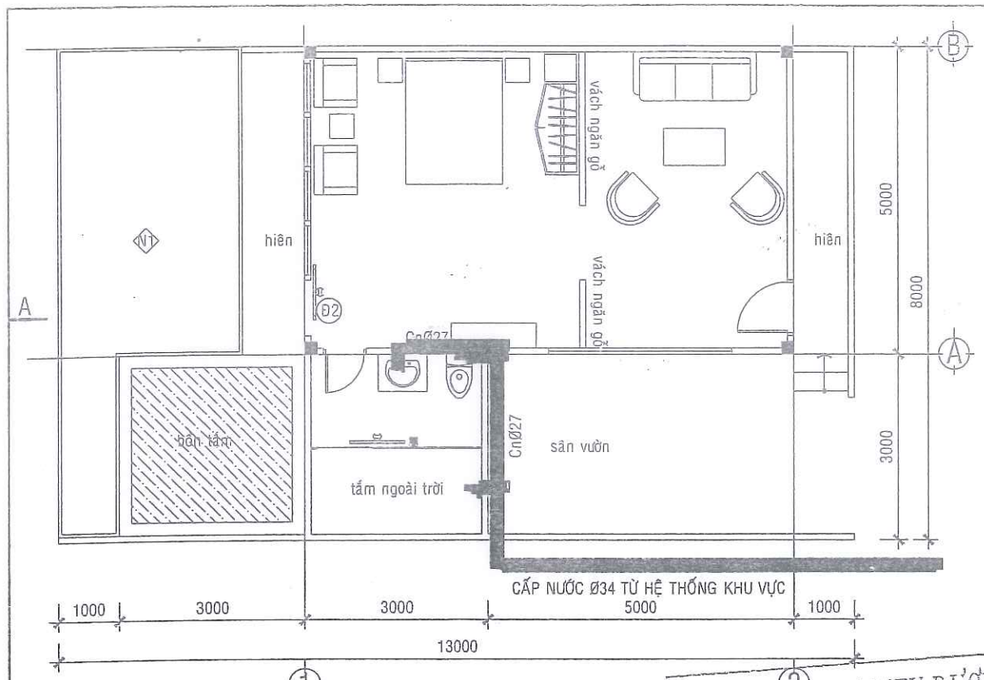

MẶT BẰNG CẤP NƯỚC TRỆT TL: 1/100

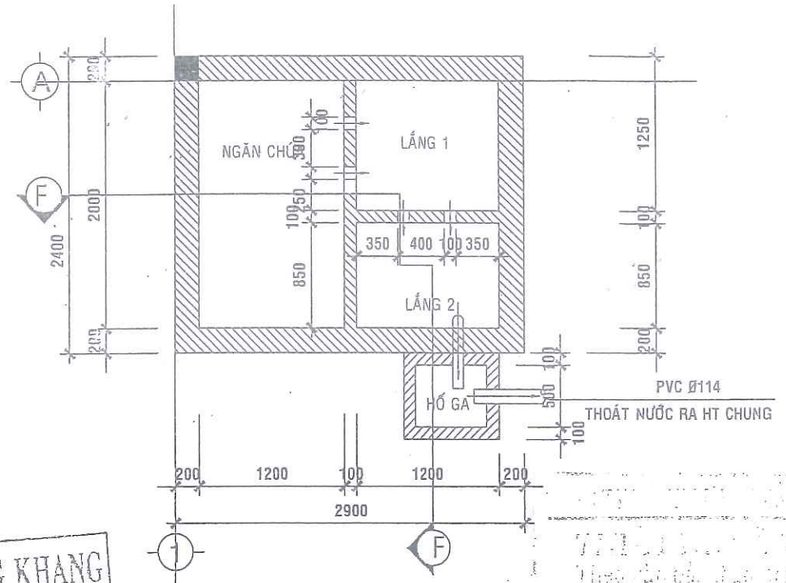

MẶT BẰNG HẦM TỰ HOẠI TL: 1/50

NL

- DALE BTCT MÁC 200
- LỚP THAN HOẠT TÍNH DÀY 200
- LỚP CÁT TO DÀY 100
- LỚP ĐÁ MI DÀY 200
- LỚP ĐÁ 10x20 DÀY 300
- LỚP ĐÁ 40x60 DÀY 200
- DALE BTCT MÁC 200 CHỪA LỖ fi 21,a250
- XÂY GỐI GẠCH THẺ D.100 VỮA XM M.75
- ĐÁY MÓNG BTCT MÁC 200
- BÊTÔNG LÓT ĐÁ 40x60 M.100, DÀY 100

HG

- DALE BTCT MÁC 200
- VỮA LÁNG MÁC 100 DÀY 30
- QUÉT NƯỚC XM NGUYÊN CHẤT TOÀN BỘ BÊN TRONG
- ĐÁY MÓNG BTCT MÁC 200
- BÊTÔNG LÓT ĐÁ 40x60 M.100, DÀY 100

N

- VỮA XM M100 D30 (BẢO VỆ CHỐNG THẤM)
- 3 LỚP KEO CHỐNG THẤM
- SÀN BTCT ĐÁ 10x20 M200)
- LỚP ĐÁ 40x60 MÁC 150 DÀY 100
- CỪ ĐÁ 100X100X1500, 9 CÂY/m2

CÔNG TY TNHH MTV DƯƠNG KHANG
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số.....
Ngày.....tháng.....năm.....

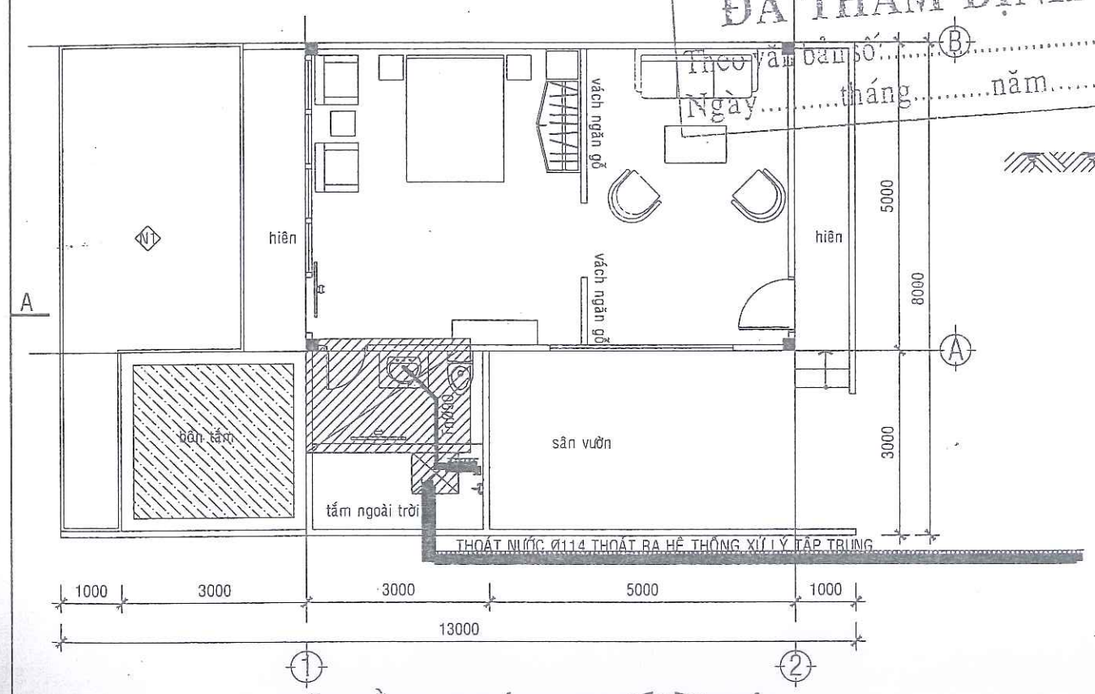

MẶT BẰNG THOÁT SINH HOẠT TRỆT TL: 1/100

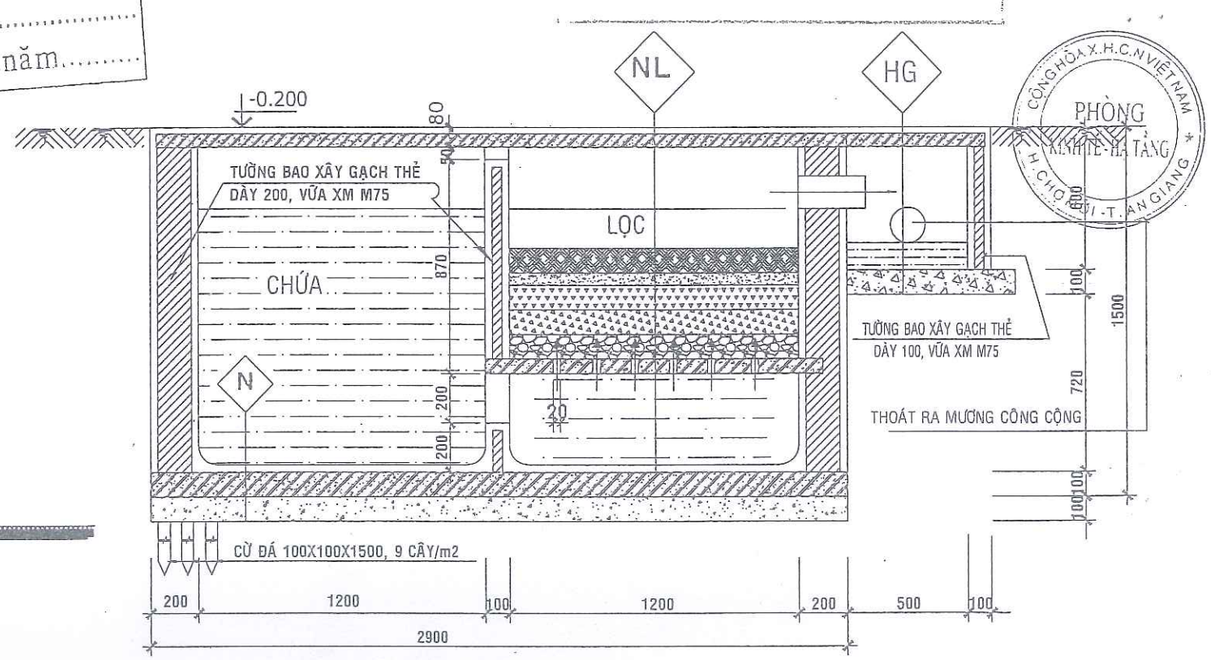

MẶT CẮT F-F TL: 1/25

COS: ± 0.00 = 4.520 (CĐQG)

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KHẢO SÁT THIẾT KẾ VIỆT PHÁT	CHỦ TRÌ	THIẾT KẾ	CĐT: CTY TNHH MTV DƯƠNG KHANG	HẠNG MỤC: BULGALOW VIP	BẢN VẼ THIẾT KẾ KỸ THUẬT THI CÔNG	BẢN VẼ
DỰ ÁN: KHU DU LỊCH SINH THÁI KẾT HỢP SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO - THE LUGAR AN GIANG RESORT AND SPA				TÊN BẢN VẼ: - MẶT BẰNG CẤP THOÁT NƯỚC - CT. NHÀ VỆ SINH		03 / 04
ĐỊA CHỈ: XÃ TẤN MỸ - H. CHỢ MỚI - T. AN GIANG	KS. VÕ THANH THIỆN	KTS. VÕ HOÀNG VŨ	KS. TRẦN PHÚ QUỐI	NGUYỄN VĂN LỢT	HOÀN THÀNH: ...../..../2021	

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KHẢO SÁT THIẾT KẾ VIỆT PHÁT - GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH MTV DƯƠNG KHANG - GIÁM ĐỐC

QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500

KHU DU LỊCH SINH THÁI KẾT HỢP SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO

THE LUGAR AN GIANG RESORT AND SPA

BẢN ĐỒ MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC

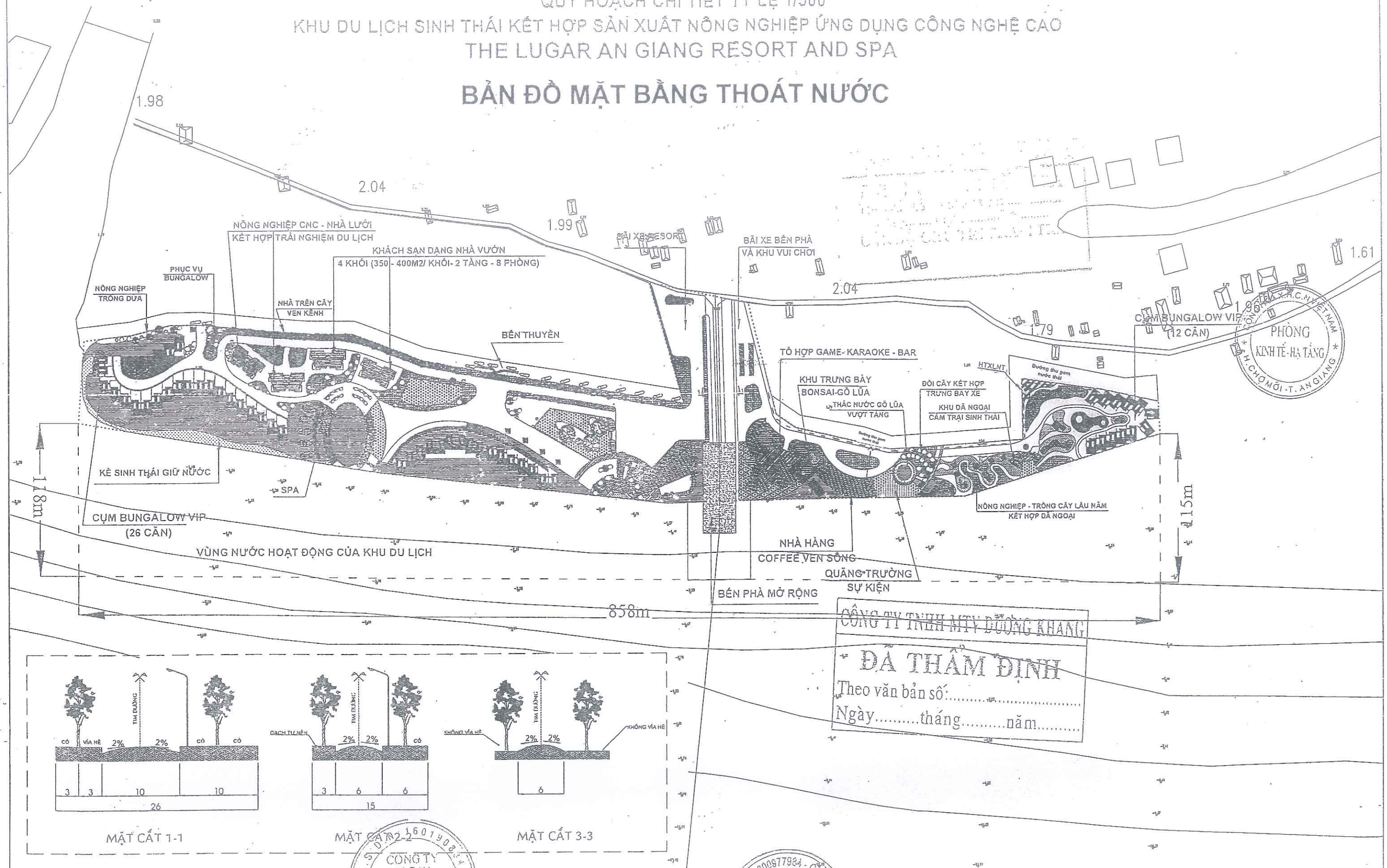

CÔNG TY TNHH MTV DƯƠNG KHANG

ĐÃ THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:.....

Ngày.....tháng.....năm.....

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KHẢO SÁT THIẾT KẾ VIỆT PHÁT DỰ ÁN: KHU DU LỊCH SINH THÁI KẾT HỢP SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO - THE LUGAR AN GIANG RESORT AND SPA ĐỊA CHỈ: XÃ TÂN MỸ - H. CHỢ MỚI - T. AN GIANG	GIÁM ĐỐC	CHỦ TRÌ	THIẾT KẾ	CĐT: CTY TNHH MTV DƯƠNG KHANG GIÁM ĐỐC	HẠNG MỤC: TÊN BẢN VẼ: BẢN ĐỒ MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC	BẢN VẼ THIẾT KẾ CƠ SỞ HOÀN THÀNH: ...../...../2021	BẢN VẼ
	KS. VÕ THANH THIỆN	KTS. VÕ HOÀNG VŨ	KS. TRẦN PHÚ QUỐC	NGUYỄN VĂN LỢT			

ARESEN.VN

SƠ ĐỒ DÂY CHUYỀN HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 30M^3/NGÀY.ĐÊM

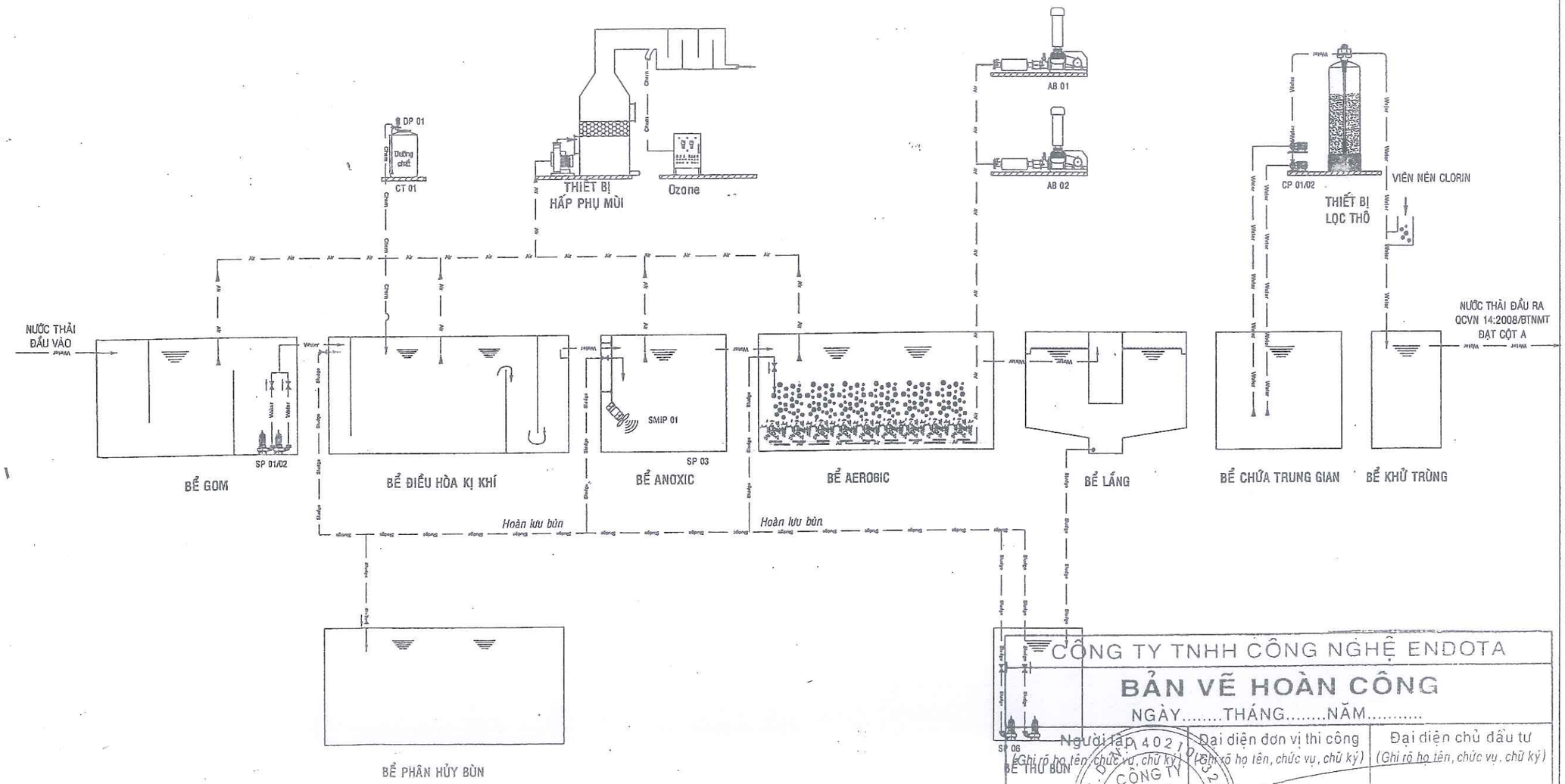

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ ENDOTA

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

NGÀY.....THÁNG.....NĂM.....

Người lập	Đại diện đơn vị thi công	Đại diện chủ đầu tư
(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)

CHỦ ĐẦU TƯ - PROJECT OWNER

CÔNG TY TNHH MTV DƯƠNG KHANG

ĐỊA CHỈ - ADDRESS

AN GIANG

CÔNG TRÌNH - PROJECT

CÔNG TY TNHH MTV DƯƠNG KHANG

HẠNG MỤC - ITEMS

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI - 30M^3/NGÀY.ĐÊM

GIÁM ĐỐC - DIRECTOR

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP MÔI TRƯỜNG ARES
ADDRESS : SỐ 18 NGUYỄN DU, PHƯỜNG MỸ BÌNH
TP LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG.
TEL : 0296. 958 868 - 0296. 957 868
HOTLINE : 0903 757 109 FAX: 0296. 958 669
E-MAIL : aresan.vn@gmail.com
WEBSITE : moitruongpanh.vn I aresen.vn

PHÓ GIÁM ĐỐC - VICE DIRECTOR

NGUYỄN VĂN TÌNH

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ - CHIEF ARCHITECT

HUỲNH PHÚ HUYỆN

THIẾT KẾ - DESIGN

NGUYỄN THỊ KIM LIÊN

KIỂM TRA - CHECKER

HUỲNH PHÚ HUYỆN

TÊN BẢN VẼ - DRAWING NAME

DÂY CHUYỀN CÔNG NGHỆ

- ■ BẢN VẼ THIẾT KẾ
- ☐ BẢN VẼ THI CÔNG
- ☐ BẢN VẼ HOÀN CÔNG

BẢN VẼ SỐ DRAWING NO. 01/02

TỈ LỆ - SCALE: 1/100

LẦN THỰC HIỆN - RD: 01

HOÀN THÀNH - FINISH THÁNG 07/2020

GHI CHÚ - NOTES

1. ĐỀ NGHỊ KIỂM TRA KÍCH THƯỚC THỰC TẾ TẠI CÔNG TRƯỜNG TRƯỚC KHI THI CÔNG.
2. KHI THAY ĐỔI CHI TIẾT THIẾT KẾ CẦN THÔNG QUA Ý KIẾN CỦA CHỦ TRÌ THIẾT KẾ.

ARESEN.VN

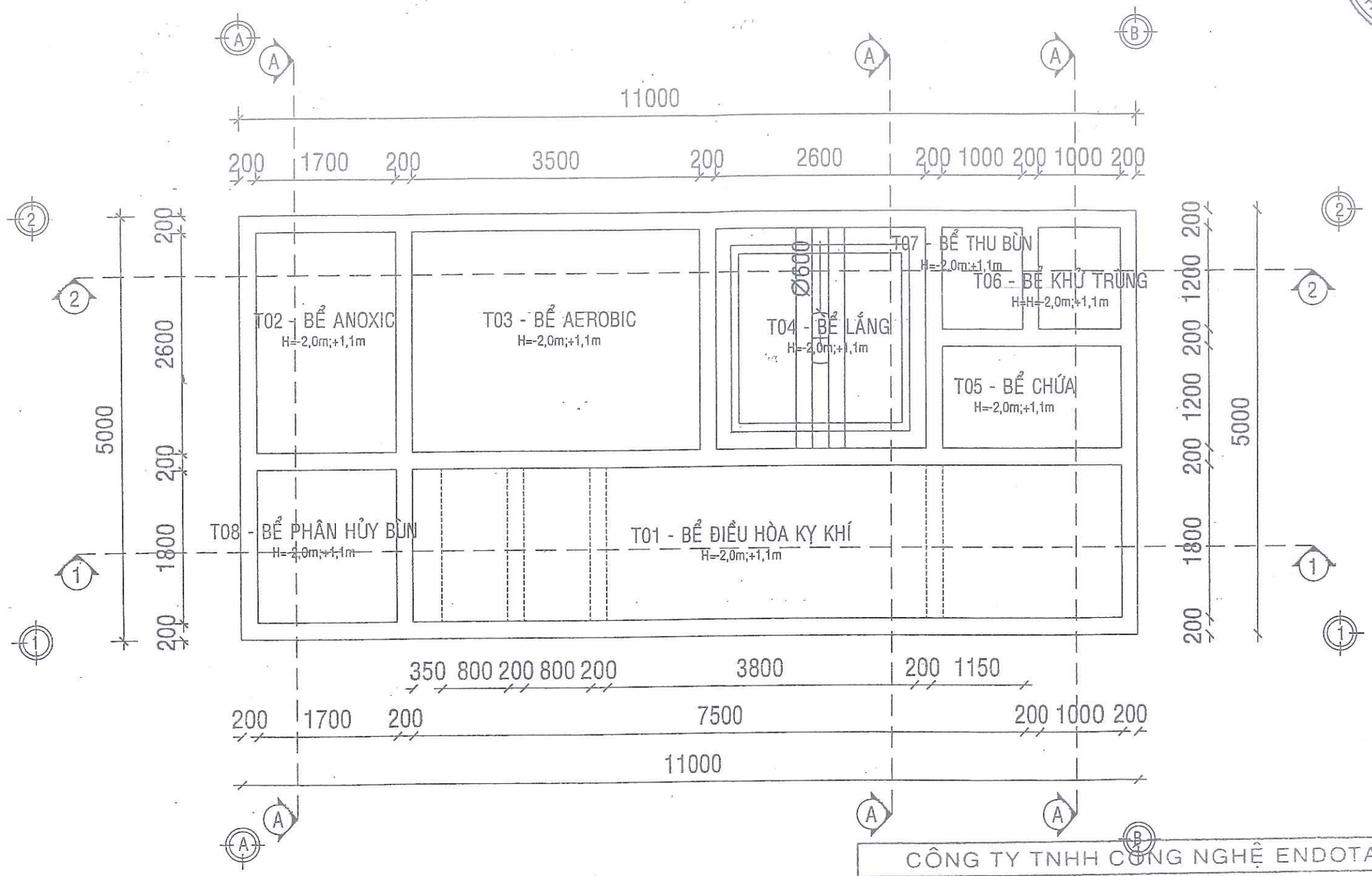

MẶT BẰNG BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TỈ LỆ: 1/100

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ ENDOTA

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

NGÀY.....THÁNG.....NĂM.....

Người lập	Đại diện đơn vị thi công	Đại diện chủ đầu tư
(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)

CHỦ ĐẦU TƯ - PROJECT OWNER

CÔNG TY TNHH MTV DƯƠNG KHANG

ĐỊA CHỈ - ADDRESS

AN GIANG

CÔNG TRÌNH - PROJECT

CÔNG TY TNHH MTV DƯƠNG KHANG

HẠNG MỤC - ITEMS

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI - 30m³/NGÀY.ĐÊM

GIÁM ĐỐC - DIRECTOR

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP MÔI TRƯỜNG ARES

ADDRESS : SỐ 18 NGUYỄN DU, PHƯỜNG MỸ BÌNH TP LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG.

TEL : 0296. 956 668 - 0296. 957 668

HOTLINE : 0903 757 109 FAX: 0296. 956 669

E-MAIL : aresen.vn@gmail.com

WEBSITE : moitruongxanh.vn | aresen.vn

PHÓ GIÁM ĐỐC - VICE DIRECTOR

NGUYỄN VĂN TÌNH

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ - CHIEF ARCHITECT

HỨNH PHÚ HUYỆN

THIẾT KẾ - DESIGN

NGUYỄN THỊ KIM LIÊN

KIỂM TRA - CHECKER

HỨNH PHÚ HUYỆN

TÊN BẢN VẼ - DRAWING NAME

MẶT BẰNG HỆ THỐNG

■ BẢN VẼ THIẾT KẾ
☐ BẢN VẼ THI CÔNG
☐ BẢN VẼ HOÀN CÔNG

BẢN VẼ SỐ DRAWING NO. 01 / 02

TỈ LỆ - SCALE: 1/100

LẦN THỰC HIỆN - NO: 01

HOÀN THÀNH - FINISH THÁNG 07/2020

GHI CHÚ - NOTES

1. ĐỀ NGHỊ KIỂM TRA KÍCH THƯỚC THỰC TẾ TẠI CÔNG TRƯỜNG TRƯỚC KHI THI CÔNG.
2. KHI THAY ĐỔI CHI TIẾT THIẾT KẾ CẦN THÔNG QUA Ý KIẾN CỦA CHỦ TRÌ THIẾT KẾ.

QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500

KHU DU LỊCH SINH THÁI KẾT HỢP SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO

THE LUGAR AN GIANG RESORT AND SPA

SƠ ĐỒ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG GIAI ĐOẠN HOẠT ĐỘNG

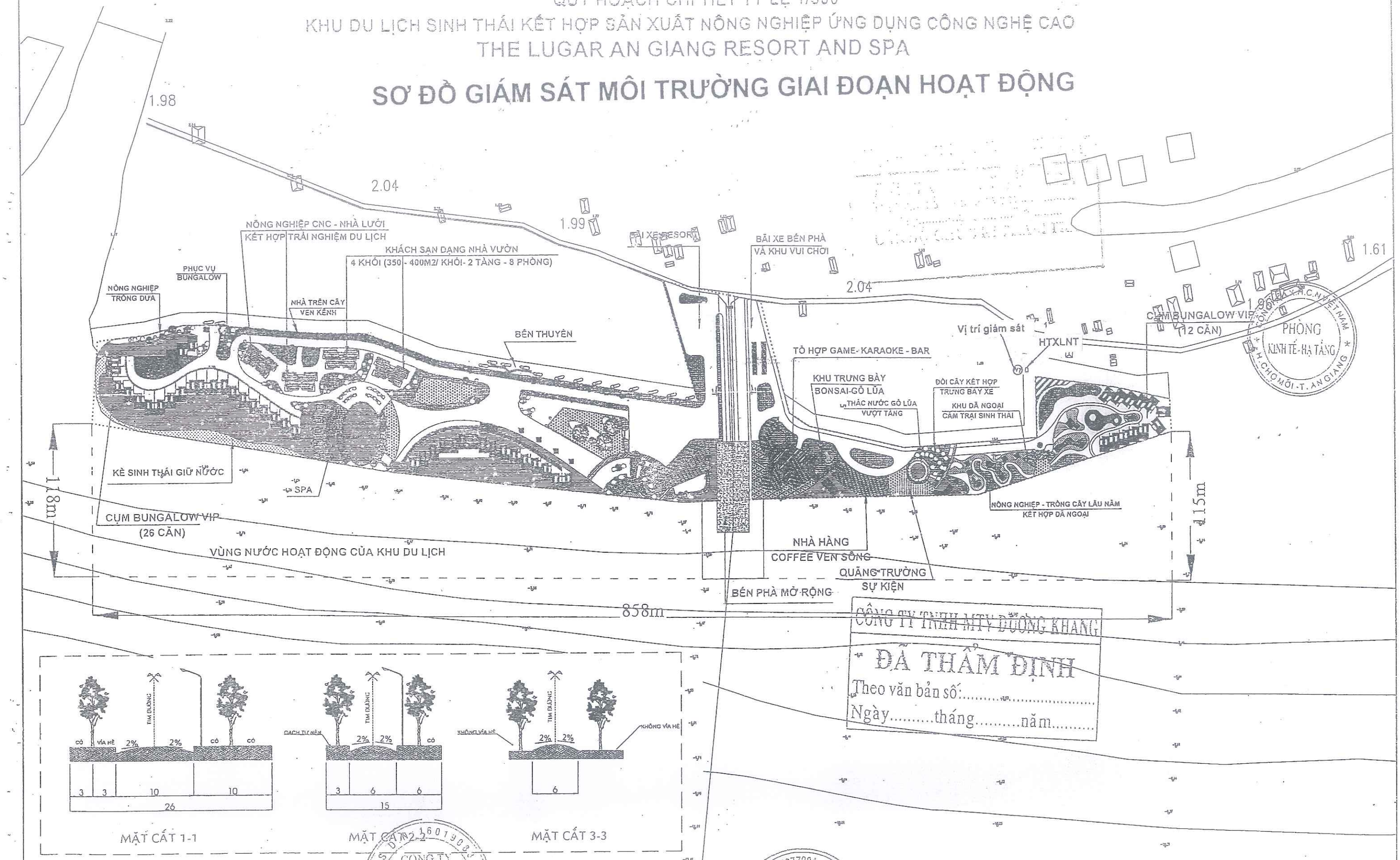

CÔNG TY TNHH MTV DƯƠNG KHANG

ĐÃ THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:.....

Ngày.....tháng.....năm.....

PHÒNG KINH TẾ-HẠ TẦNG H. CHỢ MỚI - T. AN GIANG

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KHẢO SÁT THIẾT KẾ VIỆT PHÁT DỰ ÁN: KHU DU LỊCH SINH THÁI KẾT HỢP SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO - THE LUGAR AN GIANG RESORT AND SPA ĐỊA CHỈ: XÃ TẤN MỸ - H. CHỢ MỚI - T. AN GIANG	GIÁM ĐỐC KS. VÕ THANH TUYỀN	CHỦ TRÌ KTS. VÕ HOÀNG VŨ	THIẾT KẾ KS. TRẦN PHÚ QUÝ	CĐT: CTY TNHH MTV DƯƠNG KHANG GIÁM ĐỐC NGUYỄN VĂN LỢT	HẠNG MỤC: TÊN BẢN VẼ: SƠ ĐỒ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG GIAI ĐOẠN HOẠT ĐỘNG	BẢN VẼ THIẾT KẾ CƠ SỞ HOÀN THÀNH: ..../..../2021	BẢN VẼ